



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 64

Số: **17**

(2672)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 23 - 4 - 2011

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN



QUÂN ĐỎ, QUÂN XANH

Nhà văn ĐÀM QUỲNH NGỌC

VINH dự và phần khởi được dự lớp tập huấn ứng cử vào Hội đồng nhân dân các cấp, tôi trau chuốt quần áo mặt mũi, đến lớp học sớm lắm. Người dự tập huấn cũng đông, buổi khai mạc trang trọng, vị quan chức lên phát biểu, dặn dò các học viên tiếp thu cho tốt, sau này trúng cử sẽ là đại diện cho nhân dân thể hiện ý chí nguyện vọng góp phần xây dựng đất nước. Đồng loạt học viên mở sổ ghi chép nghiêm túc, điểm danh đầy đủ dưới ống kính quay phim, chụp hình của các nhà báo.

Buổi khai mạc đầu tiên vui vẻ, đông đủ, nhưng những buổi sau số học viên vắng hẳn đi, chỉ bằng nửa ban đầu. Sao thế? Người tổ chức lớp học báo cáo với thấy do có người ốm, công việc đột xuất... Thấy không nói gì, chắc thấy cũng quen với không khí tổ chức lớp học như thế này ở nhiều nơi. Học viên có mặt im lặng chép bài.

Giờ ra chơi, có vị ngồi cùng bàn, hỏi:
- Chắc là quân đỏ nên chăm chỉ học bài thế nhỉ?

- Sao? - Tôi ngơ ngác.

- Chỉ là quân đỏ nên mới chịu khó ngồi lại cho đến ngày bế mạc, quân xanh tạm biệt từ hôm khai mạc ấy, làm gì có ốm đau, công việc... Bạn thuộc thành phần cứng, hay mềm dẻo?

Tôi bật cười:

- Thế nữa, quân xanh đỏ rồi đến thành phần cứng mềm...? Minh không biết, cơ quan giới thiệu đi học thì đi thôi. Bạn quân gì? Thành phần gì mà có vẻ tự tin vui vẻ thế?

- Chắc ăn rồi, phải có cả một quá trình quan hệ lâu dài ấy chứ, mình là quân đỏ, thành phần cứng, nên mới ngồi nghe thấy giảng dạy, nếu không đi làm việc khác, ngồi làm gì cho mất thời gian...

Thì ra thế, tự nhiên tôi có cảm giác mình là người lạc hậu, lỗi thời trong lớp học....■

ĐÊM VUI CỦA MÁ

Truyện ngắn của NGUYỄN NGỌC LỢI



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

CUỐI cùng thì ba đứa chúng tôi đã yên vị trên căn gác. Một căn gác xa lạ, ngơ ngàng như không thể tin. Vừa mới đây thôi, khoảng hơn một giờ cả ba vừa ngơ ngác vừa lo sợ trước một cảnh huống lạ lẫm, bất ngờ, không hề có trong đón đợi. Liếc nhìn chiếc đồng hồ lớn trên mảng tường mé trái, đã gần mười giờ, lúc này tôi mới có thời gian quan sát phía trong căn nhà. Chiếc tủ có gương, chiếc xe máy, dàn nghe nhạc, những bóng đèn neon... toàn những thứ xa lạ. Cả thành phố cũng lạ lẫm, nào vườn hoa, công viên, những tòa nhà nhiều tầng và những con đường... Tất cả đều đẹp nhưng quá vắng vẻ. Người ta đã bỏ đi hết rồi sao? Nghe phổ biến thì thành phố này tập trung rất nhiều dịch cơ mà? Chẳng lẽ dễ dàng đến thế? Tôi không hiểu, chỉ biết lúc này chung quanh đang rất im ắng. Sự vắng lặng từ chiều đã làm cho màn đêm như trở nên hun hút và thăm thẳm. ...

Ngã lưng xuống rồi mà cả ba đều như không yên. Phấp phồng bốn chốn có lẽ còn do nóng và bức bối. Cậu Tuấn nằm giữa không ngớt ngo ngoáy rồi chuôi ra khỏi màn nói em phải chờ đồ dài thôi... Phải đấy! Tôi cũng ngồi dậy cởi áo tày chạm phải cái rổ bằng sắt mà mãi sau này mới biết đó là vành bảo hiểm quạt điện mà cô bé đã cầm sẵn từ lúc này. Có quạt điện mà chúng tôi đâu đã biết dùng, cứ vậy chịu trận. Nóng bức, chật chội... có thể vì mệt nhưng sao ai cũng bồn chồn. Anh Giám đã không còn trở mình nữa. Tôi đoán có lẽ nhờ phát tiêm của cô bé. Mọi sự diễn ra vừa rồi cứ như chuyện không có thật, như chuyện trong mơ.

Anh Giám bị thương nhẹ ở bắp chân từ chiều qua khi đơn vị được lệnh tiến vào Đà Nẵng. Sáng nay ba anh em bám theo tiểu đội đầu được vài cây số thì tụt lại dần. Ban đầu anh còn nhúc nhích, nửa chiều trở đi cứ phải bám lúc vai Tuấn lúc vai tôi. Chúng tôi bất lực nhìn hết tốp này tốp khác vượt qua. Cho mãi lúc mặt trời lặn ba anh em mới chạm đến thành phố. Ngoại thành Đà Nẵng phảng phất mùi thuốc súng nhưng đã vắng tanh, đường sá ngổn ngang vương vãi dây thép gai, xe quân sự và quần áo mũ giày lính. Dưới ánh hoàng hôn hiu hắt cảnh tượng trở nên ảm đạm. Phía nam thành phố nghe rậm rịch ỉ ầm tiếng động cơ ô tô hay máy bay lên xuống, có một cái gì đó như đang chuyển động gấp gáp... Lại thêm một tốp quân mình vượt lên, vừa nhác thấy bóng trước họ, chúng tôi bám tới một ngã tư thì mất hút. Nhìn bóng mình đổ dài trên đường phố chúng tôi mới nhận ra trời đã tối từ lúc nào. Cả ba sững lại. Biết đi hướng nào đây? Đường phố chỗ sáng chỗ tối thấp thoáng đôi ba bóng người thoắt ẩn thoắt hiện khiến chúng tôi càng thêm lo lắng. Anh Giám là lính cựu, đã tham gia hai ba trận mà lúc này cũng tỏ vẻ lo lắng.

- Tìm chỗ đi các cậu... Về mặt anh trở nên căng thẳng.

Đội Tuấn diu anh Giám lùi vào sau cụm cột điện ở góc ngã tư để có vật che khuất, tôi xách súng đi lùi trở lại tìm chỗ có thể ngủ qua đêm. Biết tìm chỗ nào đây giữa một thành phố xa lạ vắng vẻ và đầy bất trắc như thế này?

(Xem tiếp trang 14)

LỖ THÙNG VĂN HÓA

TRẦN HUY QUANG

CHƯA bao giờ trên đất nước Việt Nam này, đồng tiền lại được suy tôn, và có một sức mạnh chi phối xã hội đến như vậy. "Tiền là tiên là Phật" được dân gian hát thành về cách đây gần hai chục năm. Người ta kiếm tiền, moi tiền, làm tiền khắp mọi nơi, mọi lúc, mọi tầng lớp bằng mọi giá, mọi thủ đoạn và để đạt mục đích thì người ta bất chấp lương tri, đạo lý, nhân phẩm, thể diện... Cái đích cao nhất, trên hết, tối thượng và cấp bách nhất là... có thật nhiều tiền.

Để có việc làm, tiền. Lên chức, tiền. Chữa bệnh, tiền. Học hành, tiền. Đi lại, tiền. Tối thiểu nhất là được làm người, một người bình thường, cũng phải tiền. Không tiền trở thành kẻ ất ơ như cọng cỏ. Không có tiền là không có gì cả, không là gì cả. Không tiền, cấp cứu cũng nằm đấy. Vì sao vậy? Vì tất cả đều được thị trường hóa, một nền thị trường bất cập, nội hàm không xác định. Vì cơ chế xã hội đã đẩy mọi người vào cái thế hiếm ấy, vào cái sống thần khát tiền ấy, không ai cưỡng lại được. Mọi người đều bị cuốn vào dòng thác ấy. Người nông dân năm nắng mười mưa nhưng thu hoạch cuối năm không đủ nộp các quỹ do thể chế định ra, chưa nói đến cần tiền chữa bệnh, hiếu hỷ hoặc nuôi con ăn học xa. Công nhân viên chức làm ăn bình thường thu nhập sẽ không đủ bù đắp chi phí sống. Mà cuộc sống của con người còn bao nhiêu nhu cầu khác mới có thể gọi là cuộc sống. Cái khoản thiếu hụt ấy của cuộc sống người dân bình thường phải tìm cách bù đắp cho bằng được mới có thể gọi là tồn tại. Thế mà cái khoản thiếu hụt ấy ngày càng lớn, càng nhiều vì tăng giá, phúc lợi giảm, thuế và lệ phí, phí ngày càng đặt ra nhiều. Đó là những thuế và phí đã thành văn, còn những phí không thành văn thì khủng khiếp hơn

nhiều. Không nơi nào là không đòi tiền. Người ta nghĩ ra nhiều thủ đoạn để dân phải chờ đợi, gây rắc rối để người dân phải đi đi lại lại tốn công sức thời gian, buộc người dân phải xi tiền ra.

Cơn khát tiền càng nóng bỏng. Nó gây ra sự bức bách hàng ngày, một tâm lý bất an trong mọi tầng lớp, thị dân cũng như nông dân. Muốn sống được an toàn phải có tiền, cho nên mọi người, mọi tầng lớp đua nhau nghĩ ra cách kiếm tiền. Người có quyền thì tham nhũng, doanh nhân doanh nghiệp thì gian lận thương mại, trốn thuế, hàng giả hàng lậu, người dân bình thường thì việc khổ mấy cũng làm, kể cả nguy hiểm đến tính mạng như đào vàng, vào rừng tìm trâm, buôn thuốc phiện, vân vân... Khi một xã hội khát tiền thì cái sự khat tiền ấy dâng lên như sóng thần, lôi cuốn tất cả, khi ấy lương tâm, lòng nhân ái, tình đồng loại phải lùi về phía sau. Đồng tiền được tôn sùng,

người giàu được tôn sùng mà không có phanh hãm, không có gì đối trọng thì bạo lực nổi lên. Cháu giết bà nội để lấy 200 ngàn, trên thế giới không nơi nào có. Giết người bằng cắt khúc trên thế giới chắc cũng ít có. Những vụ án bạo lực rất kỳ lạ.

Ý thức phương Đông vốn không tôn sùng vật chất lắm, Việt Nam cũng vậy. Cha ông ta thường có lý tưởng "thanh bần lạc đạo", "đói cho sạch, rách cho thơm", ta đã nhầm là tổ tiên ta bằng lòng với cái sự nghèo, không phải, cha ông ta muốn phanh cái tâm lý ham hố giàu có, sợ dân tộc này tôn sùng vật chất quá, tiền nhiều nhưng danh dự, lương tri cao hơn, đừng làm giàu bất chấp thủ đoạn. Trong các chuyện cổ tích, bao giờ dân gian cũng chế diễu, đã kích tỉnh tham lam của phú ông, đó không phải vì người xưa đã có tính giai cấp. Bàn thờ thần Tài phải để dưới đất, có nơi còn để

ở chỗ đóng rác, còn bàn thờ tổ tiên đặt cao trang trọng. Thờ thần Tài để buôn bán phát tài, để giàu có sao không đặt cao như thờ tổ tiên? Đây là cái cơ chế để vận hành xã hội của người xưa. Con người vốn tham vật chất, anh nào cũng muốn giàu có, con người vốn biết sức mạnh của đồng tiền, nếu được thể chế và dư luận xã hội kích thích nữa thì nó sẽ thành dòng thác kim tiền. Cho nên người xưa có những chuyện cổ tích, những tư tưởng "thanh bần lạc đạo" và cái sự đặt bàn thờ thần Tài dưới đất là một triết lý xã hội đóng vai trò như cái chốt hãm, như cái phanh để giữ cho xã hội cân bằng giữa tiền bạc và đạo đức.

Đất nước ta đã từng trải qua những cuộc chiến tranh dài đầy khó khăn, lại qua thời hậu chiến còn khó khăn hơn, việc cấm dân giàu vừa được bãi bỏ thì liền khuyến khích làm giàu, dư luận tôn vinh người giàu một cách quá đáng. Hiện nay Việt Nam có số lượng người giàu đứng thứ ba châu Á, sau Trung Quốc và Ấn Độ. Cùng với việc sùng bái vật chất, những phúc lợi xã hội bị cắt giảm, các sắc thuế đặt ra càng nhiều làm cho cơn khát tiền trong xã hội dâng lên như sóng. Trong khi ấy chúng ta không có chốt hãm, chúng ta nghiêng hẳn về một phía mà quên mất đạo đức, lương tri. Gần đây chúng ta mới có những vụ tổ chức quyền góp ủng hộ người nghèo hoặc bị thiên tai nhưng trong đó đã lộ sự đầu cơ gian lận, lợi dụng lòng thiện chỉ làm đau lòng xã hội. Dù sao đám cháy kim tiền cũng đã bùng lên rồi mà có dập được thì cũng để lại một đồng tro tàn.

Thế mới biết các cụ ngày xưa minh triết lắm. Nếu xã hội tôn sùng đạo đức thì xã hội ấy nghèo nhưng thanh bình. Nếu suy tôn đồng tiền mà hạ thấp đạo đức thì xã hội ấy nhiều bạo lực và tội ác.■



Ý KIẾN NGẮN

THỔN THỨC NHỮNG DÒNG SÔNG

TUỔI thơ tôi đã gắn bó sâu nặng với những dòng sông. Mỗi con sông chảy qua tuổi thơ đều để lại lớp lớp phù sa kỷ niệm và theo tôi suốt cuộc đời. Để sau những buồn vui, thành bại trên những chặng đường đời, tôi đều muốn trở về bên gia đình, bố mẹ, dòng sông quê để gột rửa những bụi bặm, xoa dịu những nỗi đau, tìm lại sự thanh thản tâm hồn.

Vậy mà trên những nẻo đường tôi qua, ở nhiều vùng quê, tôi bắt gặp bao dòng sông, con suối mỗi ngày bị tàn phá, ô nhiễm. Dòng sông là của chung mọi người nhưng nó lại chẳng của riêng ai nên không ai thấy mình có trách nhiệm phải bảo vệ. Dầu ai cũng biết những dòng sông, suối, ao, hồ rất quan trọng - điều hoà phong thủy, cung cấp nước tưới, sinh hoạt - nguồn sống của con người, cây cối, vạn vật, ấy thế mà người ta lại đối xử vô cùng tàn nhẫn với những dòng sông - người mẹ nuôi sống mình. Ở quê tôi, dòng sông là nơi chứa đủ thứ rác thải của con người từ phân gia súc, gia cầm, xác súc vật,... bị chết vì dịch bệnh người ta cũng vứt cả xuống sông. Dòng sông nghiêm nhiên trở thành hồ rác công cộng của tất cả mọi người. Biết là bẩn đấy, ô nhiễm đấy nhưng mặc kệ, bẩn thì bẩn chung, còn hơn là để những thứ bẩn thỉu ấy trong nhà mình. Đến như mẹ tôi là người sạch sẽ, thấy tôi ngày ngày lượm mớ rác trong vườn nhà để tự tiêu huỷ cũng phàn nàn bảo: "Ồi dào, con cứ cho tất rác vào bao, quảng xuống sông là xong. Ai chả làm như vậy!" Chẳng ai thêm để ý đến nỗi buồn và lý sự của tôi: "Nếu ai cũng làm vậy thì dòng sông sẽ ô nhiễm đến mức nào?!"

Không chỉ đổ rác thải bừa bãi xuống sông, con người còn ra sức chen lấn, lấp dần các dòng sông để làm chỗ ở, xây dựng công trình, dự án,... Mỗi lần về thăm quê lại thấy dòng suối gần nhà mỗi năm bị thu hẹp lại, nước cạn

và bẩn đi nhiều. Trong ký ức tôi còn nguyên hình ảnh một con suối rộng uốn lượn quanh co qua bao làng mạc, ôm ấp, chở che cho những xóm nghèo. Ngày nhỏ tôi hay đứng trên bờ suối soi mình xuống nước, thích thú nhìn rõ bóng mình lay động tan vào những lớp rong rêu, đá cuội dưới đáy suối. Mùa hè oi bức, chưa có quạt điện, người lớn, trẻ con lại tụ tập quanh suối bìm bõm tắm, giặt, rửa rau quả và trò chuyện rôm rả, huyền ảo cả khúc suối. Xóm tôi toạ lạc trên một quả đồi đất đỏ, hoang cằn, nhiều nhà chưa có giếng khơi, giếng khoan nên bao năm trời phải gánh nước suối về ăn, sinh hoạt. Tôi thích nhất sau những trận mưa lũ, tháo cống, suối cạn, người lớn, trẻ con trong xóm và cả những xóm lân cận lại rủ nhau như trẩy hội ra suối bắt cá, tát vệt vừa để bán, vừa để ăn. Nhiều đứa trẻ nghèo chỉ trông vào số tiền ít ỏi bán cá, tôm, cua do mình dầm mưa dãi nắng mò mẫm được để mua quần áo, sách vở và dành dụm mua quà bánh những dịp lễ, tết, hội hè. Chiếc cầu nhỏ bắc qua suối còn là nơi lũ trẻ và thanh niên nam nữ tụ tập ngồi hóng mát, chơi đùa và tình tự những đêm hè trăng thanh gió mát. Tôi ngàn lần cảm ơn dòng suối quê hương đã nuôi dưỡng cả thể chất và tâm hồn tôi cũng như bao lớp người.

Ấy thế mà chỉ vài năm gần đây, xã bán đất cho mấy hộ dân đầu thầu trong mấy chục năm trời. Những hồ sen ven suối thơm ngát mùa hè, lũ trẻ thường dạo chơi và hái bát sen, ngó sen và đào củ để ăn, giờ đã bị phá hết. Người ta ra sức san lấp suối để xây nhà, chuồng trại, trồng cây trái. Không biết lợi ích kinh tế đem lại cho mấy hộ dân và chính quyền địa phương được bao nhiêu? Chỉ biết từ khi dòng suối bị lấp, dòng chảy thay đổi, làm mất đi vẻ đẹp tự nhiên hiếm có của quê tôi. Quan trọng hơn nó đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến canh tác nông nghiệp của hàng nghìn người nông dân. Trước đây, con

suối là nguồn nước tưới tiêu chính cho mấy cánh đồng thì từ khi dòng chảy bị thu hẹp, lượng nước ít đi, bao thửa ruộng bị thiếu nước tưới dưỡng, đã mất mùa hoặc năng suất thấp. Nhiều nhà phải đào giếng khoan và mua máy bơm để chất gạo nước từ các ao hồ, mương máng cứu lấy những thửa ruộng khô hạn, nhiều vụ người dân đã thần thờ vì mất mùa, đói kém.

Không thể tiêu hoá nổi những rác thải con người xả xuống, những dòng sông đã và đang chết dần chết mòn. Thay vì êm đềm vỗ sóng, giờ đây ngày đêm bao dòng sông thổn thức khóc than, chúng mòn mỏi cầu xin con người hãy dừng tay, xót thương lấy những dòng nước ngày càng bị ô nhiễm nặng đến cá, tôm, cây cỏ cũng không sống nổi. Để đến nỗi những con sông hiền hoà cũng phải nổi giận và khi chúng đã nổi giận thì không gì có sức tàn phá khủng khiếp bằng. Năm nào mùa mưa bão, chúng ta cũng phải đau xót nhìn bao đồng bào bị mưa lũ cuốn trôi, tàn phá nhà cửa, hoa màu, tài sản, thậm chí cả tính mạng. Không chỉ vậy, các bệnh viện đều quá tải vì phải tiếp nhận những người bệnh hiểm nghèo như ung thư mà một trong những nguyên nhân sâu xa do dùng nguồn nước bị ô nhiễm nặng. Hơn hết, chính mỗi người hãy tự cứu lấy mình bằng cách thay đổi nhận thức và hành vi ứng xử của mình với những dòng sông. Con người muốn những dòng sông hiền hoà, với mình thì hãy đối xử tốt với nó như với chính người thân yêu của mình.

Một ngày về thăm quê, dạo quanh con suối quen thuộc, tôi thăm ước ao có ngày dòng suối quê tôi được trả lại vẻ đẹp ngày xưa để tôi và bao đứa trẻ có trốn trở về tắm mát, vung vẩy sau những cơn mưa, bụi bặm của cuộc đời.■

HẢI YẾN

(Đội Thanh tra giao thông và Xây dựng TP Bắc Giang)



MƯƠI SINH VÀ SỰ VÔ CẢM

SONG NGỌC

Chỉ trong một thời gian ngắn, các vụ tai nạn lao động, tai nạn giao thông nghiêm trọng, cả đường bộ, đường sắt, rồi đường thủy... liên tiếp xảy ra khiến dư luận hết sức quan tâm, người dân thì hoang mang, bức xúc... Có thể nói càng ngày trong cuộc mưu sinh của mình, sinh mạng của rất nhiều con người đang ngày càng trở nên nhỏ bé và thường xuyên bị đe dọa...

NHỮNG CÁI CHẾT VÌ CUỘC MƯƠI SINH...

KHAI thác đá là cả một quy trình liên quan đến tác động môi trường và tác động thu nhập của người lao động. Những lợi ích và tác hại trước mắt cũng như về lâu dài của nghề khai thác có tầm ảnh hưởng mạnh tới sự phát triển kinh tế xã hội của cả một địa phương, hay lớn hơn là vùng miền nào đó. Ở Việt Nam chúng ta có vô số mỏ đá, nhưng có thể nói Nghệ An và Hà Tĩnh là hai địa phương có nhiều mỏ đá thuận lợi cho việc khai thác nhất. Thuận lợi ở đây được hiểu đầy đủ theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Đó là cơ nguồn lao động dồi dào, quản lý lỏng lẻo, chi phí đầu tư thấp, lợi nhuận cao nên chỉ tính tạm trong vòng 5 năm lại nay ít nhất có tới trên 300 mỏ đá tại Nghệ An, Hà Tĩnh chính thức được cấp giấy phép khai thác, tạo việc làm cho hàng chục ngàn lao động.

Tuy vậy, cũng trong vòng 5 ấy, nhiều vụ tai nạn thương tâm đã liên tục xảy ra tại các mỏ đá ở hai địa phương này làm chết và bị thương hàng trăm người, có gia đình bị chết một lúc 6 người mà gần đây nhất là vụ tai nạn vô cùng khủng khiếp xảy ra tại mỏ đá Lèn Cờ, huyện Yên Thành (Nghệ An) vào sáng ngày 01/4 vừa qua, làm 18 người thiệt mạng 5 người khác bị thương, đặc biệt vụ tai nạn lại xảy ra vào thời điểm Nghệ An vừa kết thúc đợt phát động Tuần lễ Quốc gia An toàn vệ sinh lao động & Phòng chống cháy nổ lần thứ 13 một cách rầm rộ, với sự tham gia hưởng ứng của cả hệ thống chính trị và toàn dân.

Trước đó, cũng tại Nghệ An, một vụ tai nạn kinh hoàng khác cũng đã xảy ra vào ngày 15/12/2007 tại mỏ đá D3, thuộc công trình Thủy điện Bản Vẽ, huyện Tương Dương, làm chết 18 công nhân, bao trùm lên một bầu không khí hết sức tang thương! Phải mất gần 20 ngày liền các lực lượng cứu hộ gồm cả Quân đội, Công an được trang bị đầy đủ các phương tiện, thậm chí còn phải dùng đến cả tiểu đội chó nghiệp vụ của Bộ đội Biên phòng, mới đưa được các thi thể ra khỏi đồng đất đá khổng lồ giữa cái rét cắt da cắt thịt của mùa đông ở vùng núi miền tây Nghệ An. Tiếp đến sau đó là các vụ tai nạn sập mỏ đá Hoàng Mai ngày 12/8/2008 làm 5 người chết, 3 người bị thương; vụ tai nạn sập mỏ đá Bản Đa xã Châu Lộc, huyện Quỳnh Châu ngày 6/10/2010 làm một lúc hai anh em ruột trong

một gia đình nghèo phải chịu chung cùng số phận...

Ngoài những tai nạn thường trực xảy ra tại các mỏ đá, nhiều vụ tai nạn sập hầm khác cũng liên tiếp xảy ra trên địa bàn Nghệ An mà điển hình như vụ tai nạn xảy ra ngày 28/8/2008 tại mỏ thiếc xã Châu Thành, huyện Quỳnh Châu làm 3 người thiệt mạng, hay vụ tai nạn sập mỏ thiếc xảy ra ngày 24/8/2009 tại Huổi Trọ, bản Na Xén, cũng tại huyện Quỳnh Châu, làm 3 em nhỏ còn ở tuổi vị thành niên chết và bị thương...

Và hẳn cho tới nay nhiều người dân ở Hà Tĩnh vẫn còn bị ám ảnh bởi cảnh tượng khủng khiếp xảy ra tại mỏ đá Rú Mốc, xã Thạch Bàn, huyện Thạch Hà chiều ngày 27/12 /2007, làm 7 phụ nữ chết vùi một lúc, trong đó có hai chị em dâu cùng trong một gia đình nghèo đến nỗi không thể nghèo hơn... Rồi đến sau đó là vụ tai nạn thảm khốc xảy ra tại mỏ đá Minh Tân ngày 23/7/2010 mà nguyên nhân là do bất cẩn trong việc vận chuyển mìn phá đá làm rơi bọc mìn xuống địa điểm làm việc của hai phụ nữ phu đá trong lúc các chị đang cố bốc nốt xe đá cuối cùng để kịp về ăn trưa...

Tương tự như ở Nghệ An và Hà Tĩnh, tỉnh Quảng Bình hiện có 29 mỏ đá được cấp phép khai thác đang hoạt động. Từ nhiều năm qua, khai thác đá đã trở thành một nghề thu hút hàng nghìn lao động. Tuy nhiên chỉ trong vòng từ năm 2010 đến quý I năm 2011, các mỏ đá ở Quảng Bình đã xảy ra 58 vụ tai nạn lao động, làm 14 người chết, 48 người bị thương...

Những nạn nhân nằm vùi dưới các tảng đá khổng lồ trong những vụ tai nạn tại các mỏ đá chủ yếu là lao động nữ, như vết cứa vào cuộc mưu sinh của những người dân nghèo nơi đây. Những đồng tiền ít ỏi chắt chiu bằng mồ hôi, nước mắt, có khi bằng cả máu, và bây giờ là sinh mạng mà mỗi ngày họ kiếm được, tuy chỉ mấy chục bạc lẻ, nhưng từng đó cũng là quá lớn để họ bù đắp, cải thiện cuộc sống, nuôi con ăn học. Thế nhưng, cuộc mưu sinh vật vờ này đã cướp đi của họ tất cả: Những người đàn ông mất vợ, người con mất mẹ, mất cha... mãi mãi sẽ còn là câu chuyện dài về cuộc sống nơi mỏ đá của những con người khốn khó, thiếu hiểu biết và vô cùng đáng thương...

THiếu TRÁCH NHIỆM HAY LÀ SỰ VÔ CẢM?...

Khó có thể thống kê hết một cách đầy đủ về các vụ tai nạn ở các mỏ khai thác đá và khoáng sản ở địa bàn các tỉnh miền Trung, từ Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình... trong những năm gần đây. Ai là người phải chịu trách nhiệm trước tình trạng này là cả một vấn đề lớn cần phải xem xét lại. Tuy nhiên có một vi phạm chung ở tất cả các mỏ đá mà chỉ đến khi tai nạn xảy đến người ta mới không thể che dấu được. Đó là hầu hết các đơn vị khai thác đều không tuân thủ đúng các quy định về an toàn lao động. Có những đơn vị từng bị thu hồi giấy phép nhưng vẫn tiếp tục khai thác trước sự ngoảnh mặt làm ngơ của chính các cơ quan thu hồi giấy phép đó, nên khi xảy ra sự cố chết người, đơn vị quản lý dễ dàng lấy đó làm lý do thoái thác trách nhiệm... Như vậy có thể nói, sự an toàn của những người lao động ở đây dường như đã bị đặt xuống sau mục đích lợi nhuận của doanh nghiệp.

Lần nào cũng vậy, sau mỗi vụ tai nạn, khi trả lời phỏng vấn báo chí, những người có trách nhiệm ở địa phương đều nói rằng sẽ xem xét và chấn chỉnh những mỏ có dấu hiệu không an toàn. Thế nhưng rồi nó vẫn liên tiếp xảy ra với mức độ nghiêm trọng không hề suy giảm. Chính vì vậy mà nhắc lại những câu chuyện thương tâm xảy ra gần đây không phải chỉ là lời cảnh báo đối với một bộ phận người dân còn thiếu ý thức và hiểu biết trong việc tự bảo vệ mình, mà từ một góc độ khác, đây còn là câu hỏi về tinh thần trách nhiệm đối với các cơ quan chức năng...

Trong khi hàng ngàn người dân đổ xô về nơi mỏ đá Lèn Cờ chứng kiến tai nạn thảm khốc, và tìm kiếm người thân, thì một sự việc đau lòng nữa lại xảy ra ở nơi đây. Một số kẻ bất lương đã lợi dụng sự đau đớn tột cùng của người dân để trộm cắp ít nhất 9 chiếc xe máy. Hành vi không còn chút nhân tính nào của những kẻ tâng tận lương tâm này thực sự đã giống lên một hồi chuông cảnh báo gay gắt về sự xuống cấp của đạo đức xã hội...

Những con người lao động khốn khổ như ngon cổ đại bám vào đá núi khô cằn để sống. Đá vô tâm với lớp vỏ đá vô tri, nhưng chính con người vô tình, vô trách nhiệm khiến đá gây thảm họa. Phải chăng tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội, và cao hơn nữa, là sự lạnh lùng, vô cảm trước sinh mạng của người khác trong một bộ phận những người có trách nhiệm liên quan đến những vấn đề này đã trở nên đáng báo động!...

CHÚ BÉ NHẬT BẢN VÀ BÀI HỌC LÀM NGƯỜI

HOÀI TỔ HẠNH

XIN bắt đầu từ câu chuyện về chú chó. Trong trận động đất sóng thần, chú chó nhỏ giữa mệnh mỏng hoang địa vẫn loay hoay chăm sóc, an ủi người bạn nằm liệt một chỗ, gây chú ý kéo người tới cứu bạn mình... Clip chú chó không bỏ bạn trên internet làm chấn động lương tri nhân loại. Đến con vật còn hành xử với nhau như vậy, cao thượng, chí tình, chí nghĩa như thế huống chi con người...

Thảm họa kép ở Nhật, bên cạnh một trời tang thương, thảm khốc như ngày tận thế, là những câu chuyện phi thường về tinh người khiến cả thế giới nghiêng mình. Trong thảm họa, người dân Nhật Bản không trộm cướp, hôi của, tăng giá, trục lợi, chen lấn, giành giật, hiếp dâm, bắn giết, không hèn nhát bỏ nhiệm sở, sẵn sàng san sẻ vật chất, tinh thần, tình cảm, hy sinh cả mạng sống của mình để cứu người, dù đó là người xa lạ... Nhiều câu chuyện cảm động, chói sáng từ nước Nhật, nhưng có lẽ cảm động, sáng chói nhất là câu chuyện chú bé 9 tuổi. Cha mẹ và em của bé chết hết trong thảm họa, phong phanh quần cụt, áo mỏng, côi cút, đau đớn, đói rét, run rẩy giữa tuyết giá, chú bé nghiêng rằng chịu đựng để không làm phiền xung quanh, lặng lẽ xếp hàng cuối đoàn người chờ phát lương thực. Sợ bé đứng sau cùng không nhận được đồ ăn, một người Việt Nam đi cứu trợ đã nhường khẩu phần của mình cho bé. Thật

bất ngờ khi cậu bé đang trong cơn đói rét và đau khổ tột cùng nhường ấy đã không nhận lấy phần thức ăn nọ cho riêng mình, mà sau khi cúi mình cảm ơn, đã lặng lẽ mang chỗ thức ăn vừa nhận được đó lên chỗ phân phát rồi lại về chỗ cũ xếp hàng... Được hỏi vì sao làm vậy, chú bé nói: nhiều người còn đói khổ hơn cháu nên cháu đưa lên đó phát chung cho công bằng...

Cùng với hình ảnh về trận sóng thần với những tàn phá kinh hoàng vừa diễn ra, là những thước phim về 50 cảm tử quân liều chết cứu nhà máy điện nguyên tử... Sự bình tĩnh, trật tự, kiên cường, đùm bọc nhau qua cơn kinh hoàng của người dân Nhật Bản, câu chuyện chú chó không bỏ bạn trong thảm họa, đặc biệt là hành xử của cậu bé 9 tuổi đã thổi vào lòng nhân loại một luồng gió nhân văn cao cả, góp phần làm dấy lên một phong trào ủng hộ Nhật Bản mạnh mẽ, rộng khắp thế giới. Đã có hơn 130 quốc gia, hàng trăm tổ chức quốc tế, hàng trăm triệu cá nhân tham gia phong trào ủng hộ Nhật Bản. Ở Việt Nam số tiền ủng hộ nhân dân Nhật Bản thông qua Hội Chữ thập đỏ đã lên tới gần 59 tỉ đồng, lớn gấp nhiều lần những đợt ủng hộ thiên tai trong nước. Đó là chưa kể nhiều tổ chức cá nhân đến thẳng đại sứ quán Nhật hoặc thông qua truyền thông, báo chí và các tổ chức khác...

Từ một cậu bé vô danh với hành xử trác tuyệt trong cùng cực khổ đau, đói rét,



Hình ảnh khó quên về tình người trong trận động đất tại Nhật Bản

chú bé 9 tuổi đã trở thành biểu tượng cao đẹp cho nhân cách của con người trước tình trạng xuống cấp trầm trọng của đạo đức xã hội, với vô số những ích kỷ, vụ lợi, độc ác... đang diễn ra hàng ngày một cách lạnh lùng bên cạnh cuộc sống của chúng ta. Hàng trăm triệu người trong cộng đồng mạng không ai cấm được nước mắt. Tất cả, bên cạnh sự xót thương, xót

xang cảm phục, thì từ thẳm sâu trong lòng, cũng còn ít nhiều xấu hổ trước hành động cao đẹp của chú bé... Chỉ bằng một lời nói bình dị thường ngày, một hành động tưởng chừng như rất giản đơn, nhưng thấm đẫm đạo đức cao thượng và tinh thần cộng đồng, đã đem lại cho cả nhân loại này, từ các nhà lãnh đạo quốc gia tới những thường dân, một bài học làm người...

NHỚ THƯƠNG ĐẰNG ĐẰNG

Ký của TÔ ĐỨC CHIÊU



NGƯỜI đàn bà Quảng Trị đối diện qua cái bàn nước con con hồn nhiên kéo tôi về thực tại:

- Bác biết không, ngày nào em cũng chỉ ngồi đây mà thu nhặt được cả năm đó la. Mới tính bác ạ! Toàn tờ một trăm. Hồn thiêng các anh dưới suối vàng chắc tiêu không hết.

Chị vô tâm. Còn tôi thì son sớt. Bên tai vang lên lời ca từ nửa thế kỉ trước: *Súng reo trên ngã tư Sông, rằng ta diệt hết tiểu đoàn Trâu Diên, Đầu Mẩu trận đánh công kiên....* Ngã tư Sông kia, có cách tới ngàn mét hay không, xe cộ rầm rập từ Nam ra Bắc và từ Bắc vô Nam. Những chiếc xe hộp nhỏ nhanh lượn vun vút. Những xe chở khách đủ loại chật kín người. Xe giường nằm kènh càng trôi đi trôi lại thỉnh thoảng bóp lên hồi còi oai linh khoe mẽ. Xe chở con gienlo hùng hổ như cây mình là chúa tể vừa chạy vừa dấn mặt lòng đường. Tôi nâng li cà phê nhấm nháp và ngồi im chìm trong suy tưởng.

Một ngày cuối năm 2010, tôi bỗng nhận được bức điện tử Thanh Hóa. Người đầu dây đằng kia cho biết mình là em ruột liệt sĩ Nguyễn Văn Hoàng muốn đi tìm hài cốt người anh. Bốn mươi năm trôi qua. Làm sao tôi quên được Nguyễn Văn Hoàng cho dù anh hi sinh quá sớm, sống và cùng chiến đấu với nhau không mấy thời gian. Đó là buổi chiều ngày 31 tháng 7 năm 1966 tại chân điểm cao 333 gần Cù Đình. Cùng hi sinh ngày hôm đó còn Nguyễn Thành Bang, Trần Quang Phiệt, và vài anh em khác bị thương. Và từ chân điểm cao ấy trôi xuống gần tràng rộng Baze có đối không tên, trong trận đánh càn Porreri 2 ngày 28 tháng 2 năm 1967, khi lính thủy đánh bộ Mỹ tràn ra vùng yên ngựa đối Con Thỏ, Nguyễn Văn Yên đã dũng cảm vươn người thả đạn cối vào nồng trong lúc máy bay địch lao xuống cất bom và đạn pháo thủ cấp tập phóng tới. Anh nằm vật ra, máu tràn thân áo, bình thần gọi y tá và nói với tôi: Em... bị rồi... Các anh ở lại...

Biết bao người con ưu tú của các gia đình và của đất nước đã ngã xuống nơi đây, lớp lớp, trùng trùng. Người phụ nữ ngồi trước mặt lại hỏi:

- Bác đi tìm đồng đội hay người nhà?
Tôi thần thờ đáp:
- Cả đồng đội và cả người nhà.
Chị vẫn hỏi:
- Với bác là thế nào, ý em muốn hỏi quan hệ của bác với liệt sĩ ấy?

Một chiếc ô tô 12 chỗ ngồi từ phía ngoài vào cắt ngang câu chuyện và làm tôi bốn chốn xao xuyến. Phía trước xe có bảng Tổ

quốc ghi công sau kính chắn gió. Bên dưới là hàng chữ lớn nổi trên bảng đồ: Xe rước hài cốt liệt sĩ. Qua chỗ chúng tôi ngồi xe rẽ vào cửa hàng ăn liền với nhà đón tiếp thân nhân liệt sĩ của sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Quảng Trị. Mọi người nhanh bước xuống, đứng tuổi có, trẻ tuổi có, nam có, nữ có, dường như từ xa tới và lúc này đã quá trưa nên hai bàn ăn được ghép thành một bàn dài rất nhanh chóng. Tôi đi theo. Cùng cảnh nên muốn nản nà. Thấy một ghế trống ở phía đầu tôi vừa định ngồi thì bị một người đàn ông chặn ngay lại bằng động tác rất mạnh mẽ. Rồi người ta không cho phép tôi kịp đặt mông vào mặt ghế:

- Không được! - Người đàn ông nói - Chỗ này của liệt sĩ!

Tôi vội lùi lại. Thấy ngay rằng mình có lỗi. Mặt bàn, sát với ghế trống đó, đã bày bát, đĩa, cốc. Và người ta rót bia đầu tiên vào chiếc cốc ấy để mời hương hồn người đã hi sinh.

- Nhưng mà!... Tôi băn khoăn - Xe từ ngoài vào?...

Người đàn ông vui vẻ:
- Đúng thế! Chúng tôi từ Hà Tây vừa tới.
- Thế còn liệt sĩ?... Tôi vừa nói vừa nghĩ. Chỉ sợ có điều gì sơ xuất.

- Đã xác định được vị trí! - Người đàn ông trả lời - Chúng tôi đưa gia đình vào bốc cất có thầy đi cùng...

Ông chỉ vào một người đàn ông khác trẻ hơn chút ít. Tôi liếc lấy giọng cầu xin, kính cẩn:

- Thưa thầy,... tôi cũng đi tìm...
- Em ruột bác à?...
- Vâng, đúng, hồ sơ đây...
- Không! - Thầy nói - Bác cứ đi tìm. Sau này cần, về nhà, đến chỗ tôi, còn phải thấp hương cầu xin, để hương hồn liệt sĩ nhập vào ai đó...

Tôi hiểu ngay mình lau tau hồ đồ liến lúi vào góc quán với li nước trà nóng cho trôi đi những phiền muộn. Và hình ảnh em trai tôi hiện về. Và hình ảnh cha tôi hiện ra. Ngày ấy, tôi đang ở chiến trường, nơi Trần Quang Phiệt, Nguyễn Thành Bang, Nguyễn Văn Yên, Nguyễn Văn Hoàng... và bao người con ưu tú của dân, của nước ra đi, thì em tôi lên đường. Chúng tôi không được giáp mặt để chia tay nhau. Năm 1975 trở ra em không còn nữa. Cả nhà tôi mong đợi. Gia đình ở trên gác hai và cứ nghe tiếng bước chân ai đó gõ nhẹ trên cầu thang gỗ là tất tả chạy ra ngóng xuống. Khi thì một người quen. Khi là một người lạ. Hình ảnh đưa em trong bộ quân phục bạc màu và cái ba lô to xù xụ phía sau chỉ có trong cơn mê, trong tưởng tượng. Cha tôi đã tám mươi. Người

càng ngày càng sống trong lặng lẽ. Hai má người hóp lại và đôi mắt trũng sâu. Người ngồi mép giường. Và chỉ một chỗ ấy. Từ sáng đến trưa. Từ trưa đến tối. Để dễ nhìn ra đầu cầu thang. Dường như đêm ngủ cũng nằm nghiêng nhìn được ra phía cửa. Mỗi lần người trở mình tôi thức giấc nhìn sang đều thấy người nằm như vậy. Mẹ tôi lo xa hơn, lấy cái cuống chổi làm ghế kê ngồi ngay đầu cầu thang, để nhìn xuống nhanh hơn và dễ hơn. Những tiếng bước chân hồi hộp lòng người cùng với những phút giây ngỡ ngàng, trống vắng, cứ được lặp đi, lặp lại, ngày ngày, qua những đêm dài hun hút. Đến một buổi chiều cuối năm 1975 lễ thể ấy, có tiếng bước chân, dồn dập từ phía dưới. Mẹ tôi ném nhanh cái chổi nhào xuống. Cha tôi lập chập chạy ra. Mấy anh chị em chúng tôi bỏ nhào tới. Người chị bật ngay cái đèn cầu thang để nhìn cho tỏ. Không có ai là em tôi cả. Ông Chủ tịch phường trình trọng cái người:

- Chào ông bà! Chào cả gia đình!

Những người đi cùng cất tiếng chào. Cả nhà tôi òa lên. Mẹ tôi gào một tiếng to rồi ngất lịm. Tôi cố kiềm chế, vội vàng đỡ mẹ và cùng các chị em đưa bà vào giường. Cha tôi đứng im, không nói, không rằng, và người lau đánh loáng hạt lệ cực lớn vừa hiện ra trên khóe mắt. Gia đình tôi biết có sự kiện này và đón đợi khi bao người con của các gia đình khác trở về hay có thư từ nhưng vẫn cứ bất ngờ quá, đau đớn quá. Tôi pha nước mời khách, song chả ai ngồi, vì cha tôi vẫn đứng. Người lặng đi như thần gỗ, rồi mãi mới từ từ ngồi xuống mép giường, để nhìn ra đầu cầu thang. Hình như người thoáng quên thực tại và cho rằng, ông Chủ tịch phường và những người cùng đi đến đây không phải thông báo tin buồn mà là thăm thú hay có việc gì đó. Người cứ ngồi lặng như thế và tôi thay mặt gia đình tiếp khách. Tối nay phường làm lễ truy điệu! - Vâng ạ! Bảng Tổ quốc ghi công sẽ trao vào lúc đó! - Vâng ạ! Tiêu chuẩn gia đình liệt sĩ cũng nhận vào lúc đó! - Vâng ạ! ...Khách về, tôi lấy ảnh em ra, lúc này cha mới lên tiếng trong nước mắt giàn giụa và bàn tay run run vẫy nhẹ: Cát đi anh! - Người gọi tôi như vậy - Thầy xúc động lắm! Đừng để thầy nhìn thấy lúc này! ...Và người ngồi im, lặng lẽ, như thần hình đã hóa đá....

Tôi có lỗi với người và có lỗi với em là đã không sáng sủa kiếm tìm hài cốt từ những ngày cha mẹ còn sống. Nhưng khó khăn trăm bề của mưu sinh. Em thì ngã xuống trong chiến dịch Lam Sơn 719 ở Nam Lào mà lúc đó đi lại đâu có như hôm nay. Lại còn hộ chiếu. Lại còn visa. Và trong lòng mình, tôi cũng muốn khép lại. Quá khứ mà! Rồi càng ngày càng thấy rằng không thể nào dễ dàng quên được. Cuộc sống nay đầy đủ càng nghĩ đến em. Ăn miếng ngon nghĩ đến em những khi đói khổ. Nằm ấm nghĩ đến em những đêm rét buốt không chăn. Ngồi trên máy bay tới những vùng trời xa lạ nghĩ đến em chưa bao giờ có cái xe đạp để đi... Thời gian càng lùi xa nhớ thương càng dâng dâng. Tôi không yên lòng, và giờ đây, dù đã bảy mươi ba tuổi đầu, nhất quyết lên đường tìm kiếm...

Một chiếc xe chở khách mười hai chỗ ngồi khác đến. Bảng đỏ phía trước xe vẫn thế: Tổ quốc ghi công - Xe rước hài cốt liệt sĩ. Họ vào quán ăn để lát nữa vào nhà đón tiếp chỉ cách một bước chân kia. Những người này có vẻ mệt mỏi. quần áo xộc xệch và bụi đất nham nhở. Tôi năn nã: Kết quả thế nào, chị ơi! - Chưa thấy chú ạ! - Vào mấy ngày rồi? - Ba ngày! - Có thầy tâm

linh đi cùng không? Có, thầy kia! - Đoàn của chị ở đâu tới? - Hải Dương! - Huyện nào? - Gia Lộc! - Tôi cũng người Gia Lộc đây... Lại hai xe mười hai hay mười sáu chỗ ngồi chạy qua, phía trước đều có bảng đỏ ghi rõ là xe rước hài cốt liệt sĩ. Ở mỗi xe đều có một người ngồi bên phải, ghế trước, cạnh người lái, thò đầu và tay ra ngoài, rắc tiền vàng và những tờ tiền âm phủ ấy bay bay... Chị bán cà phê cạnh quán ăn vừa nãy vô tư nói chuyện với tôi lại hồn nhiên kêu lên: May quá! Họ tìm được rồi!

Tiếng reo ấy ngấm sao mà chua chát. Chết sao gọi là may? May quá anh ấy nguyên vẹn trở về hay may quá anh ấy chỉ bị thương nghe có lí hơn. Chứ sao lại may quá anh ấy hi sinh cho dù sự hi sinh là vô cùng cần thiết và không thể tránh khỏi. Sáng ra tôi thấy nằm xe đổ trong sân nhà đón tiếp thân nhân liệt sĩ và xe nào cũng có biển đỏ như nhau. Chắc chắn không có hện hò, không có ai qui định thống nhất, nhưng biển nào cũng như biển nào, hàng chữ như thế, kích cỡ như thế, trước mũi xe trang trọng như thế. Có xe còn cắm Quốc kì. Đây là sự gặp nhau trong cõi tâm linh, trong hồn thiêng nổi nhớ. Tôi lững thững bước. Con đường đang đặt chân mà cứ như là xa vắng chứa chan. Một nỗi lòng xao xuyến mênh mông. Từ đây về cầu Đồng Hà chừng hai cây số với ngàn ngàn xe cộ qua lại mỗi ngày có bao nhiêu xe tìm rước hài cốt liệt sĩ? Các gia đình tự lo, tự tìm, và đa phần dựa vào tâm linh ngoại cảm. Ít ai nghĩ đến thử AND vì biện pháp khoa học chuẩn xác này với họ dường như xa xôi cách trở, chẳng bằng ông thầy, chỉ cần lòng thành, chỉ cần lễ bái cầu xin linh hồn liệt sĩ thiêng liêng phù trợ... Ở Hà Nội tôi đã nghe tin có gia đình đưa hài cốt liệt sĩ về mai táng thì sau đó phát hiện ra liệt sĩ người thân gia đình mình chỗ khác kia, thế là lại đưa thêm về, xây hai ngôi song song, và thành kính khời hương, chỉ mong sau này gia đình nào đó phát hiện ra thân nhân để mà tìm đến... Tâm linh dường như đang làm yên lòng bao gia đình đau đớn nhưng độ chuẩn xác tới đâu thì chỉ có các ông thầy mới dám khẳng định. Lậy giới đừng sai! Nhưng làm sao có thể tin là tuyệt đối? Nếu chiếc xe chở hài cốt liệt sĩ có tiền vàng rải trên đường kia lại không phải thân nhân của những người ngồi cùng thì thế nào đây? ...

Tôi gạt nhanh ý nghĩ ấy của mình. Tôi sợ xúc phạm hồn thiêng người ngã xuống vì dân vì nước và xúc phạm vào gia đình ai đó. Ngay chiều hôm ấy tôi vượt cửa khẩu Lao Bảo trong tay có thư của ban chính sách sư đoàn hai bộ binh và sơ đồ mộ chỉ do ban chiến đấu của em tôi vẽ lại theo trí nhớ. Đội qui tập hài cốt liệt sĩ tỉnh Quảng Trị đang làm việc bên đó. Người ta cho biết thời gian qua đã tìm đưa về nước bao nhiêu ngôi, bao nhiêu ngôi có tên và bao nhiêu ngôi không tên. Anh công an cửa khẩu mở quyển hộ chiếu chuẩn bị đóng dấu và hỏi:

- Bác sang Savanakheth có việc gì?
- Tôi tìm hài cốt chú em là liệt sĩ.
- Xin chúc bác gặp nhiều may mắn

Anh ta đóng dấu. Ngồi xe vài chục cây số tôi tụt xuống dọc đường dừng lại ở Sepon. Điểm cao 660 sừng sững kia. Tôi băng khuân nhìn quanh. Hình ảnh cha tôi, mẹ tôi, và gia đình một ngày cuối năm 1975 hiện ra. Người vẫn ngồi góc giường nhìn về phía cầu thang mong đợi. Người vẫn ngồi đầu đầu trên cuống chổi rơm ngóng trông. Cả nhà nín thở nghe tiếng bước chân gõ trên bậc cầu thang gỗ... Và đoạn đường phố Quang Trung nhỏ nhoi đầy cây bàng ấy... Và đoạn đường số một từ Đồng Hà tới ngã tư Sông... Tất cả vẫn là hiển hiện, vẫn là xa xăm, dâng đặc nỗi buồn thương nhớ. Được biết đội qui tập liệt sĩ mắc võng trong cánh rừng phía sau bản Đồng thuộc huyện Sepon, tỉnh Savanakheth. Một sợi khói sương mỏng mảnh, ngoằn ngoèo, vượt rừng trôi ngược lên nền trời đầy mây lững lờ buông tỏa. Tôi, ông già hơn bảy mươi tuổi, lòng những ưu tư, sau bốn mươi năm lại ba lô trên vai, lặng lẽ bước đi. ■

Y PHƯƠNG

Chú chó bông

Chơ: Sa Sa, Kiu Kiu, Kín Kín yêu quý!

Ta với Kiu là hai đứa trẻ
Ta sáu mươi còn Kín tám tháng

Ta với Kiu bỏ lê như sỏi
Kiu làm bi. Ta – Chú chó bông

Ta với Kiu cùng chung cốc nước
Ta uống nước hay Kiu uống nước

Ta với Kín cùng lăn ra ngủ
Kiu mơ gì còn ta mơ Kiu

Mẹ Kiu đi làm về là ta buồn
Vì Kiu không chơi với ta nữa

Ta bỗng chán gấu bông, sóc bông, voi bông, bình sữa
Một chú “chó bông” tóc muối tiêu râu muối tiêu đang
kênh kênh bò lang khắp nhà.

PHAN THỊ THANH NHÀN

Đà Lạt anh

Núi gần nhìn rõ đường lên đỉnh
Mây thấp xà ngang cửa sổ xinh
Hoa dại nở đầy xen lối cỏ
Đường vắng thong dong bước một mình.

Bất ngờ anh đợi sau vườn tượng
Nhận rằng thương mến những vần thơ
Đà Lạt còn bao điều bí mật
Hãy cùng anh thám những lối xưa.

Ngõ ngàng ngồi vũng sau vai ấm
Đường thông già cổ vẫn tươi xanh
Hình như thông đẹp và thơm lắm
Khác quá khi em bước một mình.

Anh dẫn thăm nhiều ngôi chùa cổ
Thăm vườn hoa, biệt điện, trường xưa
Bao con đường lạ thành thương mến
Một vòng hồ lấp thắc thêu mưa...

Có anh Đà Lạt thành tươi tắn
Hai mình thành phố bỗng lung linh
Em có một ngày sâu lắng thế
Đâu mai ngày gặp lại lỡ quên anh...

NGUYỄN VŨ TIÊM

Thung lũng vàng

Hố nước treo trong mây
Làn gió tung ra từ chiếc khăn màu đỏ
Đưa em tôi cỡi phiêu bóng
Tôi theo hoài không kịp.

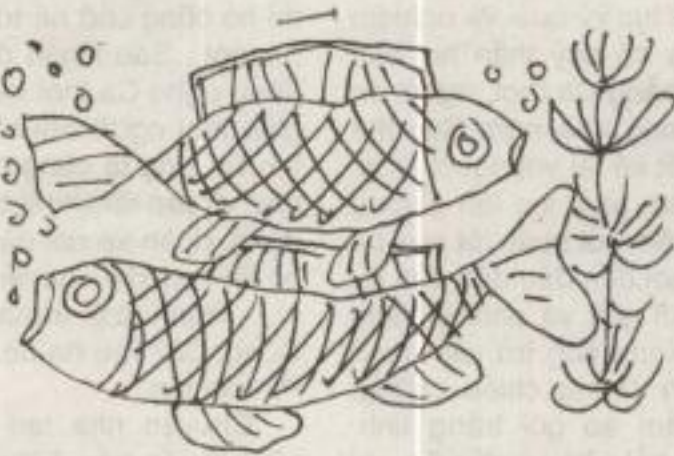
Tôi rơi từ lưng trời xuống vực sâu hun hút
Xung quanh mây gió ú ừ
Tốc độ rơi cứ tăng lên vùn vụt
Vượt qua những chiếc lá rời cành
Vượt qua những quả thông đang rụng xuống
Vượt qua tiếng hú đại ngàn
Qua tia chớp trong mơ, trong huyền thoại...

Tôi thả lỏng mình mặc cho tốc độ rơi
May vương vào một làn mây, một sợi tóc
Hơi thở đầu đầy một thoáng nên gần
Tôi trở về cõi thực là tôi.

Vàng phơi tràn thung lũng
Em hoà vào nắng mai
Trong suốt như hương, mượt mà như lục bát
Phượng tím gửi vào bao ý thơ...

Tôi như gốc thông có nhiều vết chêm
Nhựa ứ ra mùi thian.

Gội lại chút bóng bẽnh sương khò
Trời cao nguyên như cảm thấu lòng mình:
Nhiều lá phiêu giọt mưa ào ào thả xuống
Bầu cho nỗi buồn vừa ứng cử vào tôi!



LƯƠNG HỮU THÔNG

Cố hương

I

Ở giữa Sài Gòn, chạnh nhớ quê
Nhờ triền cát trắng, cỏ xanh đề
Nhờ dòng sông Mã tung bờm ngựa
Chiều xuống, đàn trâu đứng đỉnh về

II

Bỗng thêm cơn gió mang hương lúa
Lung trần, muối mặn vệt mồ hôi
Nhờ mái tranh nghèo đêm mưa phố
Tiếng ếch bờ ao lúc trở trời

II

Anh ơi - giọng lạc ở bên đường
Chìm trong tiếng gió với mù sương
Thành phố người đông như nước chảy
Tiếng gọi mà như tiếng cố hương

HUỲNH THUÝ KIỀU

Thưa với sông Hồng

Giấc mơ đồng bằng con đom đóm thấp nển treo nhánh
bắn, chang được
Nghe tiếng còi tàu phía sông Hồng hét căng lồng ngực
bờ anh
Gió dấy thì chấp chới bay quảng cầu vọng cổ
Mùa chường nhọc nhằn nước lũ
Bóng điện điển trái thảm vàng gọi ai về soi bóng
Cửu Long...

Ở cuối trời
Làm sao em có thể thưa được với sông Hồng?
Áo bà ba quần khăn rằn hát cho mẹ nghe mười thương
điệu lý

Miếng trầu cay quết với hồng thắm nồng phong vị
Phủ sa lùa mùi bún ngọt thơm hương là mạ non

Bến sông chiều khắc khoải giọng ru buồn nghe
thương nhớ trào dâng
Tràng đồng bằng no mùa gỏi đầu lên tiếng sáo
Chén thương hồ mời anh uống hết phủ sa con nước đỏ
Nhịp cầu tre tang tình
Ngọn đèn dầu chong kỷ ức mẹ già nua...

Biết bao giờ em được đứng trước sông Hồng để mà thưa?
Chắc sẽ thẹn thùng với áo tứ thân mở ba mở bảy
Và em cũng sẽ thao thức với Quan họ Bắc Ninh cùng

liền anh liền chị
Chùm mây thu chở giùm em chút nắng gió sông Hồng
theo con nước lớn ròng xuôi phương Nam mộng mị
Nhớ không anh... Sao em thấy liều Hồ Gươm căng mắt
nhức đợi chờ?

Chưa xa đồng bằng đã thêm ngọt lịm bát canh rau
Anh nói thay em với sông Hồng rằng chúng mình chưa
thể gần nhau được nhé

Hoa tím xuân khoe sắc tím xanh nõn nà bờ giậu
Mượn bàn tay làm phen chắc gió
Gom lá vườn xưa anh đốt cạn sạch buồn

PHAN VĂN CHƯƠNG

Vòm sầu riêng

Nhà hát trái sầu riêng
càng vống mười mấy năm tích hợp
mỗi ngày đẹp từng centimet
lấn vòm trời cao xanh
ý nghĩ lên tầng thánh thiện
quăng ngày đẹp nhất một đi không trở lại
bí mật đại gì giấu mãi
vẻ đẹp lẫn đầu dành riêng ai đâu
biết trước
giai đoạn cao tấn âm thanh va đập
quay cuồng
vũ điệu
nốt lặng
ngắm tận từng nơ ron
trái
sầu
riêng
trên cơ thể nàng Singapore kiểu diêm.

LÊ TẤN QUỲNH

Cắm

Rơi tôi
Trên đỉnh mưa mù
Cắm lặn tàn gió
Mà mưa tiếng trời
Bờ lau trắng dốc chơi vơi
Chở lung linh ngọt nụ cười vu vơ...
Đến rêu phong cả giấc mơ
Loài hoa Cắm tù mỗi bờ mưa quen
Em cắm lũng thũng
Ngoài hiên
Chợt lênh đênh ngọn Đỗ Quyên
Riêng người
Cắm lặn tàn gió
Đi chơi
Bỗng dưng cắm phải trở trời
Là em...

TRẦN TUẤN

Cô đơn cô độc

tặng P X N

Treo ảnh mắt cô đơn
trên cái nhìn cô độc

anh có thấy
một người ngồi kiệt giả
giữa đám bụi đang di chuyển hỗn loạn
hạt bụi cô đơn với hạt bụi
ngón chân cô độc với bàn chân

anh có thấy
một người ngồi đọc sách
con chữ cô đơn với hàng chữ
ánh sáng cô độc với ngọn đèn

anh có thấy
biển đang hành hương về sa mạc
nước cô đơn trong giọt nước
muối cô độc với đại dương

một xô nhỏ góc nhỏ
bức tường gió xếp lại như tấm rèm
con nhện giăng trên mi mắt ngủ
đưa tay xưa
mơ hồ
như làm dấu thánh

TRUYỆN NGẮN
DỰ THI

BÀ đứng tần ngần giữa nghĩa trang quê nhà mùa nước nổi, nước lấp xấp dưới chân, tiếng ếch nhái à uôm buồn da diết. Mùa này ở quê bà, gió tràn đồng se sắt, từng cơn từng cơn, lạnh đến tê người. Ngoài kia, lè đé bờ con kinh Xáng, bông điên điển rụng vàng mặt nước. Cô cháu gái nắm chặt tay bà nhắc lại:

- Về thôi, nội! Trời tối rồi!

Bà giật mình như sắp sửa mất một cái gì vĩnh viễn:

- Ủ, để nội, chờ một chút. Con đốt đèn nội thêm năm nhang!

- Hồi này giờ nội đốt nhang mấy lần nhớ không?

- Cứ đốt, nội đâu có lần, con! Lần này chắc là không nữa...

Nói vậy nhưng cô cháu vẫn chiếu lòng bà. Trước khi đưa bà về quê, cha cô đã dặn: "Kệ, rằng chiếu bà nội, năm nay bà tám mươi tám tuổi rồi, yếu lắm, về lần này biết còn có sức để lần sau". Năm nhang được đốt lên, bà lại run run cầm và cầm trên ba ngòai mộ liến nhau: mộ ông năm Sọc, mộ ông sáu Ngàn, mộ di hai Nghĩa. Mộ mẹ bà nằm xa hơn đó một chút, phải lội nước bước qua. Gió cũng hanh hao nhắc bà nhớ mộ này chỉ là ngòai mộ gió. Qua những chuyện đau buồn thật lâu bà mới trở về làng. Mọi người bảo sau khi ông năm Sọc bị Việt Minh xử tội, mẹ bà được mọi người thả ra, rồi sau đó bỏ nhà đi biệt tích. Biết sao được, bà đành làm ngòai mộ gió, mộ không có phần xác, chỉ những mong có phần hồn mẹ trở về chứng giám cho lòng đứa con khổ đau và lưu lạc. Cô cháu hỏi loanh quanh:

- Nội ơi, con phải gọi ông năm Sọc là ông gì? Ông cố hay ông sơ?

Bà âm ỉ như mơ:

- Không là ông gì cả...

- Vậy sao nội bảo ông trong họ hàng gia tộc?

- Không lẽ bỏ ông rồi bỏ luôn ông sáu Ngàn...

Làn gió lạt thổi qua làm bà rùng mình ớn lạnh sau câu nói chỉ như lấp lửng cho riêng mình. Mặc cho cô cháu đứng ngây người bảo nội thật là khó hiểu, kỷ ức hơn bảy mươi năm của cô thôn nữ tên Hận là bà ngày nào ào ạt tràn về... Hành lang dài, tối hun hút với những song tre hai bên ngày ấy như mãi kéo kẹt trôi theo đời bà. Người ta gọi đấy là nỗi buồn truyền kiếp mà trong kỷ ức già nua, nhoe nhọt của bà lúc có lúc không...

Làng quê xa mờ ngày ấy như yên tĩnh lắm với những cánh đồng cỏ bay thẳng cánh của nhà ông năm Sọc. Ông là chủ điền nhưng không mấy gieo tiếng oán cho lớp người bần nông trong làng; thứ nhất không hiếp con gái tần của tá điền như cha ông đã từng hiếp, thứ hai lúa tô đông mùa nào thu mùa đó; không cần trừ để phết phẩy lung tung, nhưng phải đủ, không được thiếu háy thừa một hột. Bọn trẻ trong làng mê mãi nhà ông với vườn trái cây trĩu quả quanh nhà. Xoài, mận, ổi treo lúc lỉu bốn mùa ngàn ngạt gió sông. Thú vị hơn với bọn chúng còn có ông sáu Ngàn tuổi đã trung niên nhưng cứ dài dãi, không bao giờ chịu lớn. To con, bảnh trai, sáu Ngàn vận đồ Tây thất cra-vát kéo mấy lon sữa bò giả làm xe chạy pin pin suốt ngày quanh chợ quê. Có lúc bọn trẻ phát hiện sáu Ngàn ngoẹo đầu ngoẹo cổ ngủ gà ngủ gật trong xô chợ. Thế là đánh thức ông ta dậy, chúng hò reo áp tải ông ta về, cả bọn được ông năm Sọc thưởng cho một ổ mận rụng tới bởi bên sông. Với các bà các chị trong làng, chuyện nhà ông chủ điền quả thật đáng tội quanh mấy cái quần xi-líp đủ màu của bà chủ phơi mát

cúi vườn. Ngoại trừ sáu Ngàn được "đặc cách" cho đi lung tung, còn lại không ai được bước chân ra khỏi nhà nếu không được sự đồng ý của ông chủ. Mỗi lần bà chủ đi đâu đó về lại oằn mình với ông chủ bởi những thủ tục kỳ quái và nghiêm nhặt. Chuyện này có quỷ thần hai bên vai chứng giám, thằng Ca thọt, người ăn kẻ ở duy nhất trong nhà năm Sọc thể bán sống bán chết kể lại với người làng. Đầu tiên là bà năm phải leo lên giường nằm, tự tay ông năm cởi quần lót của bà ra kiểm tra, sẫm soi đến đâu đến đâu rồi cũng tự tay ông đi giặt và phơi ở hàng ranh cuối vườn. Xong ông trở vào hành sự, bà năm miễn cưỡng chiếu chống, nước mắt ướt đầm áo gối trắng tinh. Trước khi bà ra khỏi nhà vì chuyện chỉ chi đó thì cũng chính tay ông phải mặc quần lót cho bà. Cô hai Nghĩa, cô con

GIA PHẢ MÙI RƠM RẠ

Truyện ngắn dự thi của THU TRẦN

gái đầu có chút chữ của năm Sọc cũng phát cuồng vì cách hành xử kỳ lạ của cha. Những lời đối thoại này do chính các cô các bà trong làng nghe qua hàng ranh chứ không phải từ những điều Ca thọt kể lại:

- Thừa cha, cha làm như vậy có quá đáng với má không?

Một lần roi rít lên:

- Đồ con bất hiếu, áo mặc sao qua khỏi đầu mà bày đặt vận vẹo?

- Chữ trình của má còn có trăm đường để gìn giữ với cha, cha làm như vậy là sỉ nhục phụ nữ...

Vút, vút, vút... Tiếng roi quất không thương tiếc... Năm Sọc gấm lên như con thú dữ bị nhốt trong chuồng:

- Tao không điên, tao làm như vậy là để bảo vệ tài sản của tao, nó là mồ hôi nước mắt của ông bà tao để lại, tao không ăn bớt ăn bớt hột lúa của ai nhưng mà con nào thẳng nào đó cũng đừng hòng! Mẹ con bây nói đi, đã có bao thẳng làm le ngoài hàng ranh để đầu hót với ba con ngựa cái nhà này, một hột lúa của tao cũng không được chui qua khe cửa đi đâu! Mẹ con nhà mày ra hết đây tao biểu!

Qua kẽ lá của hàng ranh, các cô các bà trong làng thấy ba người đàn bà nhà năm Sọc bị bắt đứng xếp hàng không quần không áo dưới những làn roi của người cha người chồng thô bạo. Thấy bất bình và tội nghiệp cho họ nhưng các cô các bà vẫn xuýt xoa khi tan hàng, đẹp thiệt, công nhận đàn bà nhà giàu đẹp thiệt, trắng như bông bưởi từ trong tới ngoài, nõn nà như hình mẫu, nhất là cái thân hình ngọc ngà của cô ba Ớn...

Sáng hôm sau, hôm sau nữa thì nhà năm Sọc mở cửa làm ma, cô hai Nghĩa treo cổ chết tức tưởi. Được một thời gian thì các cô các bà trong làng cũng thấy mất hút hàng quần xi-líp đủ thứ màu của bà chủ sau hàng ranh. Thằng Ca thọt đứng chạng chân giữa chợ vừa xúc mía vừa ba hoa, đi rồi, bà năm chịu không nổi, trốn mẹ nó đi rồi, để để bề hành sự với cô ba Ớn, thằng cha già đã đuổi tui ra khỏi nhà, ở đợ cho nó mười năm, không cho thêm một cắc... Bà tám Xô bán khoai lang ngồi gần đó cũng thở dài: "Mẹ cha cái thằng cha nhà giàu nứt đố đổ vách mà ăn ở vô nhân, nhớ hồi đó nó

mướn ông hai Bảnh coi vườn được đâu đó cũng chục năm, đến lúc cây ra trái sum suê thì nó cũng đuổi, không cho thêm một cắc lặn lừng lăm vốn. Nghe đâu sau này hai Bảnh chết bất đắc kỳ tử thì nó cũng chớ hể tới nhà thấp cho cây nhang!". Sáu Ngàn đứng lẫn trong đám đông nghe Ca thọt kể chuyện nhà mình, giữa mọi người nhí nhố nói cười chuyện tục tĩu, ông ta cũng cúi đầu cười lỏn lổn như vô can rồi khoát tay chui ra khỏi đám đông, đoàn xe nổi dài bằng mấy lon sữa bò lại sục xào chuyển động:

- Tránh dzô, tránh dzô, xe tui đi Vàm Cống, Cái Tàu hạ nè, mại dzô, mại dzô! Pin pin pin...

Chuyện nhà tan hoang, cô ba Ớn cũng muốn trốn đi theo mẹ nhưng không có cách nào, đành ở lại với gương mặt buồn như đưa ma. Ca thọt bị cho nghỉ,

cô phải cang đáng hết mọi việc trong nhà; từ thu lúa của tá điền đến cơm nước, quét tước và chăm sóc người chủ ngày đại. Đến một ngày, cô thấy cha gọi người bán hết ruộng. Ông ngồi đếm đếm tỉ mẩn trước đồng tiền to đùng, cô đánh bạo thưa:

- Bán hết ruộng rồi lấy gì sống, cha?

- Tiền này cha con mình sống tới chết cũng không hết!

- Còn chú sáu Ngàn?

- Ồi xời cái thằng khùng đó lớn bằng cơm đường cháo chợ, hơi đâu mà lo!

- Để ruộng vẫn đồ lo hơn cha à...

Hàm năm Sọc bạnh ra:

- Không hỏi lung tung nữa, tao chán lắm rồi cái miệng đen ngòm của thể gian; ghé tởm lắm rồi ánh mắt hãm của của mấy thằng đàn ông khi nhìn má mày, chị mày; tao muốn thể gian này vĩnh viễn khép lại, mặt trời này tắt đi, kể từ ngày mai, không một ai ngoài hai cha con mình được bước vào ngòai nhà này, biết chưa?

- Còn chú sáu Ngàn, cha?

- Đời cha ăn mặn đời con khát nước, thằng khùng này có cũng như không!

Cô ba Ớn lờ mờ nhớ má kể chuyện họ hàng nhà nội nghe như mơ hồ lắm, đến cái tên cúng cơm của ông nội, cha cũng không buồn cho má biết. Má là con tá điền, nhờ nhan sắc nên được lấy con trai chủ điền trừ nợ, biết vậy thôi, biết nhiều hơn cũng chẳng để làm gì.

Một đêm mưa dầm rả rích, năm Sọc vén rèm bước vào khi cô ba Ớn đang nằm co ro vì lạnh trên giường. Ông ngồi xuống nắm lấy tay cô.

- Có chuyện gì vậy cha?

Ông luồn tay vào bầu ngực trinh nữ người con gái, ba Ớn hốt hoảng vùng dậy:

- Không được! Không được làm vậy, cha!

Bằng sức mạnh của người đàn ông tuổi bốn mươi, năm Sọc ghì cô gái xuống:

- Yên nào, cha nói phải nghe, năm nay con mười sáu tuổi rồi!

- Không, không được, cha con không được làm vậy. Chú sáu Ngàn ơi, cứu, cứu con!

- Cầm miệng lại, la lối om sòm tao giết chết, tao nuôi mày khôn lớn thì mày

phải là của tao, không thẳng đàn ông nào được bước qua cửa nhà này với mày đâu!

Sức cùng lực kiệt, quần áo bị xé rách tả tơi, ba Ớn nằm lả người ra bất lực. Năm Sọc trườn dài trên người con gái, mùi trinh nữ khiến hắn ngờ ngàng rên lên nhẹ nhẹ, mút chặt đầu vú ba Ớn hồng phơn phớt, toàn thân hắn rung lên bần bật... Bên ngoài gió vẫn rít từng cơn, nơi ổ rơm trong góc nhà, sáu Ngàn ngủ ngoan như một đứa trẻ...

Bị cưỡng bức, giam cầm, phong toả... ba Ớn sống lờ lờ bên năm Sọc như cái bóng đổ dài xuống mặt sông buổi mặt trời sắp tắt. Ngày sáu Ngàn té sông chết đuối, ba Ớn càng lặng lẽ hơn với ngòai nhà từ đường ba gian suốt ngày u u nhang khói. Dù muốn hay không thì cũng có một ngày cô bé Hận chào đời. Kỳ lạ là chuyện chung chạ huyết thống giữa cha và con lại không để lại một khuyết tật nào trên người cô bé. Càng lớn Hận càng xinh đẹp như mẹ ngày xưa. Tuổi mười lăm, bị nhốt kín trong nhà nhưng qua dây hành lang dài hun hút là những song tre kéo kè kè kẹt, Hận đã nghe mình phải lòng một thầy giáo trẻ. Ông thầy tên Minh mở lớp gõ đầu trẻ bên nhà đối diện, thầy dạy dễ nghe dễ hiểu, toàn những điều hay lẽ phải. Để không lặp lại chuyện đòi hỏi nữ quyền nọ kia như cô hai Nghĩa, năm Sọc không cho Hận học hành. Nhưng nhờ thông minh, thích tìm tòi chịu khổ nên cô bé cũng có được mớ chữ học lỏm từ lớp học thầy Minh. Cũng qua những song tre kéo kè kẹt của nhà năm Sọc, thầy Minh biết có một thiếu nữ mê đắm mình. Đôi mắt đen mượt mà của cô ấy, làn da trắng nõn nà của cô ấy... đã dường như làm cho thầy giảng bài hay hơn, say mê hơn. Một vài mẫu giấy đã được chuyển qua lại giữa họ mà không ai biết... Tình yêu huyền ảo như sương buổi sớm cứ vậy mà lớn lên trong lòng Hận, dù bị giam cầm nhưng cô cũng hiểu chút ít ý nghĩa cuộc đời. Bầu trời cao rộng bên ngoài với tiếng chim chiến chiến hót gọi bạn tình mỗi sáng mỗi chiều luôn là khát vọng tự do của cô. Đã mấy lần Hận và mẹ trốn đi nhân lúc năm Sọc có việc ra ngoài nhưng đều bất thành, bận nào cũng bị lão bắt lại, hai mẹ con đồn roi thâm tím.

... Trời tháng bảy mưa ngâu ngày dài đêm ngắn, có một chiều hai mẹ con lui cui nấu cơm dưới bếp, năm Sọc ngồi cà kê chút rượu kể bên, nhìn vào như một gia đình đầm ấm. Mổ củi tươi nhóm bếp dây đặc khói, Hận khom người thổi mãi lửa không lên, trời lạnh mà hai má cô đỏ phừng phừng... Bỗng dưng năm Sọc e hèm đánh tiếng:

- Má con Hận leo lên xà nhà kho phía sau chuồng heo lấy cho tao chút khô cá sặc nướng ăn chơi.

Ba Ớn bỏ đi chưa đầy năm phút, năm Sọc đã giờ trò đối bại với Hận. Lão kéo cô từ phía sau vật xuống nền nhà, ghì xiết và thở hồng hộc. Hận phản ứng mạnh mẽ như con thú bị dồn vào đường cùng, xô ngã được người cha vô nhân tính, cô vùng đứng dậy chộp gói ớt bột trên kệ bếp tung cái rào. Mặc lão già đề tiện ôm mặt tru tréo, Hận ào tới, đè lão ra, sờ tìm xâu chìa khoá được lão cất như một báu vật trong thắt lưng quần. Cô phóng nhanh ra cổng như một con sóc và xoay ổ khoá... Mưa mặc mưa, Hận bước nhanh trên con đường quê lấy lợi mà không biết sẽ đi đâu về đâu, nước mắt cô tuôn ầm ầm nhưng lòng cô nhẹ như chim bay, chỉ thương mẹ còn khốn khổ với lão già đến bao lâu...

Tổng khởi nghĩa mùa thu thắng lợi, trong hàng ngũ lực lượng Việt Minh trở về làng làm chủ tịch hình còn có cô Hận tuổi mười tám xinh tươi bên cạnh thầy giáo Minh xưa. Lúc này người ta không gọi thầy giáo Minh nữa mà gọi là cán bộ Minh, cán bộ Minh của phong trào Việt

Minh. Về làng, bận bịu với biết bao công việc nên Hận cũng chưa đặt chân qua nhà thăm má. Đến một ngày, người ta lời sênh sênh lão năm Sọc ra sân đình. Lão bị trói thúc ké hai tay ra sau và bị gõ chặt vào gốc cột giữa sân đình. Ngoài việc lớn là nắm giữ chính quyền, mấy ông Việt Minh còn lập lại trật tự làng xã từ những chuyện như tịch thu đất của địa chủ chia cho dân nghèo, bỏ phát canh thu tô... Và cuối cùng là trừng trị những người hủ hoá như năm Sọc với tội lấy con làm vợ. Hận đang sinh hoạt nhóm Phụ nữ cứu quốc mãi tận nơi đầu nguồn con rạch chảy qua làng, nghe báo với học tốc chạy về. Cô rẽ đám đông bước vào, mọi người im thin thít, cán bộ Minh đang hỏi tội năm Sọc:

- Ông có biết tội cha lấy con là tội loạn luân không?

Năm Sọc ngẩng mặt lên trời ú ớ, miệng lão bị nhét một dải khăn rằn mốc thối. Có ai đó lên tiếng:

- Sao không lấy khăn ra cho ổng trả lời?

Cũng ai đó trong đám đông gọi là đại diện dân làng bu quanh:

- Lấy ra làm mẹ gì, chuyện lão lấy con gái, cả làng cả xã này biết, hỏi cho có vị để mà xử thôi!

Hận quả quyết bước ra giữa vòng người, cô cung kính chấp tay chào khắp lượt:

- Kính thưa cán bộ Minh, kính thưa bà con làng xã, tôi là con gái năm Sọc xin minh oan cho ổng một điều, má tôi, bà ba Ớn không phải là con đẻ của ổng mà chỉ là con vợ, con riêng của vợ ổng thôi...

Đám đông ồ lên:
- Vậy thì chứng cứ, chứng cứ đâu?
- Tôi có thể trình điều này trong vòng hai ngày...

- Nếu không tin được thì sao?
- Thì tôi xin chịu tội, xin trả lại danh hiệu cán bộ Phụ nữ cứu quốc cho Việt Minh!

*

Hận đưa năm Sọc về nhà, đẩy cánh cổng tre bước vào, đứng tấn ngán một giây giữa sân, cô bật khóc tấ tấc. Khóc chưa hẳn vì điều oan khuất mà vì nhà cô đã thay đổi quá nhiều. Thêm rêu, sân rêu, tất cả xộc lên mùi ẩm mốc khó chịu, tất cả hoang vắng đến rợn người. Vậy còn má đâu? Bỗng cô nghe tiếng cười khùng khục phía sau nhà lú, bà ba Ớn mình không mảnh vải che thân đang nằm sau những song tre của căn buồng tối sáng nhạt nhòa, bên ngoài cửa buồng là một hàng mấy ống khoả to đùng. Năm Sọc nhốt phạm nhân của mình theo kiểu lấy dao mổ trâu giết gà. Bà Ớn ngày ngày đại đại, cười khùng khục suốt ngày, không còn biết nhận ra con.

Đêm, tiếng châu chàng kêu chóc chóc ngoài ao khiến Hận càng thêm nẫu lòng. Cô trăn trở, không tài nào ngủ được. Hận xoè hai bàn tay ra trước mặt như xoè ra những mảnh đời phải chọn. Mảnh đời thoát ly đi làm cách mạng bên cạnh tình yêu đẹp và tự nguyện với thầy giáo Minh - cán bộ Minh. Mảnh đời giam mình trả nghĩa người mẹ tâm thần khôn khổ. Mảnh đời phải chịu tội với mấy ông Việt Minh vì không tìm đâu ra chứng cứ cho sự bịa đặt, rằng năm Sọc không phải là người đẻ ra bà Ớn. Cuối cùng vẫn không nghĩ ra được điều gì cho đến đầu đến đũa, Hận thở dài đánh sượt, nhắm nước liểu, mặc cho sự đời ra sao thì ra. Cô chong đèn viết một bức thư dài cho cán bộ Minh, người thầy dạy cô học chữ trước khi là người yêu.

... Anh kêu em làm cách nào để rửa sạch vết nhơ gia đình rồi mình mới lấy nhau được, bây giờ em đang bị lằm đày, làm cách nào để rửa sạch đây anh? Trước mắt là làm cách nào để người cha bất đắc dĩ của em thoát khỏi tội loạn luân? Em không có chứng cứ nào cả, cha là cha chung, ông năm Sọc là cha chung của cả em và má, biết làm sao bây giờ

đây anh? Phận làm con, dù cha mình đúng sai thế nào, em cũng đâu nỡ đứng nhìn cha chịu chết, vậy là em đưa cha về nhà, tự nguyện chắt thêm một gánh nặng ngàn cân lên vai. Thêm cái gánh nặng tình yêu buộc gia đình phải trong sạch của anh làm em sợ, em có thích chọn cửa làm con gái năm Sọc đâu, mà em cũng có thích như vậy đâu, bà ngoại em cũng vậy, dĩ hai Nghĩa của em cũng vậy, có cách nào để người ta quên chuyện nhà ông năm Sọc không anh...

Nước mắt rơi nhoe nhoe trang viết, tâm trí Hận vụt hiện về rõ mồn một cái đêm hôm ấy, đêm đẹp lạ lùng giữa vườn hoang loang loáng ánh bạc của vắng trăng. Hận nằm khoả thân trên thảm lá khô còn thơm mùi nắng ban trưa. Thân thể cô sáng bừng trong đêm, hạnh phúc đời chớ. Thấy giáo Minh âu yếm hôn dài trên người cô, hôn hai đầu vú căng cứng đỏ dầy mùi con gái, hôn gáy tóc trắng ngấn thơm thơm mùi hoa lý, hôn những kẽ ngón tay kẽ ngón chân nõn nà thiên thần như đứa trẻ... Người con gái rạo rục cuộn sóng trào, mắ mống càng lên, tất cả chực vỡ oà... Để rồi thấy giáo Minh chợt dừng lại với động tác xoa xoa làn da mượt mà trên tấm lưng trần thon thả của cô gái và thở dài nói: "Không được, em phải làm sao trở về để làm trong sạch vết nhơ của gia đình em thì mọi thứ mới có thể...". Hận không hiểu gì cả, tim cô dường như ngừng đập, đầu cô căng ra như muốn nổ cái bùm. Tất cả những âu yếm ngọt ngào, nóng bỏng trước đó và trước đó nữa bỗng đành xa ngái...

Trời phụ tối, bóng lão năm trùm lên ánh đèn hột vịt tù mù trong gian buồng ảm thấp. Hận lau nước mắt, xằng giọng:

- Cha vào đây làm gì?

Tiếng trả lời khàn khàn sục mùi rượu:

- Giỏi! Sao mày biết tao không phải cha của ba Ớn?

- Nói dóc vậy cho nên bây giờ mới khó cho tôi đây, cha nhiều tội ác quá!

Năm Sọc khệnh khạng bước lại cây rơm trong góc buồng, rồi đứng áp mũi vào bên rơm hít thật sâu. Là con nhà chủ đất rặt ròng nên lão nghiện mùi rơm như nghiện thân xác đàn bà con gái. Gần với đời lão là những cây rơm; ngoài sân, trong nhà và cả trong buồng ngủ cũng có rơm. Ngưng hít rơm, lão lăm bầm như đọc kinh rồi chuối tay vào bụng cây rơm rút ra một quyển sổ to bằng hai bàn tay. Lão cười ha ha, đưa quyển sổ lên cao lác lác, những cọng rơm vàng rơi lả tả:

- Làm sao khó, dễ ợt! Mày theo Việt Minh có chữ rồi phải hôn? Vậy thì đọc đi, đọc cái này đi rồi ngày mai ra giữa làng mà nói, thằng cha hai Bảnh làm vườn cho tao mới là ông ngoại của mày, còn tao, tao chỉ là cha của mày, một thằng

cha hờ... Ha ha ha...

Nó như cuốn gia phả của dòng họ gia đình Phạm Văn Sọc. Sổ dày, chữ viết thưa thớt, giấy mềm tờ tả, vàng vọt thời gian. Bắt đầu từ ông sơ Phạm Văn Sự với hàng trăm mẫu ruộng bạc ngàn. Sự mê gái đẹp nhưng không vợ, chuyên cưỡng bức con tá điền làm vui, ngủ với đàn bà con gái nhiều nhưng trời hại cho cây chỉ có một trái, đó là ông cố Phạm Văn Sàng. Sàng lấy vợ đàn ông hoàng nhưng khát khe, kỵ bo. Vợ Sàng đẻ mười người con, chín cô con gái khủng cả chín, may còn người con trai Phạm Văn Sùng tỉnh trí coi sóc gia tài. Phạm Văn Sùng lấy một vợ, cưỡng bức hai gái tân là con tá điền, có tổng cộng đến tám con nhưng chết sáu, chỉ nuôi được hai là Phạm Văn Sọc và Phạm Văn Ngàn. Ngàn khủng nặng, còn Sọc thì vô sinh vì đau quai bị nhiều lần hồi nhỏ. Lúc biết nghĩ xa nghĩ gần, cần người giữ của khi mai này khuất núi, Sọc ép vợ ăn nằm với ba Thóc - người làm vườn thuê của gia đình, đẻ ra hai Nghĩa. Hai Nghĩa là con gái, vợ ba Thóc cũng đẻ toàn con gái, mà năm Sọc lại muốn có con trai nên đành phải diệt Thóc để bịt khẩu bằng một buổi nhậu rượu pha thuốc trừ sâu. Sau khi ba Thóc chết vì ngộ độc rượu, hai Bảnh xin vào thay thế. Một lần nữa, Sọc ép vợ ngủ với hai Bảnh để sinh con trai giữ của, vậy mà cô ba Ớn lại ra đời. Để rồi sau đó chợt tỉnh, phát ghen điên ghen khùng, Sọc đuổi việc hai Bảnh, hành hạ vợ con tới số. Còn Hận là kết quả một đêm cô ba Ớn trốn nhà đội mưa ra sông tự vẫn... Lão thuyền chài vớt cô lên và giữ lại cho đến sáng thì trả về cho năm Sọc... Những trang cuối của cuốn sổ nhàu nhĩ; năm Sọc viết câu thả, chán chường; có vẻ người viết không buồn viết nữa từ lâu lắm. Anh học trò nhà giàu, bảnh trai nhất trường làng năm xưa chỉ biết dụng chữ để viết gia phả. Còn tính toán tiền bạc, thóc lúa thì chậm như rùa. Có điều chậm mà chắc, nhìn cái kiểu kêu trời của thằng Ca thọt khi lão phát tiến đi chợ thì biết!

... Lão già ngủ ngổ, tiếng ngáy đều đều bên tai Hận, cô đánh thức lão bằng một cái lắc vai thật mạnh:

- Cha, vậy má có biết hai Bảnh là cha ruột của má không?

Mắt mũi nhấp nhem, lim dim, năm Sọc vẫn khê khà hơi rượu:

- Làm sao nó biết được, kể cả hai Nghĩa cũng không biết ba Thóc là cha đẻ ra mình, biết để tội nó tuôn của ra ngoài cho mấy thằng già đó à? À, cũng có thêm một người nữa biết chuyện này ngoài năm Sọc, nhưng không được phép của tao thì đó nó dám nói với ai, đó là má của con ba Ớn!

- Còn ông hai Bảnh?

- Sau đó không lâu, tao cũng cho thằng cha chết trôi rồi, ha ha ha... Chớ để chả sống chỉ cho rắc rối cuộc đời!

- Ông ác lắm, năm Sọc! Đừng hòng lấy tay che mặt trời! Ông đưa tôi xem cuốn sổ này để làm gì?

Lão già cười tuôn nước mắt nước mũi:

- Để có bằng chứng cho tội Việt Minh không trừng trị tao chứ!

- Ai tin cuốn sổ ông viết nguệch ngoạc...

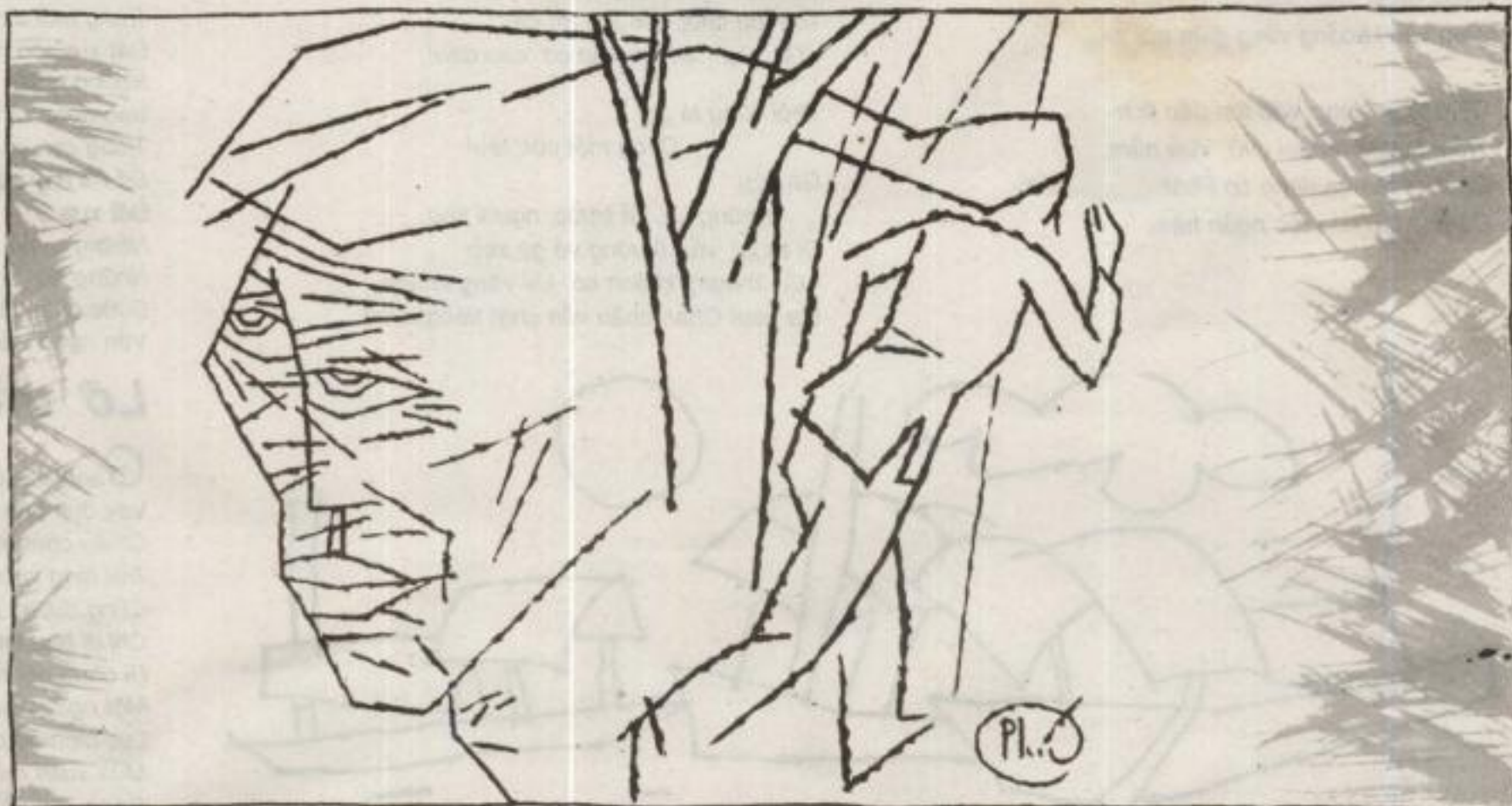
- Còn thằng bảy Lác em hai Bảnh, nó thấy hết, biết hết, nhưng bằng lòng giả cam giả diếc để đổi lấy mười mẫu ruộng của tao, ha ha ha...

Trống ngực đánh thập thình, máu nóng dồn lên mặt, Hận đưa tay sờ khẩu súng - chiến lợi phẩm cô lấy của mấy thằng quận trong ngày tổng khởi nghĩa, vật bất ly thân lúc nào cũng ấm nóng trong túi áo. Năm Sọc, tội ác mây lút đầu, tao... Nhanh và tinh như cáo, lão già đứng xồm lên rồi nhảy bổ vào người Hận. Cô gái mất thế đập mạnh đầu xuống đất bất tỉnh, khẩu súng trượt ra ngoài. Năm Sọc dùng chân đẩy súng về phía đồng rơm trong góc buồng rồi lổng lên như một con thú. Lão cắn xé và làm đủ trò trên thân thể tươi nguyên của người con gái. Phía sau nhà lú, bà ba Ớn vẫn cười khùng khục, khùng khục suốt đêm...

Hận tỉnh lại lúc nửa đêm với thân thể loã lồ, hai vệt máu khô loang dài hai bên đùi cô như hai sợi chỉ hồng mỏng mảnh. Ngồi định thần một giây, cô hiểu ra tất cả. Lão già cũng không mảnh vải che thân, nằm cạnh đấy ngáy pho pho. Hận trườn về phía góc buồng, quơ tay tìm khẩu súng... Sau đó nhẹ nhàng bỏ lại chỗ năm Sọc, kê súng sát đầu lão, bóp cò...

Tiếng súng hăm không đủ xé rách màn đêm để làm dậy xóm dậy làng như Hận nghĩ. Đất trời vẫn lặng thình, trăng sao vẫn vàng vạc, cô đứng lên mặc lại quần áo, thấy bình thân lạ thường, chợt nghe trống rỗng trong lòng, mọi thứ đều vô nghĩa, kể cả lời hứa phải làm một điều gì đó để rửa sạch lý lịch cho một tình yêu. Tình yêu sáng loà lý tưởng với thầy giáo Minh của kiếp nào. Một tay cầm súng, một tay cầm quyển sổ đời của lão năm Sọc, Hận đi dài ra bên sông. Cặp quyển sổ vào nách, cô khê khàng mở neo một chiếc xuồng, phải đi đầu đó để sống mà không phải cố gắng một điều gì hết. Cuối cùng thì khẩu súng cũng bị cô vút tòm xuống sông. Cuốn sổ đời của năm Sọc bị xé vụn ra, rải dài trên mặt nước...

Chiếc xuồng rẽ sóng trôi đi...■



Minh hoạ của NGUYỄN ĐĂNG PHÚ

NHỚ NGÀY EM TÔI RA TRẬN

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Sợ mẹ lo lắng nên em trai chỉ nói riêng cho tôi biết nó đã xung phong ra trận. Lúc ấy tôi không tin điều em mình nói, vì chỉ còn hơn một tháng nữa là đến kì thi tốt nghiệp cấp ba, sau đó còn thi đại học nữa. Nhưng nếu đúng, tôi vẫn không tin em mình sẽ trúng tuyển. Bởi nó mới mười bảy tuổi, mặt non choẹt, trên mép còn chưa có lông măng, chân tay vẫn khẳng khiu lếu khếu. Tôi nói: "Bao giờ em vác nổi mười lăm cân gạo nhà mình được mua hàng tháng chạy bằng bằng dọc phố, lúc ấy chị mới tin em thành bộ đội. Đi đánh giặc thật chứ không phải chơi trận giả, chuyện nghiêm túc chứ không phải chuyện đùa nhé." Nó chỉ cười. Trước mắt tôi vẫn là nụ cười của một thằng bé con.

Ngay chiều hôm ấy mẹ tôi đã biết tin. Đi làm về bà chẳng xuống bếp hay vào trong nhà như mọi ngày mà ngồi bệt ngay trước thềm. Mẹ tôi lặng im, đôi mắt đăm đăm nhìn vào vô định. Thấy mẹ ngồi thất thần như thế rất lâu, tôi không chịu nổi: "Mẹ biết rồi ạ." "Ừ mẹ biết rồi." Mẹ tôi vẫn ngồi nguyên trong tư thế cũ. Bà trả lời con gái đang bước đến gần mình mà như trả lời với một nơi xa lắm. Giọng của mẹ hoang hoải xen lẫn tiếng gió lào xào lượn qua những tàu lá chuối rách tả tơi trong trận mưa giông đêm trước. Tôi nhẹ nhàng ngồi xuống bên cạnh, khẽ vuốt những sợi tóc đã sớm điểm bạc của mẹ lòa xòa ngang trán. Tôi muốn nói một điều gì đó để trấn an mẹ, cũng là để trấn an mình, nhưng không hiểu sao mọi ý nghĩ cứ quánh lại.

Lặng đi lâu mẹ mới nói bằng một giọng

trầm hẳn: "Mẹ không nghĩ em con lại có nghị lực như thế. Mẹ không cần quyết định này của em con đâu, chỉ lo chân nó chưa cứng mà đá lại chẳng mềm." Mẹ thường ví von mỗi khi răn dạy các con, nhưng những lời ví von về thể trạng hiện tại của em, nghe xót quá. Lúc ấy tôi chỉ thầm mong nó bị loại. Nhưng em tôi không những không bị loại mà tên nó còn nằm trong danh sách nhập ngũ đầu tiên của đợt tình nguyện ấy...

Theo trường, tôi đi gặt lúa chống ủng giúp dân mấy ngày sau mới về đến nhà. Nhìn quanh, chẳng thấy em lớn em bé đâu, chỉ thấy mẹ đang khom lưng nghiêng thùng tôn đựng gạo. Từ trong cái thùng rỗng vọng ra tiếng bàn tay mẹ cào cào vết vết. (sau này, mỗi khi nhớ lại phút ấy lồng ngực tôi lại nặng trĩu.) Mẹ rầu rầu lưng thưng từ trong nhà đi ra, trên tay cầm cái rá đựng một vốc gạo tẻ. Mẹ nhìn tôi nửa như thông báo, nửa như trách cứ, "Mai em (con lên đường rồi, mẹ. Muốn cho nó ăn một bữa cơm không độn thật no, nhưng gạo chỉ còn ngần này, trong kia chỉ toàn hạt bo bo thôi..."

Tôi hít thật sâu rồi thở ra cho vợi nỗi xót mẹ, nỗi thương em: "Lỗi tại con mẹ ạ. Mỗi bữa lấy gạo thổi cơm, đáng nhẽ con phải tăng độn bớt gạo lại để dành khi nhà có việc hay ai ốm đau mà nấu cháo như mẹ dặn, nhưng trông hai em ăn trệu trạo con thấy tội quá, nên cứ bốc nhiều gạo." Mẹ tôi chẳng nói thêm gì, bà chỉ bậm môi suy nghĩ. Bỗng tôi nhớ ra. Nhà cái Thảo bạn thân của tôi vừa mua gạo. Kì này lại được ăn độn bột mỳ chứ không phải sắn khô hay hạt bo bo như đợt trước. "Mẹ ơi, con sang

vay nhà cái Thảo bột mì về trộn với chỗ gạo này nhé. Con sẽ làm như mẹ hướng dẫn... Rấy nước vào bột xoa đều tay, khi nào bột se gần giống như hạt gạo mới rắc vào nồi cơm đã rút tổ ong, cơm chín tới mới trộn đều. Chao ôi! Ngon như xôi vò. Bọn con khoai ăn như thế lắm..." Tôi nói liến thoắng, còn mẹ chỉ nhách môi cố nở nụ cười tán đồng với con gái.

Thằng út cũng theo anh đi chào bà con hàng xóm. Cả hai đứa về tới nhà cũng là lúc cơm chín tới. Bữa cơm của gia đình tôi hôm ấy thực là một bữa tiệc. Ngoài món sườn lợn trộn hành khô băm nhỏ rang cùng muối hạt quen thuộc và đĩa rau lang luộc, còn thêm đĩa trứng gà rán đầy ắp, vàng ươm. Con gà mái nâu mẹ nuôi đã đẻ gần chục trứng. Tôi biết mẹ tính dành trứng cho nó ấp thành đàn để cải thiện dần. Nhưng ngày mai con của mẹ ra trận, mẹ chẳng tiếc gì nữa. Cả con gà lẫn ổ trứng mẹ làm cho chúng tôi ăn tất.

Hai thằng em của tôi trước sự kiện đặc biệt này bỗng dưng lớn hẳn. Mọi khi chúng chành chọe với nhau suốt ngày, tôi luôn phải đứng ta phân xử. Thế mà hôm ấy hai đứa cứ dính rịt bên nhau, nhất là cu út toàn tiếp thức ăn cho anh. Bất chợt quay sang, tôi thấy mẹ chẳng ăn gì chỉ chống đũa nhìn các con, mắt mẹ ngưng đọng nước.

Mẹ lặng lẽ thắm khấn trước bàn thờ bố chúng tôi. Nhìn lên, tôi thấy mẹ mình bình thản đến khác thường. Mẹ cười để ấm lòng đứa con sắp xa nhà, riêng tôi vẫn nhận thấy trong nụ cười ấy có ngọn gió bắc đang tràn qua. Cả ba đứa con đều cảm được sự

mất thăng bằng trong mẹ mình. Em tôi đến gần ôm lấy bờ vai mẹ cái giọng đang vỡ cổ nói như một đàn ông thực thụ "Mẹ đừng buồn, ở chiến trường mà nghe tin mẹ ốm là con không cảm vững lòng được đâu..." Ngừng một lát giọng nó nhỏ dần. "Mong sao sau con, cu út nhà mình không còn biết đến chiến tranh nữa." Hai đứa em tôi cách nhau chỉ có hai tuổi. Tôi thấy cay cay sống mũi, vội lảng ra tránh nhìn vào mắt mẹ.

Mới tinh mơ, phía chân trời đã hắt lên màu nắng. Mẹ lập cập chạy theo dúi vào tay tôi mấy nắm mì "không người lái." Ngày ấy chúng tôi thường gọi mì luộc là mì không người lái): "Em chẳng chịu ăn gì, đến nơi tập trung con cố ép nó ăn cho đỡ lả nhé." "Vâng ạ." Tôi cố rượt theo em thật nhanh để thoát khỏi giây phút bịn rịn của mẹ.

Hàng phượng vĩ năm ấy hình như nở hoa sớm hơn thường kỳ. Từng tán phượng cứ bung cái màu hoa học trò rực đỏ trước mắt những chàng trai ra trận. Chắc vừa ngập trong nắng mới, hai má em tôi chín dừ. Tôi vẫn sống từng bước bên em trai mình, mà mỗi bước em đi là một bước xa dần. Lúc ấy tôi thầm hỏi mình. "không biết bao giờ chấm dứt chiến tranh? Không biết bao giờ thằng em thân yêu của tôi trở về."

Quanh những chiếc xe được ngụy trang lá cây xanh mượt, chàng trai nào cũng như vừa ra khỏi lứa tuổi trẻ dại như em tôi, chắc chúng cũng chưa hề biết hơi ấm từ đôi môi của một cô gái.

Quá trưa những chiếc xe ô tô chở tân binh từ từ chuyển bánh. Chiếc cuối cùng cũng đã qua. Cánh tay vẫy vẫy của em trai đã hút trong cát bụi cuốn cuộn. Chỉ còn tôi ôm nỗi hy vọng đứng lại.■

TRỊNH CÔNG LỘC

Dấu tích Ngọa Vân

Mây, gió chen chân, mưa chậm bước
Ngọa Vân tóc đã trắng ngang trời
Người định trước hay trời định trước
Mà lên tận đỉnh khoả mây trời...

Đến nỗi nào đầu từng dừng lặng
Rêu phong bóng đại cũng la đà
Bỗng dưng cảnh trúc rung câu hỏi
Treo vào khoảng vắng giữa trời xa...

Giữa đỉnh Ngọa Vân tìm dấu tích
Trầm hương ăm lại chỗ Vua nằm
Chỉ biết tâm ta đang có Phật
Đã hay tạo hóa tạc ngàn năm.

Ga xép...

Ga xép- bên làng, bên chợ
Người đến ga, gần cũng như xa
Rau quả cũng xếp hàng mua vé
Ga xép- vẫn ồn ào, vội vã
Gió trăm chiều thốc thổi vào đây...
Người đến ga này
Đủ mọi chuyện, khắp trong nam ngoài bắc
Chuyện một thời chiến tranh khốc liệt
Nghe gai người như xiết đường ray
Đến cả chuyện ông này, bà nọ đầu đây...
Ga xép- thêm mấy hàng ghế đá
Toa tàu chợ, dón lên tất cả
- Ga xép mà! Ga xép có sao đâu!

Thôi cũng là ga!
Cũng một con tàu!
Ga xép
Chúng tôi, kẻ trước, người sau
Đi từ xứ, vẫn thường về ga xép
- Ga thượng khách có khi vắng khách
Ga xép! Chen chân vẫn chặt tiếng cười!

ĐÀO TẤN TRỰC

Đất xưa

Trong tuổi thơ
Đất xưa là cánh đồng thoang thoang
Nơi ta lớn lên
Cất giấu những chiều sém nắng
Những chân đế, đuôi diều, củ khoai, vụn nước động
dòng con cá vẩy
Trong tuổi thơ
Đất xưa là dáng mẹ
Là bóng cha đi trên những luống cày mù bụi bay
Là tuổi anh, tuổi chị chạy trước mùa xuân chầm chậm
Trong tuổi thơ
Đất xưa, có cây đa lớn đầu làng
Những chiều gánh nước tình tang
Vào đêm trăng sáng ai mang gấu sông
Tiếng con chim gáy trên đồng
Để rồi bay vút theo dòng thời gian
Đất xưa...
Những ụ mỗi nay thành biệt thự
Những bờ ruộng lở nên con đường
Bước chân qua mấy phố phường
Vẫn nghe trầm tích trong vườn nhãn gian.

Lỡ thì

Gánh sen để trước sân chùa
Vây đụp bốn mùa chị bán chợ xa
Chiều chèo vương bận lời ca
Trai làng xuôi gió giờ ra thị thành
Cũng đường đất đỏ mong manh
Chị đi như thế vòng quanh đời mình
Đi chưa hết một cuộc tình
Một ngày quay lại nhận mình chân không
Lục bình nở phía bờ sông
Mùa xuân mấy độ qua không đợi mùa
Gánh sen để trước sân chùa
Chị vào xin một lá bùa bình yên.



MỖI TUẦN GẶP

MỘT NHÀ VĂN



Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân sinh năm 1943. Quê quán: phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Hà Nội. Tốt nghiệp Khoa Báo chí Trường Tuyên giáo Trung ương. Tốt nghiệp khoá 5 trường bồi dưỡng nhà văn trẻ Hội Nhà văn. Nguyên Phó tổng biên tập báo Người Hà Nội, Phó Chủ tịch thường trực hội Liên hiệp VHNT Hà Nội.

Tác phẩm chính đã xuất bản: Tháng giêng hai (thơ, in chung, 1970); Hương thầm (thơ, 1973); Chân dung người chiến thắng (thơ, 1977); Bông hoa không tặng (thơ, 1987); Nghiêng về anh (thơ, 1992); Xóm đề ngày ấy (truyện, 1977); Hoa mặt trời (truyện, 1978); Tuổi trắng rằm (truyện, 1982); Ánh sáng của anh (truyện); Bỏ trốn (truyện, 1995); Bài thơ cuộc đời (thơ, 2000); Thơ với tuổi thơ (thơ, 2002); Chân dung văn học (2010).

Giải thưởng văn học: Giải nhì cuộc thi thơ báo Văn nghệ năm 1969 bài thơ Hương thầm. Giải A Hội Văn nghệ Hà Nội (1980-1984 cùng tác phẩm trên. Giải A Nxb Kim Đồng, 1995. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2007.



HƯƠNG THẦM KHÔNG CÓ TUỔI

NGUYỄN HIỆP

Đã Lạt, tháng ba, đêm mưa dầm, ngoài trời lạnh dưới 10°C. Phòng của các trại viên Trại sáng tác Hội Nhà Văn Việt Nam cửa đóng then cài. Tôi vừa hé cửa sổ vội kéo lại thật nhanh vì tiếng gió thông hủ rất ghê và cơn lạnh thấu xương ập vào. Trại viết này đã giúp mọi người thay đổi những quan niệm sai trái về Trại sáng tác. Hầu như tất cả các nhà văn nhà thơ ở đây là những người say việc, chỉ đến giờ cơm mới gặp nhau một thoáng, lại đầu trở về đây, im ỉm. Bàn viết đã hút lấy họ. Đêm nay là đêm trại thứ tư. Trời lạnh, tôi chợt thêm một tách trà thơm như tách trà chị Nhân vừa cho uống sáng nay. Chợt tôi nghe tiếng gõ khe khẽ, nhà văn Trần Đăng Khánh, người cùng phòng với tôi nhanh tay mở khóa. Ô, thì ra chị Nhân. Chị cười: "Sáng nay nghe Hiệp khen trà ngon, nhưng đông người, không tiện nên giờ chị mới mang cho nó ít trà Thái." Tôi rời khỏi bàn viết, quay người lại, lòng bồi hồi cảm động. Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân vừa cười vừa nói thêm: "Chị cũng thích trà nên mang từ Hà Nội vào, không có nhiều để cho mấy thoải mái đâu nghe!" Tôi pha một bình mới bằng chính trà của chị Nhân tặng. Bàn trà ba người thật ấm áp giữa đêm lạnh căm căm. Với tuổi bốn mươi bảy, tôi nghiêm nhiên trở thành "nhà văn nhí đồng" so với mười bốn nhà văn sinh vào thập niên bốn mươi của trại. Nhí đồng được cưng, nhưng cưng tôi nhất có lẽ không ai qua chị Nhân. Chị chăm sóc dịu dàng và tinh tế bằng những việc nhỏ, nhưng vô cùng cảm động.

Hôm giỗ lần thứ mười của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, tổ chức ở khách sạn Duy Tân, là do nhà điêu khắc Phạm Văn Hạng mời, gấp quá nên tôi không cho chị lên phòng trang điểm, ăn xong là ra xe ngay. Lên xe, chị đọc một câu thơ trong bài "Không báo trước" của chị đã đăng báo làm tôi hơi áy náy: "Tôi mà không mộng mà/ Trông như là già lâu". Đó là chị giễu vui thế thôi chứ nhìn chị thì đúng là người không có tuổi. Với vẻ bên ngoài tôi xưng em gọi chị là Ồn, một phần tôi cũng thích gọi chị vì sự thân mật, gần gũi, trẻ trung trong thói quen, cách sống của chị. Đúng ra tôi phải gọi bằng cô vì số tuổi chênh lệch quá lớn. Sinh năm 1943 mà bước đi của chị còn nhanh nhẹn lắm, lời nói dí dỏm, đầu óc minh mẫn, quan điểm thoáng rộng, linh hoạt lắm và nghe đâu là nhảy đầm cũng đẹp. Tôi kể cho chị nghe một kỷ niệm nhỏ của tôi và cô Anh Thơ vào năm 1995. Lúc ấy, tôi là trại viên của Trại sáng tác Liên hiệp ở trại Bộ Văn Hóa-Nha Trang (nhà thơ Cù Huy Cận trưởng trại). Trên đường đến thăm dịch giả Đào Xuân Quý, tôi và nhà thơ Anh Thơ ngồi ghế sau. Tôi để ý thấy mắt cô Anh Thơ mãi nhìn ra cửa mơ màng, lúc sau cô quay lại nói: Hiệp này, cô năm nay tám mốt rồi mà vẫn còn khao khát làm thơ tình

lắm. Tôi hỏi: Chị Nhân bây giờ có khao khát như vậy không? Chị cười bảo: Mày chẳng hiểu gì cả thằng em ạ, chị đang ở tuổi chín để làm thơ tình đây. Và thơ tình giờ chỉ để... tự giễu mình thôi! Tôi và nhà văn Trần Đăng Khánh nhìn nhau, không tin nổi vào tai mình. Chúng tôi không ai bảo ai cùng gật đầu lia lịa, phục sát đất "bà chị Hương Thầm".

Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân sinh ở Tứ Liên, quận Tây Hồ, Hà Nội. Năm 1969, bài thơ Hương Thầm được giải Nhì cuộc thi thơ báo Văn Nghệ, còn cuốn truyện cho thiếu nhi "Bỏ trốn" của chị thì được giải A của nhà xuất bản Kim Đồng năm 1995. Chị còn hai lần được giải A của Hội văn nghệ Hà Nội. Năm 2007, nhà thơ được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Sau hơn bốn mươi năm mà bài thơ Hương Thầm của nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân vẫn được mọi người yêu quý, đi đâu tôi cũng nghe hát (bản phổ nhạc của nhạc sĩ Vũ Hoàng - 1984), ngay dân gốc rạ cục mịch củ mì ở quê tôi mà đám cưới nào cũng có người ề ề: ...Cửa sổ hai nhà cưỡi phố... không hiểu vì sao không khép bao giờ... Tôi nghĩ, lý do không chỉ vì bài thơ được đưa vào sách giáo khoa (lớp chín) mà còn vì sự mộc mạc da diết lay động lòng người ở mọi thời. Một lần đi chung taxi, tôi giới thiệu với anh tài xế: Đây là tác giả bài Hương Thầm. Chị khua tay: Em cứ làm như ai cũng biết Hương Thầm. Bác tài liền quay sang chị nở nụ cười rất tươi: "Đương nhiên là em hát được bài ấy", làm cho không khí trong xe như thơm hần ra.

Tôi hỏi chị về sự gắn kết của người em trai liệt sĩ Phan Hữu Khải với bài thơ Hương Thầm mà trong bài thơ "Em Tôi" chị đã thành thốt: "Trong lát bột tháng ngày/ Tôi nhiều lần sùng sốt/ Chợt gọi thắm "Khải ơi"... Chị cười buồn, ánh mắt buồn cũng thật nhẹ nhàng. Tôi hiểu để đạt được sự nhẹ nhàng như chị là không dễ. Hơn một lần chị tâm sự với tôi: "Mấy năm gần đây, nhiều người "ra đi" quá, có người còn kém tuổi chị cơ. Đời sống con người hữu hạn và bất trắc. Chị muốn được yêu quý, tôn trọng tất cả bạn bè, người thân, muốn bỏ qua hết mọi bức dọc trước đây, tha thứ hết, cả những sai sót của bản thân mình cũng nên bỏ qua để sống Hiệp à." Nghĩ được như vậy phải qua sự trải nghiệm, phải qua rất nhiều đau buồn, thất bại, sơ sẩy trong cuộc đời. Tôi hiểu điều đó, tôi hiểu ánh mắt "ngộ ra" trong chị. Tôi nói: Sự nhẹ nhàng của chị xét trong bối cảnh sức sỏi làm giàu, sức sỏi vượt trội, sức sỏi giẫm đạp nhau như bây giờ là sự cực đoan, cực đoan đáng yêu. (Là tôi có ý mượn tên một bài viết chị viết về nhà thơ Ý Nhi). Chị lại cười nhẹ nhàng, an nhiên, rồi khẽ gật đầu. Trở lại câu hỏi của tôi lúc này, giọng chị trở nên sâu lắng:

- Hồi trẻ, chị đi làm thường qua Khâm

Thiên, đoạn đường tàu này vốn nhiều nước mắt tiễn đưa. Vào Nam, vinh dự nhưng những bàn tay cứ vậy mãi, nước mắt hai bên đường cứ rưng rưng mãi. Khải, em trai chị cũng là một người lính trẻ ra đi như vậy. Nhà chị ở Yên Phụ, sân có cây bưởi, chị thường nhặt hoa cho vào túi. Khải biết nên cũng thường nhặt hoa rưng và hái cả hoa tươi cho vào túi để chị xách đi làm. Em trai quan tâm bằng quơ vậy thôi. Rồi cậu ấy đi bộ đội, hy sinh trước ngày chiến thắng, không trở về... Khải chưa yêu, nhưng cô bạn thân học chung lớp của Khải cũng có vẻ gần bố hình bóng lắm. Minh viết bài Hương Thầm tặng Khải. "Hương thầm" cứ lặng lẽ, đến người được đưa tiễn cũng không hay biết, ngay cả khi nằm xuống đất lạnh rồi vẫn không hay biết.

Tôi lại nhắc đến loài hoa nhờ chị mà trở nên bất tử. Chị cười: Mày cứ bày vẽ. "Trèo lên cây bưởi hái hoa" có trước "hương bưởi trong chiếc khăn tay". Ủ, mà loài hoa này duyên với chị thật may ả. Buộc, nhét mãi chị mới đưa được cây bưởi vào thang máy. Lên tận tầng mười lăm. Nhà chị ở tầng mười lăm, khu chung cư mới trên đường Lê Văn Lương. Là hoa ra nhiều lắm. Ai cũng tấm tắc: Cây bưởi của nhà "Hương Thầm" có khác. Cũng vui.

Tôi biết nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân không chỉ làm thơ tình, chị làm thơ thiếu nhi cũng rất hay. Bài Lâm Anh, Ngựa Biển Phòng, Chị Võ Thị Sáu được đưa vào sách giáo khoa (tiểu học), học sinh nhiều thế hệ thuộc lòng, thích thú. Ngoài ra chị còn làm báo cũng rất cừ: Phóng viên của báo Hà Nội Mới, Phó tổng biên tập báo Người Hà Nội. Nhiều khóa liên chị là Phó chủ tịch thường trực Hội Nhà văn Hà Nội, Phó chủ tịch thường trực Hội văn nghệ Hà Nội. Sách của chị phải để một vệt dài trên ngăn tủ. Gần đây, chị vừa có "người yêu mới" là "chàng internet", người hướng dẫn chị là con gái Nguyễn Thị Dinh (tức Ngọc). Trong trại, chị ở chung phòng với nhà thơ Bùi Kim Anh, có lần mẹ Anh gọi tôi lên sửa dùm cái laptop, quan sát thấy máy của chị Nhân chạy rất chậm, tôi đề nghị xóa bớt các loại rác temp, prefetch... chị Nhân hốt hoảng: Cứ để yên cho chị, miễn sao còn gõ được chữ là còn tốt..!

Trong thời gian ở trại sáng tác Đà Lạt, có lần chị rủ tôi và nhà thơ Nguyễn Thị Mai, trại trưởng lên quán Dalat night trên đồi uống cà phê. Thấy chị mê mẩn với cảnh đẹp Đà Lạt, tôi đã hứa sẽ thuê Hon Da chở chị một vòng nhưng rồi lần lữa mãi không thực hiện được. Tôi về Sài Gòn mấy ngày lên lại trại thì nghe nói nhà thơ Nguyễn Vũ Tiềm đã chở chị đi khắp nơi rồi. Nhìn gói trà mới của chị tặng bên bàn trà, tôi chợt trách mình thật nhiều. Trong buổi tổng kết trại sáng tác, tôi chợt nhận biết không còn thời gian để trò chuyện với chị một số điều như đã hẹn nên tôi

đành chọn giải pháp gửi mail những câu hỏi cho chị.

- Kính thưa nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân! Theo tôi biết, nhà thơ Dương Thị Xuân Quý, người bạn thân của chị có lần đã nói với chị về chị: "Tao thấy mày có thừa cái hồn dân tộc, cái tâm dịu dàng của dân bà...". Nếu như phải nói thêm về tác giả Hương Thầm, theo chị đó là gì?

-Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân: Tôi nghĩ, có lẽ tôi sống giản dị, tự tin nhưng chẳng bao giờ thấy mình hơn bạn bè bất cứ điều gì. Với ai tôi cũng thấy họ có nhiều điểm vượt trội hơn mình, mình rất nề phục và phải học. Tôi chỉ lặng lẽ quan sát và chỉ thân với ai tôi thật sự quý mến.

- Năm 1977, chị có dự Hội Nghị Những Người viết Văn trẻ khối XHCN ở Matxcova. Xin chị nhớ lại những cảm xúc của cây bút trẻ Phan Thị Thanh Nhân lúc đó?

- Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân: Đạo đó tôi có viết một câu thơ về lá phong tuyệt đẹp của nước Nga: "Lá vào thu vừa độ đẹp hết mình". Lúc ấy tôi đã 34 tuổi, lần đầu tiên được biết và nhìn ra thế giới. Thật choáng ngợp và ...ngây ngất.

- Tháng tám năm nay, Hội Nhà văn Việt Nam sẽ tổ chức Hội Nghị Những Người Viết Văn Trẻ Việt Nam. Theo chị, vấn đề gì cần được ưu tiên hàng đầu trong Hội Nghị này? Chị có theo dõi từng bước đi của các nhà văn trẻ hiện nay không? Điều gì làm chị lo? Điều gì chị mừng nhất?

- Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân: Thú thật là tôi chỉ chơi với rất ít bạn viết trẻ và chỉ đọc sách nào được tặng. Tôi không có tham vọng hướng dẫn, theo dõi các bạn trẻ. Trái lại, tôi còn rất tự ti và buồn vì thấy thế hệ tôi giờ đã nhiều tuổi, sức khỏe kém, ngoại ngữ thì không biết, vì tính cứng lơ mơ... Các bạn trẻ bây giờ rất giỏi, năng động, có nhiều bạn tiếng Anh như gió, đi nước ngoài xoành xoạch, có điều kiện tiếp xúc với đủ thứ thông tin và con người. Tôi rất tin lớp trẻ sẽ thành đạt và tiến xa nếu họ thật sự tâm huyết với văn chương.

- Nhà thơ Vũ Quần Phương gửi mail cho chị có nhận xét: "Đi qua cả một thời rồi, mà trông bà vẫn cứ trẻ như... hồi mới vào Đoàn". Xin chị bật mí một chút về bí quyết "không có tuổi" của mình?

- Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân: Trời, bác Vũ quần Phương là người rất hay đùa tếu, bác ấy giễu tôi thôi! Còn tôi thì rất thích câu nói của nhà thơ Trần Đăng Khoa, đại loại là: "Cứ sống vui vẻ, làm được gì thì làm, không tranh giành hơn thiệt, không mơ lãnh đạo ai thì sẽ trẻ khỏe mà"... Trần Đăng Khoa mới là người trẻ mãi không già đó!

Cám ơn Nhà thơ! Kính chúc chị mãi là nhà thơ được công chúng mến mộ và những bài thơ mới của chị cũng sống mãi, trẻ mãi như Hương Thầm!

MÂY NGÀN, GIÓ NÚI NGÀN TRƯƠI

Bút ký của NGUYỄN NGỌC VƯỢNG

Lội qua khe Rào Rổng, trèo ngược dốc cây Khế nơi thượng nguồn Ngàn Trươi là ta đang đứng giữa trùng điệp của dãy Giăng Màn kỳ vĩ, nghe mồn một tiếng thì thảo của mây ngàn, gió núi và tiếng non ca trầm hùng vọng lên từ phía luy thành cụ Phan Đình Phùng... Tiếng gió càng làm cho ta đau đầu về một thửa đất nước đầy binh đao bắn loạn. Máu của những nghĩa sỹ đã hoà vào Ngàn Trươi nhuộm tím cả núi rừng, hỗn cốt của họ đã góp phần tích tụ nên *mây ngàn, gió núi Ngàn Trươi*, với những cánh rừng ngàn quanh năm đỏ rực bởi màu hoa Huyết Đăng, loài hoa tượng trưng cho sức sống dẻo dai mãnh liệt của núi rừng và con người Ngàn Trươi từ ngàn vạn đời nay.

Trải qua bao biến động của thời gian, thượng nguồn Ngàn Trươi này vẫn là điểm dừng chân lý tưởng của những kiếp đời cùng kế mư sinh mà kỳ hồ phiêu bạt tìm kiếm giấc mộng đổi đời... Cụ Nguyễn Thị Hào, một trong những người đầu tiên đặt chân tới Kim Quang mừng mừng tượng lại trong ký ức sâu thẳm về nơi chôn rau cắt rốn của mình mà không còn nhớ rõ địa danh, cụ chỉ biết rằng đó là một bản thuộc vùng núi rừng hươu quạnh nào đó thuộc tỉnh Quảng Bình. Có lẽ ngay từ lúc chưa thoát thai khỏi bụng mẹ cụ đã phải nếm trải cái đói thường trực trong cốt tủy, lớn lên cụ càng thấm thía những nạn đói và các cơn đại dịch triển miên lần lượt gặm nhấm hết sinh mệnh người này đến người khác, trong đó có cả bố, mẹ, người thân trong gia đình mình nên nỗi ám ảnh đó không dễ gì buông tha nếu như cụ không trao gửi những tháng, năm còn lại của cuộc đời mình về chốn rừng, núi, suối, khe vô thường này...

Trong lúc làng xóm heo hơ, xương mai chất thành gò đồng, họ hàng ruột thịt hầu như chẳng còn ai, thì anh trai cụ là ông Nguyễn Văn Duyệt đã dắt cụ vào rừng lang thang vô định giữa đại ngàn bao la đảo cù nầu, củ mài ăn qua ngày, đoạn tháng. Cuộc phiêu lưu đầy mạo hiểm đã đẩy anh em cụ hết tháng ngày này đến tháng ngày khác, qua hết trường sâu rừng rậm này đến trường sâu rừng rậm khác. Một hôm anh em cụ đặt chân tới thượng nguồn Ngàn Trươi bạt ngàn màu đỏ của loài hoa Huyết Đăng, gặp được hai người đàn ông đứng tuổi làm nghề sơn trại đang ngồi đốt lửa trong một hang núi, mà sau này họ mới biết rằng đó từng là vọng gác tiền tiêu của nghĩa quân Phan Đình Phùng trước đây. Cụ Hào kể rằng, bằng cách tính lịch thời gian của hai người đàn ông này thì đó là mùa hè tháng tư năm Giáp Tuất (1934)

Được hai người đàn ông cho ăn ở và nhận làm thành viên trong sơn, nên chỉ trong một thời gian ngắn, anh em cụ đã nhanh chóng hoà nhập với cuộc sống ở đây... Thế nhưng cuộc sống chẳng chiều lòng người, một hôm vào mùa đông năm Bính Tý (1936) trời chuyển giông, núi rừng gầm gào thác đổ, chợt có một đoàn người, ngựa từ đâu đến vây kín cửa hang rồi ập vào bắt trói hai người đàn ông và giải đi giữa tiếng hét gào vô vọng của anh em cụ! Vừa đi được một chặng đường rừng, hai người này đã tự cắn lưỡi chết, vì thế bọn chúng ném xác họ xuống chân một ngọn núi rồi đóng ngựa về xuôi. Không ngờ chúng vừa đi được một đoạn thì đất đá ầm ầm đổ xuống trong chốc lát vùi lấp thì thể hai người.

Mãi sau này khi nơi đây thành lập chính quyền cách mạng và hình thành đơn vị

LTS: Sau khi truyền ngắn *Những người đàn ông* của nhà văn Trần Dũng, in trên báo Văn nghệ số 15 đến tay bạn đọc, cùng với nguyện vọng của tác giả (cũng đã được giới thiệu trên số báo này), chúng tôi đã nhận được bức thư sau đây của nhà báo Nguyễn Ngọc Vượng, gửi từ Hà Tĩnh.

Kính gửi Ban biên tập báo Văn nghệ

Tôi là Nguyễn Ngọc Vượng, hội viên Hội Nhà báo Việt Nam, hội viên Hội LH VHNT Hà Tĩnh, hiện công tác tại báo Lao động Xã hội. Theo dõi báo Văn nghệ số 15 ngày 9/4/2011, tôi thấy nhà văn Trần Dũng bày tỏ sự chia sẻ, đồng thời đề nghị ủng hộ toàn bộ số tiền nhuận bút của mình cho các gia đình nạn nhân vụ tai nạn thảm khốc tại mỏ đá Lèn Cờ, huyện Yên Thành (Nghệ An) sau khi nhà văn nhận được thôn tin truyện ngắn của mình được đăng trên báo Văn nghệ và được báo Văn nghệ đồng tình ủng hộ bằng nhuận bút đặc biệt

Với tư cách một người cầm bút, tôi muốn được góp phần động viên chia của mình đối với các gia đình nạn nhân vụ tai nạn thảm khốc tại mỏ đá Lèn Cờ theo cách làm của nhà văn Trần Dũng. Tôi xin gửi báo Văn nghệ bài bút ký "Mây ngàn gió núi Ngàn Trươi" kèm theo lá thư này để nghị nếu được đăng tôi sẽ dùng toàn bộ số tiền nhuận bút của mình ủng hộ các gia đình nạn nhân. Trường hợp nếu bài viết không đăng được vì lý do nào đó, tôi cũng xin ủng hộ bằng tiền mặt với số tiền tương đương tiền nhuận bút của truyện ngắn "Những người đàn ông" của nhà văn Trần Dũng, (số tiền sẽ gửi vào tài khoản của báo Văn nghệ) để được thông qua báo Văn nghệ ủng hộ các gia đình nạn nhân vụ tai nạn tại mỏ đá Lèn Cờ.

Xin trân trọng cảm ơn Ban biên tập báo Văn nghệ và nhà văn Trần Dũng đã có sáng kiến này để chia sẻ, giúp đỡ bà con đang gặp tai nạn.

Hà Tĩnh ngày 10/4/2011

Nguyễn Ngọc Vượng

Tòa soạn xin giới thiệu dưới đây bút ký *Mây ngàn gió núi Ngàn Trươi* của nhà báo Nguyễn Ngọc Vượng, và theo nguyện vọng của tác giả, chúng tôi cũng sẽ trả nhuận bút đặc biệt để chuyển đến gia đình các nạn nhân gặp nạn tại mỏ đá Lèn Cờ.

hành chính, cụ Hào mới biết rằng hai người đó là Lê Hồ và Cao Bá, từng là nghĩa quân Phan Đình Phùng, sau khi khởi nghĩa thất bại, họ về đây ẩn dật... Ngọn núi nơi hai người bị vùi lấp giống như một nấm mồ lớn được người dân bản địa gọi là núi Mồ, rất thiêng. nên mỗi khi có việc đại sự bà con thường ra đây cầu cúng khói hương chu đáo để mong sự chở che của hai bậc anh hùng.

Cái chết của hai ân nhân làm anh em cụ đau xót đến tận cùng! Không biết làm gì hơn, anh em cụ đành ôm nhau khóc cho đến khi bếp lửa trong hang tàn tro nguội lạnh mới kịp nhận ra rằng không còn lửa để nấu nướng, sưởi ấm và chống lại thú dữ... Trong bối cảnh đó, coi như cuộc sống những ngày tiếp theo của hai anh em sẽ gặp muôn ngàn khó khăn. Vậy là một lần nữa ông Nguyễn Văn Duyệt lại quyết định dắt em mình tiếp tục cuộc phiêu lưu vô định giữa đại ngàn bao la. Họ nhằm về hướng mặt trời lặn, ngược qua dãy Giăng Màn mây mù cao ngất trong nhiều ngày, đêm, cuối cùng phiêu dạt tới Na Ca Đốc, một bản nhỏ nằm trên đất Lào. Tại đây họ gặp được ông Nguyễn Nhui, một người Lào gốc Việt rất tốt bụng cho quần áo mặc nhận làm người trung gian địa phương.

Qua một thời gian quen dần với sinh

hoạt của người Na Ca Đốc, cụ Nguyễn Thị Hào gặp ông Vi Văn Lạp người bản địa, cùng hoàn cảnh có cả bố lẫn mẹ đều bị mất sớm nên họ đem lòng yêu thương nhau rồi dần dần kết nên bạn đời. Ngày ngày họ rủ nhau vào rừng hái lá tàu bay, đào củ, hái măng, nhặt quả; xuống suối, khe mò ốc bắt cá, đem về lấy bếp lửa làm vui. Tuy vất vả, nhưng cuộc sống của gia đình cụ ở Na Ca Đốc hết sức hạnh phúc thanh bình thì vào năm Ất Dậu (1945) bất ngờ nạn đói ủa về như một cơn lốc dữ kéo theo đó là nạn dịch tả xuất hiện tràn ngập khắp nơi, bản làng ngày một tang tóc thê lương!

Biết rằng khó tồn tại ở đây lâu hơn nữa nên cụ Hào bàn với chồng và anh trai mình rủ thêm vợ chồng bà Nài Thị Khâm; vợ chồng bà Nài Thị Tồn; vợ chồng ông Bun Thun; vợ chồng ông Phan Khâm và vợ chồng bà Chào Thị Khâm là những hộ có quan hệ qua lại thân thiết với nhau trong bản sang Việt Nam, trở lại sơn trại cũ để lập nghiệp. Sáu hộ gia đình này liền đồng tâm nhất trí ý tưởng của cụ rồi họ cùng nhau thực hiện cuộc thiên di sang nơi *Mây ngàn gió núi Ngàn Trươi* mà đến nay, đây được coi là cuộc thiên di vĩ đại nhất, một bước ngoặt trong quá trình hình thành và phát triển của vùng đất này.

Trong số những người tham gia cuộc hành trình vĩ đại đó có bà Phan Thị Lùng, con ông Phan Khâm sau này trở thành con dâu đầu của cụ Nguyễn Thị Hào. Lúc đó bà Phan Thị Lùng chưa đầy sáu tháng tuổi được bố mẹ công sang Việt Nam là một trong rất ít người còn thuộc được những bài hát cổ của người Lào ở Na Ca Đốc. Một lần cụ Hào bị ốm nằm liệt giường, bà Phan Thị Lùng vừa chăm cháu vừa hát bài hát bằng tiếng Lào: "Xao nôi, xao nôi, tà mông. Xao khoảng, xỉ ma, xoong nôm. Ở xoong, bay xoong, thoong măn. Nhà lấp lẩn, khan nôi, nà thôn..." nội dung bài hát ca ngợi người con gái đang đang hiển thực khiến cho cụ Hào không cảm nổi nước mắt. nắm lấy tay con dâu mình nói rằng: Ước gì ông trời cho mẹ chút sức khoẻ để về thăm quê chồng lần cuối... Nói đoạn bất giác cụ vụt ngồi dậy ngoái đầu qua khung cửa ngược nhìn lên phía bên kia dãy Giăng Màn...

Từ khi sáu hộ gia đình đầu tiên chụm lên làng xóm, núi rừng càng thêm vui, chim ca, muông thú từ khắp Trường Sơn hùng vĩ càng hội về một nhiều; núi, rừng Ngàn Trươi ngày càng được biết đến như một miền đất

hứa cho những người tìm kiếm cơ hội đổi đời. Vào những năm giữa của thập niên 60 thế kỷ trước nhiều hộ gia đình ở ven sông La, sông Lam đã dời nhà lên nơi này lập nghiệp và dần hình thành đơn vị hành chính xóm Kim Quang, mở mang chợ búa, trường học, trạm y tế tạo điều kiện cho trẻ em đến tuổi được đến trường, người già cả ốm đau bệnh tật được khám chữa bệnh.

Cụ Nguyễn Thị Hào được coi như người đầu tiên lập nên Kim Quang nay đã ngoài cửu thập niên. Suốt một đời nặng nợ với mảnh đất này, ước vọng cuối cùng của cụ là chỉ mong sao được yên nghỉ vĩnh hằng chính tại nơi đây. Tuy vậy, năm 2006, người dân Kim Quang nhận được chỉ thị: Cấm làm nhà cửa, xây cất mồ mả, trồng các loại cây dài ngày để chuẩn bị di dời tái định cư do ảnh hưởng tới dự án Thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang; nên để chuẩn bị cho ngày về với tổ tiên, cụ đã dặn cháu con rằng, "Nếu sau này có chôn cất cụ hay dời mồ mả của vợ chồng và anh trai cụ tới nơi đâu thì hãy nhớ trồng lên đó những khóm hoa Huyết Đăng và lấy nước từ khe Đất Đỏ rưới lên để giữ lại những gì của khí tiết *Mây ngàn gió núi Ngàn Trươi* ban tặng"...

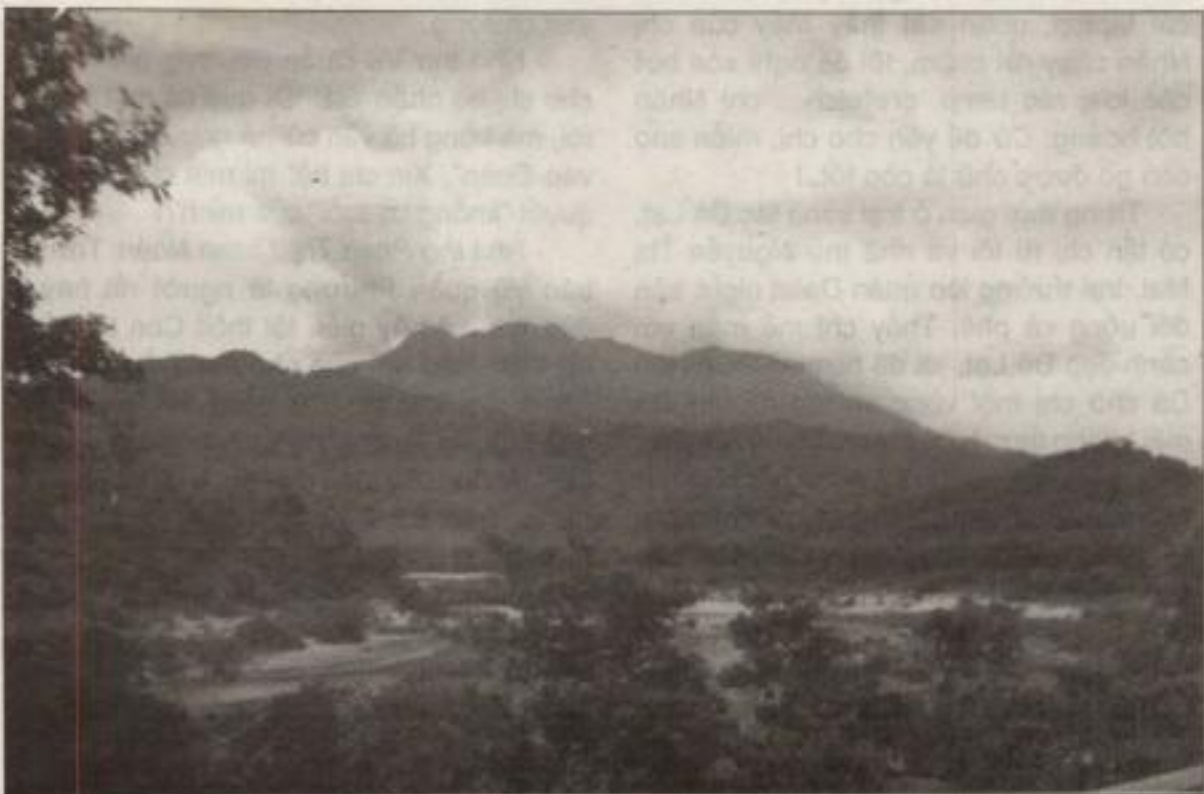
Hơn bốn năm lại nay, người dân Kim Quang không dám làm những việc đại sự như gả cưới, xây dựng nhà cửa, làng mộ, tổ chức các mô hình phát triển kinh tế nên tỷ lệ hộ nghèo ngày càng có chiều hướng gia tăng. Không thể đợi chờ lâu hơn được nữa, 50 hộ dân đã nộp đơn xung phong di dân tự do theo chính sách khuyến khích của Nhà nước, nhưng do nguồn ngân sách hỗ trợ chưa đáp ứng và những quy chế của dự án còn hạn chế nên người Kim Quang có câu "ở khốn thương đi khốn đường".

Cộng đồng bà con xóm Kim Quang tới nay có 169 hộ gia đình, họ luôn tích cực trong cuộc sống lao động sản xuất và thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước. Bao đời nay Kim Quang vẫn là miền đất lành, trước đây bà con thường có tập tục nuôi trâu, nuôi lợn chung; đến các ngày lễ tết họ tổ chức hát, múa Lâm Vồng và các hoạt động giao lưu văn hoá khác... cùng giết thịt trâu, thịt lợn tổ chức ăn uống linh đình vui vẻ. Nay những phong tục tập quán này đang dần bị mai một, nhưng vẫn còn đó trong ký ức sâu thẳm của nhiều bậc cao niên. Chính vì vậy, để chuẩn bị cho cuộc đại di dời tái định cư, các cơ quan hữu quan và thế hệ con, cháu Kim Quang cần phải làm thế nào để vực dậy và tiếp tục phát huy bản sắc văn hoá của tổ tiên chính là chìa khoá cho con cháu Kim Quang bước tới tương lai bền vững...

Những hạt sương sớm, củi chiều ngàn lạnh như lưu luyến đọng đầy trên mi mắt khác khoải nỗi buồn nhớ mông lung của cụ Nguyễn Thị Hào trước bao tháng, năm đằng đẵng đã qua và trước những ngày cuối cùng chuẩn bị giã biệt núi rừng. Là một trong những người đầu tiên lập nên xóm Kim Quang ở thượng nguồn Ngàn Trươi, hôm nay cụ lại kêu gọi con cháu lên khu tái định cư tập trung khai sinh làng mới tạo nên một bước ngoặt mới có ý nghĩa quan trọng nhất, đánh dấu mốc thời gian đáng nhớ nhất bằng sự ra đời của Đại công trình Thủy lợi, một trong những dự án trọng điểm Quốc gia, góp phần làm thay đổi diện mạo quê hương, đất nước trong công cuộc đổi mới...

Nằm trong tổng diện tích 4.500ha rừng đầu nguồn bị ngập với sức chứa gần 800 triệu m³ nước của Đại công trình Thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang, mai này thôn Kim Quang sẽ vĩnh viễn vùi sâu dưới biển nước mênh mông. Nhưng với tôi, với cụ Hào và tất cả những người dân Kim Quang này, có lẽ tất cả những giá trị thiêng liêng nhất thuộc về xứ sở này muốn thừa sẽ còn được nhắc đến giữa âm hưởng của *Mây ngàn, gió núi Ngàn Trươi*.

Và dù người dân xóm Kim Quang đến đâu, ở đâu thì hoa huyết đằng vẫn nở. ■



Trên thế giới, đã có rất nhiều nhà văn thành tựu từ nghề dạy học, Việt Nam lại càng... dữ. Trong bụi bậm nghiệp văn đất Phú Yên, tôi muốn kể câu chuyện thú vị về 4 thầy giáo ở một ngôi trường xa xôi xứ Nẫu đã bươn bả với nghiệp văn chương, đem đến bao ngưỡng vọng và cũng không ít... phiền hung.

TÔI dám chắc một điều, trong các trường phổ thông ở Phú Yên, trường THPT Trần Quốc Tuấn có đội ngũ văn nghệ sĩ hùng hậu nhất. Nổi bật trong "đám đông" ấy là 4 cây bút từng có tác phẩm đoạt giải thưởng - được nhiều người biết đến, ít ra là trong "lòng chảo xứ Nẫu" từ đèo Cù Mông đến đèo Cả...

Ấy là 4 "Đại lão gia": Phạm Ngọc Hiến (tiến sĩ văn học) Phùng Hi (Nguyễn Phi Hùng, giáo viên Toán), Ma Joan (Nguyễn Văn Giác, giáo viên Sử) và Đào Tấn Phấn (giáo viên Sử). Thấy Hiến 39 tuổi, vợ bác sĩ, đã in một số tập thơ và lý luận phê bình; thấy Hùng 46 tuổi, vợ buôn bán bánh kẹo tại nhà, đã có nhiều truyện ngắn, bài viết sắc sảo đăng tải trên các báo trung ương và đại phương; thấy Giác

vậy, nhưng luôn quyết liệt trong khẳng định mình, lập trang web cá nhân để giới thiệu sáng tác của mình và bè bạn. Hiến khá nổi tiếng từ chuyện dạy dỗ, văn chương đến... ngoại cảm... Vừa dạy "sô" vừa soạn sách tham khảo "dự dõ" học sinh...

Nghe nhau đã lâu, cứ nghĩ lên xã Hòa Thắng (huyện Phú Hòa) tìm về trường Trần Quốc Tuấn là có thể gặp cùng lúc 4 ông "củ lạ", vậy mà... tham vọng của tôi đã bị phá sản! Vừa rồi, nghe nói không xin chuyển được về trường đại học tỉnh, thấy Phạm Ngọc Hiến đã chấp nhận xa vợ con, khăn gói vào đầu quân cho Đại học Văn Hiến (TP. Hồ Chí Minh), rồi vừa chuyển sang Đại học Sài Gòn...

Vậy là tứ đại lão gia giờ chỉ còn 3. Một chiều mưa, tôi phôn cho Phùng Hi để

dại làm thêm nhà văn. Đùa chút, chứ chuyện giàu nghèo là chuyện muôn thuở, tri túc tiện túc thôi, vì thấy mấy ông bạn, ông nào cũng xênh xang, rủng rỉnh.

- Với anh, tôi thích giọng viết luôn sắc sảo, đáng vọc cũng... không đến nỗi nào. Nhưng tôi hơi bất ngờ là gia đình anh vẫn còn ở tập thể trong trường?

- Nhà tập thể vẫn là nhà đấy chứ!

- Vừa rồi, nghe anh nhận nhuận bút đến... một truyện ngắn hơn cả tháng lương của thiên hạ?

- Ngày xưa có bài đăng báo, tôi hay nói vui lẽ ra tiền nhuận bút phải thêm con số 0 phía sau. Tức ba trăm, thêm con số 0 là ba triệu... Một số tờ báo đã làm được vậy.

- Viết đều như anh, có "phụ vợ" được nhiều không?

- Viết thì đều nhưng đăng không đều. Nếu cứ "phụ vợ" mỗi tháng đôi ba triệu thì đời nó lên hương cỡ nào.

- Mà sao anh đang dạy toán lại... đấu quân văn chương? Toán - văn có "choảng" nhau...

thì vị. Có giáo viên tìm thú vui bằng chuyện đánh bi da, bù khú, đá gà... thì mình cũng nên coi chuyện viết lách đến mức ấy thôi, thì chẳng ai nỡ "bất tiện" với mình.

- Nghiệp dạy và nghiệp viết văn, anh yêu "cái" nào hơn?

- Cả hai thứ, tôi đều chưa dám coi cái nào là nghiệp, nghe to tát quá. Nhưng yêu cái nào hơn thì tôi yêu nghề dạy học hơn, và mấy ông bạn ở trường đều vậy. Có lẽ anh không theo dõi mảng giáo dục, bởi tất cả chúng tôi đều bàn nhiều về tính bất cập, lạc hậu, sai kiến thức ở sách giáo khoa, được đăng tải trên các tạp chí *Dạy và học ngày nay*, *Thế giới trong ta*, *Toán học và tuổi trẻ*, *Giáo dục - thời đại*, *Văn nghệ Trẻ*,...

- À, trong 4 người, "đáng lo" nhất là ai? Vì như khi nào gia đình anh "rời ổ" tập thể-trường...

- Con người là sinh vật độc chiếm nỗi lo. Không thể xác định ai lo nhiều hơn ai được. Tôi từng viết: "Một quan lớn lo vợ ngoại tình, khổ chẳng thua gì một nông

BỐN ÔNG GIÁO "LẠ" Ở MỘT TRƯỜNG HUYỆN

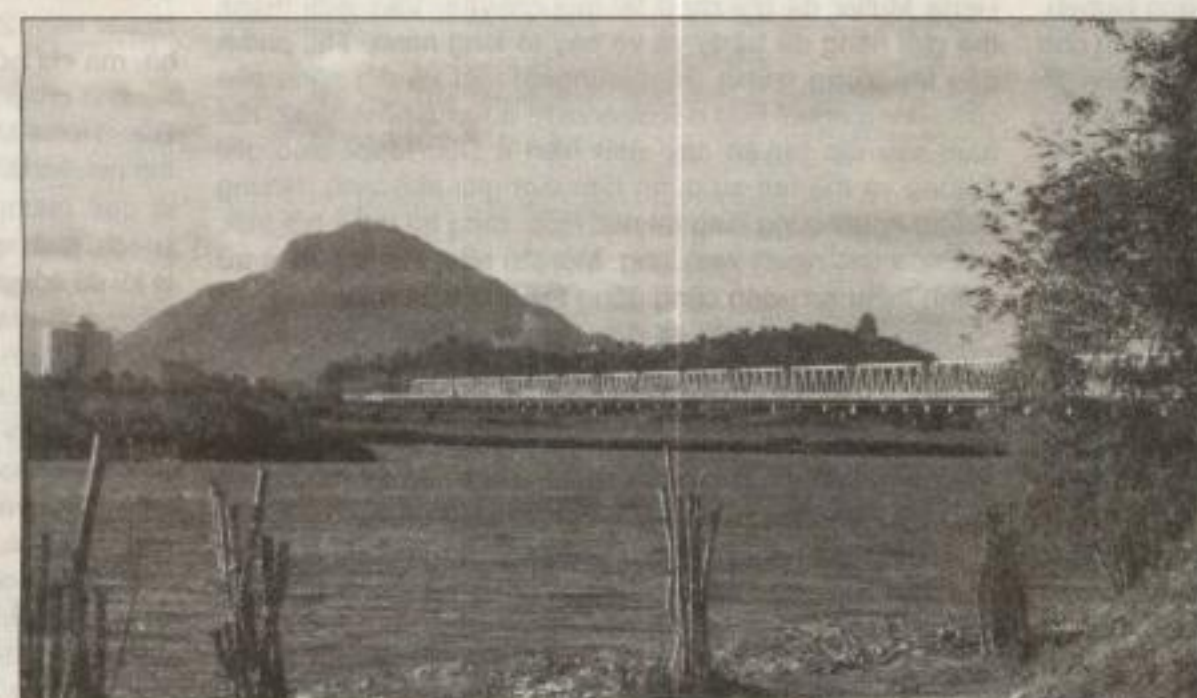
BA ĐÀO

45 tuổi, vợ dạy toán THCS, thơ đăng trên nhiều tờ báo lớn; và cuối cùng là thấy Phấn, 47 tuổi, vợ dạy toán THPT, thơ lạ, tứ phóng khoáng, đã có bài in chung trong nhiều tập thơ...

Như một phần tất yếu của nghiệp văn chương, 4 "lão gia" này đều đi kèm với những giai thoại gây nhiều tò mò trong và ngoài giới văn nghệ. "Nhiều chuyện" nhất có lẽ là Đào Tấn Phấn, nói... cả tháng không hết, chỉ xin chép lại đây đoạn "đặc tả" của một bạn thơ: Khi đang học Đại học Sư phạm Qui Nhơn, Đào Tấn Phấn đã từng dùng xe đạp cộc cạch ra tận Huế (gần 500 km) thăm một người đẹp mà anh lỡ say đắm. Khi về dạy trung học, Đào Tấn Phấn trưng dụng một miếng đất nhỏ trong khuôn viên trường để trồng rau, và khom lưng cuốc đất ngay trước bao nhiêu cặp mắt ngạc nhiên của học trò...

Hình dung của Đào Tấn Phấn rất dễ lường tượng: tóc lút vai, dáng ngổ ngáo. Lần thứ nhất gặp nhau trên phố, anh kêu "a" một tiếng và... hăm phanh chiếc xe đạp cà tàng bằng... đôi dép ma sát với mặt đường. Lần thứ hai gặp ở quê, anh kêu "á" một tiếng và... gỡ chiếc đèn pin ra khỏi đầu chiếc xe máy cà tàng để rọi về phía người quen... Xe đạp của Đào Tấn Phấn không phanh, xe máy của Đào Tấn Phấn không đèn, nhưng thơ của Đào Tấn Phấn bao giờ cũng có tú: *Cũng ở Tuy Hòa nhưng từ thuở có em/Mọi đơn vị thời gian bỗng dung biến mất* (ở Tuy Hòa)...

Văn chương chưa biết... mủi nào nhưng riêng về "khâu" giai thoại thì Đào Tấn Phấn "đi đứt" 3 thấy còn lại! Phùng Hi kiêm nghề chụp ảnh, nhưng nếu khách hàng chê ảnh xấu thì... tặng luôn; đang đi tập huấn... toàn ra quán rượu nói chuyện văn chương... Ma Joan nhận giải thơ thì về nhà... xin vợ thêm tiền để chiều đãi chiến hữu, nhà thơ "Ma" hiện rất tự hào vì đang làm xếp (Trường tổ Sử - Giáo dục công dân) mà Đào Tấn Phấn chính là "quân" của anh... Còn Phạm Ngọc Hiến thì lành như cái tên của mình



Núi Nhạn, sông Đà ở thành phố Tuy Hòa - Phú Yên

"gom" 3 thấy còn lại; thế nhưng cũng chỉ gặp mỗi... Phi Hùng! Thấy Đào Tấn Phấn có "đức" không dùng điện thoại di động, dạy xong là... đi đâu mất; thấy Ma Joan thì đang đi ngoài tỉnh lấy tài liệu làm luận văn cao học...

Thôi thế thì "tào lao" với Phùng Hi ngay tại bàn bia quán Cây Đông, gần trường Trần Quốc Tuấn vậy...

- Xin hỏi thầy giáo - nhà văn Phùng Hi, 4 người cùng làm văn chương ở một trường huyện, có gì "gay cấn" không?

- Chẳng những không "gay cấn" mà còn vui. Vui vì có người để chia sẻ. Còn chữ "nhà văn" anh gọi tôi ấy mà, giỡn chơi thì được, không thiệt được đâu.

- Chuyện giai thoại về 4 thấy, anh thấy có ảnh hưởng gì "hòa bình thế giới không"?

- Nếu có cái gọi là giai thoại thì chỉ riêng anh Đào Tấn Phấn. Người ta thù ghét cũng có, mà ảnh tự tạo ra cũng nhiều.

- Có lẽ... nghèo là chuyện chung của nhà giáo, nhà văn, anh thấy kinh tế gia đình 4 "người mình" thảnh thơi thế nào?

- Nhà giáo nghèo, nhà văn nghèo, cộng lại là double nghèo. Riêng tôi chẳng

- Văn là đẹp, toán là logic, là chuẩn xác. Chúng chỉ dính chặt vào nhau chứ làm gì có choảng nhau.

- Nhiều người thích giọng văn... rất Nẫu, lúi thủng vào đời thường. Anh thấy... tình cạnh tranh của truyện ngắn nước nhà lúc này như thế nào, để được chấp nhận?

- Tôi thích câu hỏi này nhất. Tôi quan niệm người viết ở đâu thì nên làm sang ngôn ngữ địa phương của mình ở đó. Không phải giọng văn "rất Nẫu" là ... đời thường đâu. Chúng ta hay sợ giọng Nẫu không đại chúng, không hay nên có lúc mượn giọng văn vùng miền khác thế vô, tôi nghĩ nên hạn chế điều ấy tối đa. Một truyện ngắn thế nào để được công chúng chấp nhận, cái đó thật khó. Chỉ riêng chuyện người viết biết rõ "gu" của một tờ báo rồi, mà vẫn khó vượt qua. Lực bất tòng tâm ấy mà!

- Một người bạn tôi, nói: trong môi trường giáo dục, viết lách "sơ sơ" thì cũng hay, nhưng viết "nặng đô" thì có nhiều cái bất tiện. Anh thấy sao?

- Bất tiện thì chưa thấy, nhưng tôi ủng hộ chuyện viết lách sơ sơ, cho đời thêm

dân chạy ăn từng bữa"...

- Thử so sánh... cấp độ sợ vợ giữa 4 người?

- Đọc ở đâu đấy, tôi nhớ: "Một người đàn ông biết sợ vợ tức là còn biết mình là ai". Thành ra ai sợ vợ nhiều hơn thì được đánh giá cao hơn.

- Gặp nhau bên cốc rượu, 4 thấy nói chuyện chỉ?

- Chúng tôi hay mắc phải cái tật chuyện văn một hồi rồi cũng quay về chủ đề "Giáo dục nước nhà". Ngày thường và dịp lễ tết cũng thế, nếu có dịp ngồi lại với nhau...

Trở lại với chủ đề giáo dục, âu cũng là chuyện dễ hiểu của những người làm thầy khi gặp nhau. Thế mới biết văn chương vẫn luôn có cái riêng của nó, không phải lúc nào, ở đâu và với ai cũng có thể giải bày được...

Người ở lại thì vậy, còn người ra đi thì sao? ít lâu sau mới có dịp trao đổi với Phạm Ngọc Hiến...

- Anh thử so sánh các nhà giáo quê, văn quê với giáo phố, văn phố?

- Nhà giáo ở Sài Gòn vất vả hơn, phải vất vả kiếm sống, người đông nhưng ít thân, thỉnh thoảng lại về Phú Yên thư giãn vài ngày, lên trường Trần Quốc Tuấn hội tụ "tứ đại lão gia" hoặc tới quán cafe Ba Lưu (nhà văn Ngô Phan Lưu) trò chuyện thân tình với anh em văn nghệ sĩ.

* Vất vả Sài thành dạy đại học và viết phê bình, liệu còn thơ?

- Bài thơ mới nhất của mình: *Em về nơi ấy xa xôi/ Thương làn tóc rối biết ai chải dùm/ Mưa qua phố trọ ngại ngừng/ Hình như mưa cũng thương hoài người xa* (Nhớ).

Hình như mưa cũng thương hoài người xa... Không biết người xa ở đây là người đang rào bước trên đường phố Sài Gòn, hay người đang cầm cùi mịet mài bên những trang giáo án xứ Nẫu Phú Yên, nhưng dù là ai thì cũng vậy, đã mang cái nghiệp vào thân, thì sẽ không dễ gì mà bỏ, cũng giống như với quê hương vậy... ■



HERTA MULLER: “TÔI ĐÃ TRẢI QUA CHẾ ĐỘ ĐÓ...”

CUỐN tiểu thuyết mới nhất “Atemschaukel” đã đem lại cho Herta Muller Giải thưởng sáng giá của châu Âu về Bảo vệ nhân quyền và Giải Nobel Văn học 2009. Trước khi bay tới Copenhagen để gặp bạn đọc, Herta Muller đã bị sốc nặng khi có ý kiến cho rằng cuốn tiểu thuyết này có đồng tác giả là nhà thơ Đức Oskar Pastior (1927-2006).

Năm 2001 Herta Muller bắt đầu ghi chép lại những hồi tưởng của Oskar về 5 năm (1945-1950) sống trong trại tập trung cải tạo lao động ở Donbass. Một năm sau đó Herta và Oskar đã cùng nhau đến Ukraina để thăm lại nhà máy xi măng – nơi Oskar đã sống và lao động. Vào năm 2006, Oskar đột ngột qua đời, Herta đã giữ lại 4 quyển ghi tốc ký các cuộc trò chuyện và quyết định một mình viết tiểu thuyết về chuyện đó. Trong phần vĩ thanh, Herta có giải thích rằng nếu không có những hồi tưởng của đồng nghiệp và cũng là người bạn Oskar Pastior thì không thể có tiểu thuyết này.

Không chỉ là người bạn và đồng hương thân thiết mà Herta đã tin cậy trao chìa khóa căn hộ của mình, Oskar còn có một vai trò rất lớn trong sự nghiệp văn chương của bà. Tên của nhà thơ này được bà nhắc đến không dưới chín lần trong lời phát biểu tại lễ nhận Giải Nobel, và như vậy bà đã coi Oskar là người có liên quan tới sự công nhận của thế giới đối với mình.

Song chỉ một năm sau, vào tháng 9/2010, mọi người phát hiện ra trong suốt 7 năm, từ 1961 đến cuối 1968, Oskar Pastior không được rời Rumania, ông bị coi là kẻ chỉ điểm của cảnh sát mật Securitate (*Cơ quan An ninh quốc gia Rumania*). Chính quyền đã coi sáng tác của Oskar là chống Xôviết. Để không bị ngồi tù tới 20 năm, Oskar đã chấp nhận làm gián điệp cho cơ quan an ninh. Các nhà báo Đức gọi sự kiện này là quả bom khổng lồ nhất trong đời sống văn hóa Đức kể từ Chiến tranh thế giới II khi so với sự kiện Gunter Grass (*Nobel văn học 1999*) tham gia vào SS (Grass đã kể về việc này sau khi nhận giải thưởng Nobel).

Mặc dù Herta Muller nhiều lần khẳng định rằng làm cho cảnh sát mật chỉ là chuyện hoang đường được dựng nên để làm mất thanh danh của những người bị chế độ ghét bỏ, song bà cũng phải công nhận là mình cũng bị sốc: “Đối với tôi, tin này đã trở thành nỗi nhục. Có hai Oskar Pastior. Một người tôi biết và một người tôi không biết. Thật đáng sợ những gì chế độ độc tài làm với mọi người”. Giả sử Herta có biết tới mặt tối trong tiểu sử của Oskar, bà vẫn sẽ viết nên tiểu thuyết, dù đó là một cuốn sách khác, song thái độ của bà đối với nó sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào các sự kiện. “Tình bạn của chúng tôi đã chấm dứt... Tôi không thể cấm mình xử sự tốt với anh ấy”. Trên các ảnh chân dung quảng cáo, dù đã được nhà xuất bản chỉnh sửa, về mặt của Herta Muller vẫn lộ vẻ mệt mỏi, đau đớn.

Herta Muller sinh tại làng nhỏ Nitzkydorf (Rumania) với 500 nóc nhà, nơi người dân thiểu số Đức đã sinh sống từ thời đế chế Áo – Hung. Vào những năm chiến tranh thế giới II, phần lớn dân làng là lính phát xít, bố của Herta là lính SS. Mẹ của bà mới 19 tuổi, như Oskar, đã bị lưu đày sang Ukraina, làm việc trong trại tập trung, nhiều lần là đi về đối. Mẹ đã từng phản đối việc Herta vào trung học, vì bà cho rằng trường đó chỉ làm hỏng con người bằng việc đọc sách. Bà chỉ muốn con gái trở thành thợ may.

Bất chấp ý nguyện của mẹ, Herta không chỉ vào trung học, mà còn tốt nghiệp khoa văn học Rumania và Đức của



trường Đại học Tây Timiuoara (Rumania), rồi được bổ trí làm phiên dịch tại nhà máy “Texnometal”. Ba năm sau đó bà bị đuổi việc vì từ chối cộng tác với securitate, bị coi là kẻ thù, nhà ở thường xuyên bị lục soát, thường xuyên bị khủng bố tinh thần, bị đe dọa tính mạng... ở Timisoara không có nơi nào Herta Muller có thể cảm thấy mình được an toàn. Hàng đêm, tiếng động nơi cầu thang cũng làm bà lo sợ bị bắt. Và khi đã bị bắt đi, không bao giờ biết liệu có được trở về nhà. “Họ phao tin tôi làm gián điệp, vu oan giá họa những điều tôi không hề nói – những chuyện như thế còn tệ hại hơn cả bị tù đày, bị đe dọa”. “Securitate bày đặt mọi mưu kế để o ép tôi mọi bề...”.

Vì không thể thanh minh, không thể nói công khai, Herta Muller đã ghi chép lại mọi chuyện. Văn xuôi thành thể giới riêng để bà tự vệ và bày tỏ lòng mình. Tác phẩm đầu tay **Vùng trũng** (Niederungen) viết về đời sống của cộng đồng người Đức ở Rumania ra đời vào năm 1982. Hai năm sau tập truyện này xuất hiện ở Đức, được trao giải thưởng và thu hút sự quan tâm của giới phê bình. Nhưng những người cùng làng thì riết móc, rằng bà là kẻ bội thối, vạch áo cho người xem lưng. Một lần nữa, Herta Muller trở thành thiểu số trong cộng đồng thiểu số của mình.

Sau khi cuốn sách ra đời, Securitate bắt lực và tuyên bố: “**Vùng trũng** đã phòng đại có chủ ý hiện thực ở địa phương, đặc biệt là ở làng”. Herta Muller bị cấm xuất cảnh khỏi Rumania. Khi cuốn sách đã gây nên chấn động lớn, được trao nhiều giải thưởng, chính quyền sở tại đành phải thay đổi chiến thuật, dỡ bỏ lệnh cấm xuất cảnh.

Năm 1987 Herta Muller buộc phải cùng mẹ và chồng – nhà văn Richard Wagner – sang tỵ nạn ở Cộng hòa liên bang Đức vì lý do chính trị. Tuy nhiên, trong nhiều năm liền, cho dù bà đã định cư tại Đức, chế độ độc tài vẫn không buông tha. Họ “thay mặt kiểu dân” gửi thư tố cáo Herta tới các cơ quan hữu quan ở Đức, viết bài hủ hoại thanh danh của bà trong cộng đồng phương Tây gửi cho báo chí nước ngoài, cử người (một bạn gái thân thiết từng làm cùng với Herta tại Texnometal) tiếp tục theo dõi...

Vào năm 1989, dưới tác động cải tổ ở Liên Xô, bức tường Berlin sụp đổ, Nicolae Ceauuescu bị xử tử hình. Lần

đầu tiên Herta cảm nhận mình được giải thoát: “Như trút được gánh nặng khỏi vai. Tôi đã trải qua chế độ đó”.

Trong những năm sống và làm việc tại Đức, bà đã tham gia giảng dạy tại nhiều trường đại học của Đức, Mỹ, và có một vị trí xã hội tích cực.

Bà là tác giả của 18 tiểu thuyết và truyện ngắn, từng giành được hơn 20 giải thưởng văn học uy tín: Giải “Aspect” (1982), Giải Ricarda Huch (1987), Giải Heinrich Kleist (1994), Giải Dublin (IMPAC-1998), Giải Franz-Kafka (1999), Giải Berlin, Giải Bremen, Giải của thành phố Gratx,... Các cuốn sách của bà được dịch sang rất nhiều ngôn ngữ...

Chủ đề chính trong nhiều tác phẩm của Herta Muller là sự khủng bố tâm lý của chế độ độc tài đối với con người, những trải nghiệm mất tự do và bị cưỡng bức, những hồi ức vừa muốn nhớ vừa cố gắng lãng quên... về cuộc sống dưới chế độ độc tài. Về thực chất, toàn bộ văn chương của Herta Muller đều đề cập tới nghệ thuật sống trong những hoàn cảnh vô nhân đạo, về tâm lý của kẻ áp bức và của những người bị áp bức. Điều này được thể hiện rõ nhất trong cuốn tiểu thuyết “Heute war ich mir lieber nicht begegnet” (1997) và trong cuốn “Atemschaukel” (2009) của nhà văn. Theo Herta Muller, nhiều điều được viết ra từ những sự kiện có thực, có rất nhiều người cùng thời với bà là nhân chứng, bà chỉ là người hiện thực hóa các chi tiết trong văn học. Văn học, kể cả văn học thực nghiệm, không thể xa rời hiện thực. Văn học giúp chúng ta hiểu hiện thực rõ hơn, giúp chúng ta sửa chữa hiện thực, chứ không lẩn tránh nó.

Với hoàn cảnh sống nặng nề (chiến tranh, chế độ độc tài, trại tập trung,...) và phức tạp, danh tính công khai của Herta Muller cũng trở nên đặc biệt: Bách khoa điện tử “Wikipedia” gọi là nhà văn Đức; cộng đồng châu Âu giới thiệu bà là nhà văn viết tiếng Đức, chứ không phải tác giả Đức; Viện Hàn lâm Thụy Điển, khi công bố người đoạt giải Nobel năm 2009 đã không nêu dân tộc và quốc tịch của bà, mà chỉ nói tới ngôn ngữ bà sử dụng.

Bất chấp nguồn gốc Đức và ngôn ngữ mẹ đẻ là tiếng Đức, Herta Muller vẫn chỉ coi mình là kiều dân ở Đức. Có thể nói, bà là nhà văn bị lưu đày, ngôn ngữ đã sinh ra bà và là quê hương của bà. Nước Đức với bà vẫn chỉ là “đất khách, quê người”. “Tôi (Herta) đã tới Berlin – điều đó nghĩa là tôi đã sống sót. Berlin là sự giải thoát. Song tôi không tìm kiếm quê hương ở đây. Tôi không thích từ này. Nhà tôi ở đây, với tôi thế là đủ. Tôi thích là người lạ. Tôi thích là người khác. Là người khác lạ - đó cũng là một chút xú tự do”.

“Cò lẽ tôi cũng muốn viết điều gì khác, song tôi không có sự lựa chọn. Đã có người khác làm thay tôi điều đó”. Rất nhiều nhà văn cùng thời với Herta Muller không thể chọn chủ đề khác, mà chủ đề đã chọn họ. Với Herta, viết văn không phải công việc ưa thích, không để thăng tiến, không phải là nghề, mà là nghiệp, là phản ứng tự vệ. “Viết – đó là cách cân bằng giữa phát hiện bí mật và tàng trữ bí mật”; “Văn học không thể thay đổi được những tàn độc của quá khứ, song nó phát triển sự thật thông qua ngôn từ, cho thấy những gì diễn ra trong ta và quanh ta, khi những giá trị tinh thần suy thoái”.

LÊ MY

(Theo Chaskor u 5/ 4/ 2011 và Information, Berlingske Tidende, Politiken, Weekendavisen.)

CHÙM TRUYỆN NGẮN MINI CỦA BEKHADIN (IRAN)

TRONG CHỢ TEHRAN

TÔI đi lang thang trong chợ Tehran. Mắt lơ đãng theo dõi chuyển động của đám đông, tai nghe thấy tiếng ồn ào của người nói và lũ vật kêu chí choé. Bỗng nhiên tôi dừng lại trước một con cừu đang đi ngược chiều, trên lưng nó là một sọt táo to tướng và đi bên cạnh là người chăn dắt, đang lớn tiếng với đám đông: “Táo tươi đây, xin mời các ngài, 30 xu một quả, xin mời...”. Con cừu và người dắt nó tiếp tục đi, làm giãn đám đông ra.

Đến trước quán tạp hoá, họ dừng lại. Người dắt cừu mua một ít đường và nhét từng viên một vào chiếc môi mềm mại của con cừu.

Cặp mắt lớn ẩm ướt của con vật sáng lên hạnh phúc, những cái răng trắng to chậm rãi nhai đường. Tôi đứng và ngắm nghía. Ngạc nhiên trước sự hỗn nhiên, ánh lên bởi hạnh phúc trong cặp mắt cừu, hạnh phúc mà tôi chưa hề thấy trong những cặp mắt của người dân nghèo Iran. Hạnh phúc mà tôi chưa hề có trong tim.■

DƯỚI MƯA PHÙN

LÀNH giá, mưa phùn rơi bất tận. Mọi người giống như những cái bóng xám xịt, mũ áo choàng kín mít, chạy đi chạy lại trong mưa.

Cánh cửa các quầy hàng đóng thật chặt. Những người bán hàng đứng sát lại gần lò sưởi, xuyết xoa hơ bàn tay lạnh cóng. Trong cửa hàng lớn, những lò sưởi điện cháy rực, ông chủ to béo thọc hai tay trong túi đứng bên cửa sổ nhìn lơ đãng đám người lạnh cóng qua lại.

Hai đứa trẻ lang thang, khoác bộ quần áo rách rưới trên thân thể còm xanh xám đang cố dán chặt người vào tường, tránh mưa phùn và gió bắc. Đầu gối chạm đầu gối, những nắm tay thu lại trong chân, chúng ngồi chồm hóm sưởi ấm cho nhau bằng hơi thở. Nụ cười giá lạnh đọng trên cặp môi xanh xao những đứa bé, và ở bụng ở ngực da chúng tím lại khẽ run rẩy. Lạnh.

Một bà vú béo đầy đã gương mặt bất động vô hồn không một cảm xúc chậm rãi đẩy chiếc nôi với đứa trẻ 2 tuổi. Đứa bé được bao phủ ấm áp, cặp mắt không rời khỏi bàn tay to béo nắm nắn và bộ ngực đỏ sộ của bà vú già.

Những đứa trẻ lang thang ngắm nhìn bà vú. Cặp mắt chúng sáng lóng lánh. Nhưng... chúng run cầm cập vì lạnh, mỉm cười điệu đàng một cách ngộ nghĩnh. Tiếng cười vô vọng vang lên trong mưa phùn lạnh xám.■

MƯỜI người có tên trên Bảng vàng: Triệu Tân, Tu Tường Minh, Lăng Đình Niên, Viên Bình Phát, Tấn Đức Long, Lư Phu Hồng, Hạ Dương, Hồng Túu, Vương Vãng, Trần Lực Kiều.

Nhằm để xứng và hoàn thiện tiêu chí thể loại văn học Truyện cực ngắn, giới thiệu những danh gia, chọn lựa tinh phẩm, từ năm 2003, bốn đơn vị "Tập chí Truyện cực ngắn chọn lọc", "Tập chí Bách Hoa Viên", "Nhà xuất bản Truyện cực ngắn", Hội Khoa học Truyện cực ngắn Trịnh Châu đã phối hợp thiết lập "Giải thưởng Chim sẻ vàng Truyện cực ngắn".

Giải thưởng này lấy 10 tác phẩm của mỗi nhà văn công bố trong năm quy định là đơn nguyên tham gia bình chọn, triệt để tham chiếu thực lực toàn bộ sáng tác của nhà văn, mà tiến hành bình thưởng, nhằm khoả lấp khoảng trống thể loại truyện cực ngắn trong giải thưởng toàn quốc, có tính toàn quốc, uy tín và công bằng, đã trở thành một trong những giải thưởng quan trọng trong sự nghiệp văn học đương đại Trung Quốc, những tác phẩm được giải đã đại biểu cho một tiêu chuẩn cao trong lĩnh vực sáng tác truyện cực ngắn trong niên khóa.

Độ dài thời gian bình chọn giải thưởng lần thứ nhất là (1985-2002), mười nhà văn được giải thưởng là Vương Mông, Phùng Kỳ Tài, Lâm Căn Lan, Hứa Hành, Tôn Phương Hữu, Vương Khuê Sơn, Hầu Đức Văn, Lưu Quốc Phương, Trần Đức, Hoàng Kiến Quốc.

Bắt đầu từ năm 2003, giải thưởng này cứ hai năm bình chọn một lần.

Những người được giải thưởng lần thứ hai (2003-2004) là Đặng Hồng Vệ, Tôn Lợi Hoa, Lưu Kiến Siêu, Thái Nam, Lưu Lê Bảo.

Những người được giải thưởng lần thứ ba (2005-2006) là Vu Đức Bắc, Tạ Chí Cường, Tôn Xuân Bình, Nhiếp Hâm Sâm, Trần Vĩnh Lâm.

Những người được giải thưởng lần thứ tư (2007-2008) là Thân Bình, Ngụy Vĩnh Quý, Phí Ngư, Chu Ba, Vương Hiểu Phong (lý luận), Lưu Hải Đào (lý luận).

Tháng 3 năm 2010, thể loại văn học truyện cực ngắn được chính thức đưa vào phạm vi tham gia bình chọn Giải thưởng văn học Lỗ Tấn.

Nhằm khích lệ hơn nữa nhiệt tình sáng tác của đông đảo tác giả viết truyện cực ngắn, giới thiệu những danh gia danh tác, tích cực ủng hộ và mở rộng đội ngũ sáng tác truyện cực ngắn, kính qua đơn vị tổ chức thận trọng nghiên cứu, Hội đồng bình chọn giải thưởng Chim sẻ vàng Truyện cực ngắn lần thứ năm (2009-2010) đã xác định mười người được giải.

Kết quả bình chọn giải thưởng Chim sẻ vàng truyện cực ngắn lần thứ năm, gồm 10 nhà văn: Triệu Tân, Tu Tường Minh, Lăng Đình Niên, Viên Bình Phát, Tấn Đức Long, Lư Phu Hồng, Hạ Dương, Hồng Túu, Vương Vãng, Trần Lực Kiều. (Lần này không có giải lý luận).

Trong đó có 2 nữ nhà văn (Hồng Túu, Trần Lực Kiều), có 6 người là Hội viên Hội Nhà văn Trung Quốc (Triệu Tân, Tu Tường Minh, Lăng Đình Niên, Viên Bình Phát, Tấn Đức Long, Trần Lực Kiều).

Dưới đây là tóm tắt tiểu sử văn học, chân dung và lời bình đối với hai nhà văn (một nhà văn lão thành mở đầu bằng và một nữ nhà văn trẻ khoa đầu bảng) trong mười tác giả được Giải thưởng Chim sẻ vàng truyện cực ngắn lần thứ năm (2009-

vừa, truyện dài "Trương Vương Lý Triệu", "Trang Gia quan điểm", "Hà Đông Hà Tây" và "100 truyện cực ngắn Triệu Tân", v.v...

Tác phẩm được thưởng: "Chủ tịch huyện nợ tôi một liều thuốc lá", "Người hai nhà và hai con chó", "Danh nhân", "Một chiều lạ, ăn khắp thiên hạ", "2 nhân 3 bằng 8", "Nhà tôi ở dốc Cây hạnh", "Điện thoại không gọi được", "Giống tôi như đức", "Ngài làm một việc tốt", "Ngáp và ngáy".

Lời bình thưởng: Là một nhà văn lão thành có kinh nghiệm nhiều năm sáng tác, qua chùm tác phẩm truyện cực ngắn này, Triệu Tân đã thể hiện đầy đủ thực lực sáng tác không bình thường của ông. Tác phẩm của ông quan tâm chú ý đến

tiện, tác giả am hiểu và tôn trọng trạng thái sinh tồn, trạng thái nhân sinh, khát vọng tâm linh và khát vọng của họ, đồng thời từ đó mà khiến độc giả nhìn thấy tình cảm sâu đậm của một ông già ở tuổi cổ lai hy đối với ruộng đất, nông thôn, nông dân. Trong sáng tác truyện cực ngắn, Triệu Tân sử dụng nhiều thủ pháp tả thực truyền thống, ngôn ngữ chất phác, nhân vật dưới ngòi bút của ông cũng đa phần chất phác, sức mạnh ôn hoà chắc chắn toát ra từ sự chất phác ấy khiến cho sáng tác của ông thể hiện rõ ràng phong cách và ma lực độc đáo, trong khi sáng tác truyện cực ngắn hiện nay có những biểu hiện nôn nóng.

Trần Lực Kiều

Nữ, Hội viên Hội Nhà văn Trung Quốc, nhà văn cấp 1. Đã từng học qua Viện Văn học Lỗ Tấn và Lớp Nhà văn Trường Đại học Phúc Đán (Thượng Hải). Đã xuất bản Truyện dài, truyện vừa "Tình yêu của Thảo Bản", "Dần thương" và các Tập truyện cực ngắn "Người tình bất hủ", "Thắng cả đời em", v.v...

Những tác phẩm được thưởng: "Mùa xuân của A Sùng", "Hai cây cột điện", "Tiếng hát đôi lòng", "Tương tư", "Tín nhiệm", "Sát thủ đặc biệt", "Bà xã, em thuộc về ai", "Con dê thân yêu", "Ai còn dám lấy em", "Nhớ con". Lời bình được giải: Hứng thú của Trần Lực Kiều đối với văn học, nhất là với thể loại văn học truyện cực ngắn mới phát triển rất nồng đậm, cảm tình trong sáng tác vô cùng sâu sắc, cơ hồ như mỗi tác phẩm đều thấy chị kêu gọi đánh thức tình yêu chân thực, sùng bái nhân tính thiện mỹ, chỉnh sửa những số phận dị dạng. Tác phẩm truyện cực ngắn của chị chất lượng đồng đều, đa số là những tác phẩm tâm huyết của tác giả. Thông qua văn phong mềm mại tinh tế, thể hiện rõ lòng bác ái, khoan dung và sự thông cảm của tác giả. Năng lực tự sự và tài năng tổ chức câu chuyện của Trần Lực Kiều ít thấy trong những nhà văn viết truyện cực ngắn, đây là một sở trường của chị. Chùm truyện cực ngắn mới này văn bằng văn phong nhất quán của chị, đem lại cho chúng ta cảm giác vui mừng và loé sáng. "Mùa xuân của A Sùng", "Tương tư" miêu tả tình cảm tế nhị mà dư vị sâu lắng, nội dung phong phú. Trần Lực Kiều chuyên cần sáng tác và tích lũy vốn sống, miêu tả nỗi tang thương nhân thế trong biển cả tình yêu, đã trở thành một tiêu chí tươi mới của truyện cực ngắn Trần Lực Kiều.■

VŨ PHONG TẠO

(Theo www.xiaoxiaoshuo.com)

GIẢI THƯỞNG CHIM SẺ VÀNG TRUYỆN CỰC NGẮN TRUNG QUỐC LẦN THỨ 5



Nhà văn Triệu Tân và nữ nhà văn Trần Lực Kiều



2010).

Triệu Tân

Nam, sinh năm 1939, tại Khúc Bình, tỉnh Hà Bắc. Hội viên Hội Nhà văn Trung Quốc, nhà văn cấp 1. Đã từng làm Chủ tịch Hội Nhà văn thành phố Bảo Định. Đã xuất bản các tập truyện ngắn, truyện

hiện thực, nhất là hiện thực nông thôn, chú trọng khắc hoạ nhân vật, trong khuôn khổ có hạn của truyện cực ngắn, thường có thể khiến cho chúng ta nhìn thấy nhân vật sinh động giàu cá tính. Những nhân vật này tuy là tầng lớp dưới đáy của xã hội, song tâm hồn không tí

TRONG XE BUÝT

LÃN trong những người phụ nữ nhân nhó, quần áo nhàu nát, đám trẻ con la hét, đám hành khách Tehran thường xuyên hối hả, tất bật tranh nhau lên xe buýt, có lẽ tôi là người cuối cùng.

Cơn sóng người ngay lập tức vỗ lấy tôi và cuốn đi. Phía trước mặt tôi bỗng thấy một gương mặt phụ nữ trẻ tươi cười. Đôi mắt đen to tròn, đáng vẻ dịu dàng và quyến rũ, nàng nhìn tôi một cách trong sáng và kiêu hãnh. Sau những cú huých của xe buýt, tôi dần bị đẩy gần hơn với cặp mắt như có thôi miên kia. Và cuối cùng tôi đã đứng trước mặt nàng. Mắt tôi nhìn thẳng vào cặp mắt sâu thẳm đen, chân tôi chạm vào đầu gối nàng, ngực sát ngực, và hơi thở nóng rực của tôi làm rung rinh những búp tóc xoắn của nàng. Trái tim tôi nhảy nhót như một con chim trong lồng ngực và chỉ chực bay vút vào tầng cao.

Tôi say đắm ngăm nhìn gương mặt, cái cổ trắng kiêu hãnh, đôi vai thon mảnh dẻ, còn người soát vé, như một con gà gáy sớm, thông báo tên mỗi ga khi xe đi qua:

"Monhiri" ! " Pekhrivi" ! "Ixtakhr" !...

Mỗi lời kêu toáng của anh ta tựa như một cái kim đâm vào trái tim tôi

Và cuối cùng vang lên "Tagithan"! Tôi cảm giác như hơi thở lạnh của thần chết trùm lên toàn thân. đã kết thúc rồi giấc mơ ngọt ngào say đắm, trước mắt chỉ còn lại một nỗi buồn cô độc dài dằng dặc.

Vất vả lắm tôi mới lách được ra khỏi đám đông và xuống xe. Tôi chợt nghĩ: "Trái tim mới dễ dàng bay bổng vào giấc mơ làm sao và cũng chia tay với nó nhanh như vậy".■

NGUYỄN THIÊN VIỆT

(dịch từ bản tiếng Nga)



(Tiếp theo trang 1)

- Dừng đi xa nghe, coi chừng lạc... Anh Giám nhắc tôi giọng đầy lo lắng.
- Em nhớ rồi. Tôi chỉ cho anh Giám cái biển quảng cáo thuốc đánh răng có hình người da đen nhe hàm răng trắng lóa to bằng hai chiếc chiếu bên kia đường. Làm sao tôi có thể không nhớ điều này. Bây giờ mà lạc nhau nữa thì..

Cách ngã tư độ năm chục mét có một hẻm nhỏ, hai bên hai dãy nhà thấp cửa đóng then cài. Mạnh dạn đi vào độ hai chục bước tôi phát hiện có một khoảng trống hằn vết lốp xe kẹp giữa hai ngôi nhà, mặt kia là một mảng tường khá cao. Tôi quay ra giục Tuấn dìu anh Giám vào rồi tiếp tục đi về phía cuối hẻm. Phải kiểm tra tìm hiểu địa hình chung quanh... Hẻm tối om thông sang một phố có ánh đèn. Nép mình vào một góc phượng, hồi hộp nhìn mấy chiếc xe máy phóng qua như chạy trốn thì tôi chợt nghe tiếng dầy đinh rất nặng. Một tốp lính người ở trấn người chỉ còn quần dài kéo lê

ĐÊM VUI CỦA MÁ

Truyện ngắn của NGUYỄN NGỌC LỢI

những khẩu súng từ một con hẻm bên cạnh kéo ra. Thật may mà tôi chưa ra chỗ sáng. Chờ họ đi khuất, tôi quay lại. Nghe tôi nói tình hình, anh Giám bảo:

- Để họ yên nhưng phải cẩn thận.....Nếu để họ biết đang có ba "lính Bắc Việt" ngay trước mũi là nguy đấy... Dừng nên để ai phải chết lúc này...

Anh Giám nói trúng ý tôi bởi tôi linh cảm chiến tranh sẽ kết thúc nay mai. Đồng đội đã chết quá nhiều rồi. Và những người lính "đối phương", cũng vậy, họ cũng đã chết quá nhiều. Chúng tôi thống nhất rằng bắt đắc dĩ mới phải nổ súng, còn không cứ dấu mình là hơn. Ba anh em vừa ăn lương khô vừa thì thảo trao đổi thì Tuấn ngừng nhai, miệng há ra và mắt như thất thần nhìn về cuối hẻm.

- Gì vậy? Tôi chớp súng nhìn theo Tuấn..
- Có người! Tuấn thì thảo, hình như... bà già.

Một bà già! Tôi cũng đã nhận ra. Đúng là một người đàn bà. Bà ta đi đâu về? Nón trên đầu, quang gánh trên vai, bà thùng thẳng đi trong bóng tối mờ mờ của con hẻm... Tay trái niu đòn gánh, tay phải vung nhẹ theo nhịp bước với cái gánh xem chừng nhẹ tênh. Bà đã tới ngang chỗ chúng tôi. Quần áo bà ba đen hay nâu gì đó, trong bóng tối nhập nhòa tôi nhận ra một ít cốc chén trong cái nổi to của đôi quang gánh trên vai bà. Cả ba nín thở! Hy vọng bà sẽ không nhìn ngang. Đã đi qua, chúng tôi chưa kịp thở phào thì đột ngột bà quay lại. "Chết cha rồi!", cậu Tuấn buột miệng thốt lên. Bà dừng ngay chỗ chúng tôi, chỉ cách mấy bước chân, nhìn thẳng vào. "Sao nằm đây vậy nè? Không ngủ đây được... Đứng dậy đi. Dậy! Về nhà tao ngủ...". Thấy chúng tôi vẫn chưa nhúc nhích, bà giục.

Không ai bảo ai, tôi và Tuấn cùng lúc nhìn lên anh Giám. Trong bóng đêm, những ánh mắt chạm nhau như những dấu hỏi...Lương lự một lúc, anh Giám nói, "Đi thôi chúng mày!"

Anh Giám xuống đất bằng chân co chân duỗi. Tôi cũng đứng dậy nhắc ba lô lên vai. Đánh liêu vậy! Dù sao cũng đã lộ, nếu không nghe bà cũng chẳng biết dời đi đâu lúc này.. Thành phố xa lạ đầy bí hiểm và đang rất nhiều địch. Trong các con hẻm tối om kia, trên các tầng nhà cao kia biết đâu đang có những họng súng bằm theo... Tốt nhất là cứ theo bà, phó mặc số phận cho bà. "Ủa, thằng này bị thương hả?" Bà nhìn anh Giám về ái ngại. "Thôi được, về nhà má bảo con út coi cho".

Bà đột ngột xưng má. Tiếng "má" cất lên lúc này, dù

có phần đột ngột nhưng sao mà thân thương, sao mà gần gũi...

Bà te tái vượt lên trước. Quần áo bà ba đen, khăn mặt vắt vai, chân đi đôi dép nhựa cũ màu xanh, bà cụ bước có phần vội vã... "Bác đi đâu về tối thế ạ?" Tôi vẫn rụt rè. Có rất nhiều điều muốn hỏi mà tôi chỉ thốt lên có thế. "Tao đi bán chè". "Hôm nay vẫn còn bán được sao bác?" "Bán được chứ mắc mớ chi..."

Chẳng biết lúc này đã mấy giờ, phố xá vẫn vắng ngắt. Tôi vừa đi vừa đưa mắt dõi vào các hẻm tối, bụng vẫn lo thon thót. Bà đưa chúng tôi ra *ngã tư có hàng rào trắng lóa*, tới một ngã tư nữa rồi rẽ sang đường Phan Châu Trinh (lúc này thì tôi nhìn thấy tên phố) đi thêm một đoạn, bỏ qua độ ba bốn con hẻm nữa thì rẽ phải. Trong hẻm đường chật ngoắt ngoéo và tối khiến tôi càng cảnh giác. Chen giữa những ngôi nhà thấp lẹp tòn là đôi nhà còn ánh đèn lờ mờ và từ đó vọng ra tiếng lục đục, hình như là tiếng soạn sửa đồ đạc, xen lẫn tiếng khóc của đàn bà và tiếng rít trong kẽ răng của

đàn ông.

- Đến nơi rồi tụi bay!

Chúng tôi đứng sau lưng bà trước một cổng sắt nhỏ, tường bao thấp. Ngôi nhà có ánh đèn mờ mờ nhỏ lên một chút so với đám nhà lợp tôn chung quanh đã im lìm. "Con út đâu rồi? Mở cổng cho má". "Dạ, sao muốn "dậy" má?" Tiếng con gái miền Nam trong trẻo lẫn đầu được nghe, cảm giác như có làn nước mát làm dịu sự căng thẳng trong tôi. Bóng điện nhỏ trong sân bật sáng. Cô bé độ mười bốn mười lăm nhỏ nhắn mềm mại trong bộ đồ hoa xanh hiện ra sau cánh cổng với đôi mắt vừa mừng rỡ vừa kinh ngạc. Cô bé sững lại vài giây khi ánh mắt chạm chúng tôi. Cánh cổng sắt nhỏ ken kết khẽ mở ra.

- Ngoài phố sao rồi má? Cô bé hỏi giọng như nói thầm.

Thay câu trả lời, bà cụ bước vào, miệng nói, "mấy anh ngoài Bắc đó út". Rồi bà quay ra giục, "mấy đứa vào đi, vào, vào..."

Đẹp quang gánh, bà hỏi con gái ăn chưa? "Con chờ má!" Vừa trả lời cô bé vừa liếc nhìn chúng tôi. "Con lo lo là..."

- Lo gì mà lo... Đó... mấy đứa bộ đội miền Bắc... Vô đây mà định ngủ đường ngủ sá coi sao được...

Cô bé hết nhìn má rồi lại nhìn sang chúng tôi, ánh mắt lạ lẫm pha chút sợ sệt. Mảnh sân hẹp có một bàn thờ nhỏ gần góc sân đang nghi ngút khói hương. Chúng tôi theo chân bà bước vào căn phòng lát gạch hoa, ở giữa có chiếc tủ nhỏ phía trên đặt chiếc đài rất to. Một cửa buồng bên phải, cạnh đó là một cầu thang nhỏ dẫn lên một gác xép. Chiếc xe máy dựng ép một bên mảng tường màu xanh lơ phía trên có chiếc đồng hồ, cao hơn một chút là ảnh Chúa đóng đinh trên giá thập tự.

- Thằng bị thương nằm đây nghỉ... Bà cụ lôi đầu ra một cái ghế kiểu xích đu đặt ép vào một bên phòng rồi gọi cô gái ra sân thì thảo gì đó.

Bà sai con gái đi đâu lúc này? Tôi và Tuấn cùng đưa mắt nhanh sang anh Giám nhưng anh vẫn như không để ý. Làm sao bây giờ? Mấy hôm trước chúng tôi được căn dặn rất kỹ rằng phải cảnh giác khi vào thành phố mới giải phóng. Vả lại, Đà Nẵng lúc này quân ta đã làm chủ đâu... Lo quá! Lúc này tôi mới nhìn lên mảng tường cạnh cửa vào buồng. Một khuôn ảnh lớn, chiếm gần phần tư khuôn là hình một thanh niên đội mũ lính dù quần áo loang lổ gác chân lên tháp pháo xe tăng đầy

vẽ ngang tàng. Chết cha rồi, gia đình lính ngục. Tôi giật thót! Anh Giám và Tuấn lúc này cũng đang nhìn bức ảnh vẽ lo lắng.

Cô bé đi đâu độ mười lăm phút thì quay lại. Cô nói gì đó với má ngoài sân. Một lúc thì hai mẹ con bước vào. Bà chỉ vào anh Giám nói để con út coi chỗ thương rồi quay ra tôi và Tuấn. "Hai đứa bay ra sau rửa rầy..." Bà chỉ lối đi ở cửa nách mà lúc này tôi không để ý. Anh Giám nhìn tôi và Tuấn rồi gật đầu. Lối đi hẹp, phía sau là bếp nấu bốc mùi chua chua của thực phẩm lên men. Một chậu nước ấm để sẵn và lũng cụng xoong nổi. Tôi và Tuấn rửa rầy qua loa, quay vào thấy cô bé đang rửa vết thương cho anh Giám. Bàn tay với những ngón thon nhỏ, trắng xanh, cầm panh gấp bông nhúng nước nóng xát nhẹ nhẹ vết thương tím ngắt của anh Giám. Rửa xong, cột lại bằng cuộn băng mới rồi cô tiêm cho anh Giám một mũi thuốc kháng sinh về thành thạo như một y tá thực thụ. Xong việc, cô bé lấy ra một cái khăn mặt mới và bung đến một thau nước nóng, miệng nói nhỏ, "chú rửa mặt..." Lúc này thì chúng tôi có phần yên tâm hơn.

Bà cụ đã đặt mâm trên tấm chiếu nhựa trải giữa nhà. Thịt quay vàng nhẫy, thịt gà luộc vàng ươm, cả hai thứ đều đã chặt bày trên đĩa cùng bún và rau sống. Hóa ra lúc này cô bé được mẹ sai đi mua đồ ăn. "Tụi bay nhậu được chứ?" "Dạ, dạ.." Chúng tôi chỉ biết đứng trơ nhìn, tất cả đều lạ lẫm và bất ngờ.

Bà cụ mở ngăn tủ xách ra chai rượu, miệng nói cả ngày mệt, nhậu vài li đi...

Biết nói gì nữa đây, cả ba đành ngồi xuống, những thứ có trên mâm đều ngoài sức tưởng tượng. Chưa bao giờ tôi được thấy những thức ăn ngon lành như thế này, nhất là sau những ngày mệt nhọc đói khát, sau biết bao bom đạn chết chóc. Bà cụ và cô bé cũng ngồi vào mâm và hầu như cả hai mẹ con chỉ nhìn chúng tôi ăn, vẻ mặt rất mãn nguyện. "Tụi bay cứ ăn đi, chuyện đâu có đó..."

Tôi và Tuấn không biết uống. Anh Giám chỉ uống được một chút. Chẳng phải chúng tôi làm khách mà sự thực chúng tôi không quen uống rượu. Bà cụ và cô bé hết lấy bún vào bát cho người này, gấp thịt cho người kia và luôn miệng giục. Thịt quay béo, thịt gà thơm, chúng tôi chẳng phải khách khi gì nữa. Thật là một bữa ăn ngon.

Ăn xong, bung mâm bát đứng dậy, bà cụ bảo! "Bây uống nước rồi đi ngủ sớm đi. Bé, con lên gác soạn chỗ ngủ cho mấy anh.."

Cởi xong đồ dài thấy dễ chịu hẳn, tôi lơ mơ nghĩ ngợi. Đã có chút gió lọt qua chỗ nào đó nghe man mát và thoang thoang mùi nước cống thum thum. Sáng mai sẽ như thế nào, đi đâu? Đơn vị đang ở đâu? Liệu có chuyện gì không... Ủi, sao tự dưng ba đứa "tự nộp mạng" thế này. Rõ ràng bà già đã "tay không bắt giặc" không tốn một viên đạn. Bà đã lôi được ba Việt Cộng về nhà một cách nhẹ nhàng.Tôi định nói ý nghĩ đó với anh Giám khi nhớ ra khuôn mặt ngang tàng trong tấm ảnh dưới kia thì chợt có tiếng động lạ. Chưa kịp bấm vai anh Giám thì anh Giám và Tuấn cũng đã ngồi dậy. "Nguy rồi! Bọn lính... Anh Giám thì thảo. Tiếng dầy lộp cộp uể oải và những tiếng nói chán chường từ ngoài đường vọng vào. Hình như họ đang nói tới sự hèn nhát của tay chỉ huy nào đó. Rồi họ kháo nhau chuyện các đơn vị phòng thủ mà địch chưa tới đã tự tan...

Tôi và Tuấn chớp súng. Có tiếng gọi từ ngoài cổng "Má ơi, mở cổng cho tụi con..." "Trời đất, thằng Tư hả..." Bà cụ nói rất to rồi chạy ra sân. "Những đứa nào nữa kia?" "Tụi con nè má!..." "Dò!.. dò!..." Chúng tôi vén tấm vải che ô cửa nhìn ra. Đáng diệu bà cụ có vẻ vừa mừng vừa lo lắng...Tốp lính đã bước lên thêm. Bà cụ quay lại bảo con út ra khóa cổng cho má...

Tôi nín thở lết nhẹ người ra sát vách sau. Vách sau là mấy tấm tôn có thể giật ra được, phía dưới mờ mờ hiện ra một mảnh đất nhỏ kẹp giữa hai vách nhà bên

cạnh. Sau hàng rào là một bãi trống... Tôi dịch đến bấm nhẹ vào tay anh Giám rồi hất đầu chỉ. Anh Giám lắc đầu nhè nhẹ, mắt vẫn dán xuống dưới nhà. Năm thanh niên áo quần màu rêu loang lổ đang lột giày xách súng bước vào. Cả năm phanh áo ruỗi chân thả người ngồi bệt giữa nền nhà, về một mối. Mấy khẩu súng, cái dùi, cái ném, ngổn ngang chung quanh. Người có khuôn mặt sáng sủa rất giống người trong tấm hình đứng dậy day mặt ra sân gọi; "Có gì ăn không má? Tụi con đói muốn chết luôn". Chờ chút, tao đang soạn..." Bà cụ từ đầu đó ngoài sân nói vọng vào.

Chúng tôi hầu như ngừng thở. Trước mặt chúng tôi, chỉ cách ba bốn mét, là địch. Năm lính Sài Gòn trai tráng khỏe mạnh súng ống trong tầm tay đang ngồi kia. Địch đấy, bằng xương bằng thịt. Năm khuôn mặt sáng sủa, điển trai đầy vẻ chân chương

Tốp lính đã ủa đến vây quanh cái mâm... Tôi nghe trống ngực Tuấn dội thình thịch. Anh Giám cũng đang như căng ra. Sao lại có tình huống này? Tôi thấy ớn lạnh, nếu họ biết chúng tôi đang ngồi ngay phía trên thì thế nào nhỉ? Rồi điều gì sẽ xảy ra? Hù vía, thật may là hồi nãy chúng tôi đã mang hết ba lô súng đạn lên, nếu không...

Thức ăn vẫn còn khá nhiều. Bà cụ mang lên cho họ chai rượu mới. Tốp lính ăn uống có vẻ chậm rãi từ tốn, xem chừng còn lâu mới xong.

"Đơn vị đầu mà tụi bây về vậy nè?" Bà cụ vừa lom khom cúi nhặt mấy khẩu súng vừa nói. "Súng với ống..." "Đơn vị gì nữa má, chạy rảo tội rồi." "Chạy đâu?" "Còn chạy đâu nữa? Đưa về nhà, đưa ra tàu, đưa nhào xuống sông... Đường Bạch Đằng không còn chỗ mà chen chân. Họ chưa tới mà Đà Nẵng coi như mất rồi đó má... Thôi, cứ ăn đi tụi mày... Kệ cha nó. Ăn rồi đánh một giấc cho đã". "Ừ, ăn, ăn..."

Thằng Tư lát nữa ngủ dưới này với tụi nó nghe. Cái gác bừa nay để con út nằm... Đẹp xong mấy khẩu súng bà cụ ra ngồi ngay chân cầu thang, nói: "Số tụi bây hên rồi, không lo chết nữa.. Mấy đứa này nhà đâu?" "Cũng gần thôi má, con và thằng này cũng ở Quảng, hai thằng này Nha Trang..." Người đen đen có ria mép vẻ lớn tuổi hơn nói.

Đám lính đã ăn xong và đang uống nước thì tay "ria mép" lôi trong túi ra cổ bài tú lơ khơ. "Chơi tụi bay... Chơi tới sáng luôn nghe. Chơi cho quên mọi chuyện, đến đâu hay đến đó. Thế nào rồi cũng được về với vợ con...". Nói rồi anh ta xĩa tay chia bài rất điệu nghệ. Cô út lúi húi dọn mâm bát. Bốn người lính bốn phần, con trai bà cụ ngồi ngoài. Không ai nhắc tới chuyện đánh chác nữa. Họ bắt đầu chơi. Một ván, hai ván... Chẳng biết họ sẽ chơi đến bao giờ đây?

Đã là cuối tháng ba, trời đã ngưng gió, mái tôn lại

thấp tè, cái gác thấp càng trở nên ngột ngạt. Có phải vậy không hay do chúng tôi hồi hộp quá? Dưới kia, đám lính cãi nhau ầm ĩ vì một tay nào đó ăn gian. Chứng như đã hết kiên nhẫn, bà cụ đứng dậy nói:

- Nghỉ thôi tụi bay, khuya rồi đó.

- Ngủ sao được má, để tụi con chơi cho quên đời.

Má cứ ngủ trước..

Bà cụ cứ đi ra đi vô chân rồi lại ngồi xuống đầu chân cầu thang. Trên gác chúng tôi cũng đã tê cứng chân tay và mồ hôi đã đắp dính toàn thân.

Tôi hé mắt nhìn chiếc đồng hồ tường, đã gần một giờ sáng. Làm sao đây?

Chợt có tiếng rung nhẹ của bậc thang rồi tiếng gõ cạch... cạch... vào cánh cửa. Chúng tôi giật nảy mình. Anh Giám xoay mũi khẩu AK ra cửa rồi hé mắt qua khe ván... "Tao đây, mở cửa cho má...".

Lách người bước vào, bà nói nhỏ: "Đừng lo nghe, tụi nó không làm gì đâu, đó là thằng Tư con má và tụi bạn nó..." Lường lự một lát, bà tiếp. "Bây có để má cho tụi nó biết có bày trên này không?" Giọng bà rất bình tĩnh.

Thật là một quyết định khó khăn. Ắng đi một lát, anh Giám nói khiến tôi thót tim: "Bác cứ nói, nhưng... Lỡ ra..., bắt buộc là chúng con bắn đấy!" "Tao biết, tao biết mà...".

Chúng tôi đưa mắt cho nhau, nhè nhẹ kéo khóa nòng ba khẩu AK rồi hồi hộp dõi theo từng bước chân trên bậc cầu thang. Bà đã sắp xuống tới nơi, tôi hướng nòng AK vào giữa ngực tay có bộ ria mép. Tuấn cũng cầm thêm quả mìn vệt trên tay. Chỉ cần tụi lính động đây là tôi nháy cò ngay lập tức. Tiếng rung của gỗ dưới gót chân bà vang lên như tiếng trống thúc dục vào ngực. Lúc này chẳng biết cô bé đang ở đâu? Bà cụ nữa... Bà đang đứng kia. Dù sao thì... Tôi thấy nhói trong lồng ngực. Cầu trời cho mẹ con họ kịp ra khỏi nhà...

Đã đến bậc cuối cùng, nhìn đám lính chứng như để cân nhắc rồi bà nói, nói rành rọt:

- Tụi bây nghe nè, nghe tao nói nè...

Nặng nề, căng thẳng. Chúng tôi nén sự hồi hộp đến đau tức cả ngực. Tốp đánh bài ngừng tay cùng ngược lên. Con trai bà cụ về ngạc nhiên, "Gì vậy má?"

- Bay đừng tay nghe cho rõ. Nghe xong không đứa nào được làm ầu nghe... Trên gác đang có các anh bộ đội đó. Tụi bay nghỉ đi, khuya quá rồi. Mà còn đánh nữa thì đừng làm ồn... để mấy anh ngủ...

Tất cả lặng phắc, thời gian như đông cứng. Đám lính thả rơi những quân bài rồi ngồi như bất động. Thật là một thử thách cân não, lần đầu chúng tôi gặp phải. Lúc này tôi mới chợt nhớ, mấy khẩu súng của tốp lính đã được bà cụ cất đi...

- Thiệt sao má? Người để ria mép chợt như bùng tỉnh, nói...

Tôi nín thở nghe điều anh ta sắp sửa nói tiếp.

- Vậy thì... má mời mấy anh xuống chơi với tụi con...

Tôi có nghe lẩm không nhỉ? Rõ ràng anh ta vừa nói vậy. Và như để làm rõ hơn điều tôi còn nghi ngại, bốn người kia cùng nói một lúc

- Phải đó, mời mấy anh xuống đi má!

- Ủ, vậy để tao gọi nghe. Mấy đứa tụi bay xuống chơi đi...

Nét mặt bà cụ lúc này như dân ra với ánh mắt lấp lánh. Bà ngược mặt lên gác nói như reo. "Mấy đứa xuống chơi với tụi nó đi... Để tao kiếm cho tụi bay cái gì nhậu nghe..." Tốp lính dạ ran. Những tiếng dạ đồng thanh vang lên như tiếng reo của những đứa trẻ. Đi liền đi má... Người tên Tư giục mẹ. Anh ta đứng dậy xằng xái rải thêm chiếc chiếu và cả năm dứng tay ngược mắt hồi hộp nhìn lên gác chờ đợi.

Rất hồi hộp! Nhưng chúng tôi chẳng còn lý do gì để trù trừ. Cả ba mặc vội quần áo rồi lưỡng lự, có hay không xách súng? Rồi chúng tôi quyết định xuống tay không. Anh Giám ngáp ngừng xuống trước, nhúc nhích trụt từng bậc cầu thang. Tiếp đến là tôi và Tuấn, chậm rãi và thon thót qua từng bậc, nhìn xuống... Tốp lính cũng rụt rè nhìn lên, hai phía ánh mắt chạm nhau ngượng ngập... Người có bộ ria mép từ từ đứng dậy tiến tới đỡ anh Giám:

- Ủa, anh bị thương...

Anh Giám gạt đầu nhẹ nhẹ theo anh ta ngồi xuống chiếu. Chúng tôi cũng đã xuống đến nơi. Mấy người lính liu riu đùn đẩy nhau dồn sang một bên. Anh con trai bà cụ lúc này bỗng trở nên hoạt bát:

- Má đầu rồi, mang các thứ lên đi... Minh nhậu thôi mấy anh...

- Có liền, có liền đây... Bà cụ đã về từ lúc nào và cô bé không biết từ đâu cũng đã xuất hiện. Cả hai mẹ con khệ nệ các túi trên tay bước vào bày ra giữa chiếu bao nhiêu là chai nước, bánh trái, và cốc chén. Vừa dọn đồ ăn bà vừa nói, "tha hồ cho tụi bay nhậu, nhậu thả dàn..."

Đồng quân bài được gạt sang một bên. Tốp lính ngồi ủa cả xuống tranh nhau bật nắp chai... Vậy là chúng tôi cùng ăn cùng uống. "La de" vàng óng rót tràn hết đợt này đến đợt khác. Cốc chạm cốc... Chúng tôi giục nhau ăn. Không kịp nhận ra cảm xúc do cuộc "tao ngộ trùng phùng" này mang lại. Chúng tôi gọi nhau bằng anh xưng "tui...". Ban đầu còn ngượng ngập rụt rè rồi câu chuyện cứ thế cuốn đi, liến nhau không dứt. Toàn thân lâng lâng nhẹ bỗng, tôi cảm nhận máu dồn ứ nghẹn trong tim, và rồi bằng những nhịp bóp mạnh, máu lại được đẩy tỏa về hết mọi ngóc ngách của cơ thể khiến người rung lên từng đợt từng đợt run rẩy đến ngộp thở... Câu chuyện nhà cửa, bố mẹ, vợ con... chỉ là cái cớ để dẫn bớt xúc động. Mấy anh lính Sài Gòn bỗng trở nên hiền lành đến dễ thương. Cô bé hết nhìn chúng tôi lại nhìn sang mấy người lính kia như không tin rằng có cuộc vui hôm nay. Cô chạy quanh giúp má soạn thêm đồ uống và mang thêm bánh trái.

Khỏi phải nói tới bà cụ. Bà cười bằng mắt. Bà cười bằng miệng. Bà cười và nói liú cả giọng, luôn miệng giục "Ăn nhiều đi tụi bay. Uống nữa đi tụi bay...". Chúng tôi ăn, chúng tôi uống. Mà chúng tôi có ăn có uống không nhỉ? Chẳng nhớ gì hết, chẳng biết gì hết. Người tôi cứ ngây ngấy như lên cơn sốt. Chẳng ai còn nghĩ tới thời gian...

Trời sáng từ lúc nào, những tia sáng hình rẽ quạt quét ngược lên vòm trời phía đông. Lúc này thì tất cả như bừng tỉnh. Vậy là chúng tôi đã thức trắng một đêm. Ngoài phố lác đác có tiếng xe máy và tiếng ô tô. Một lúc sau thì tiếng reo vui của rất nhiều người. Rồi đường phố rung chuyển tiếng động cơ xe tăng và tiếng xích nghiền đường ken kết vọng tới...■

Tháng 12 năm 2010



Cái tôi sử thi vốn là âm hưởng chủ đạo của thơ chống Mỹ không còn là loại hình thuần nhất và độc tôn sau khi đã hoàn tất sứ mệnh của nó với tư cách là sự thể hiện đến đỉnh cao của tinh thần công dân và tinh chiến đấu.

Cảm hứng chủ đạo trong nhiều tập thơ ra đời vào nửa cuối những năm 70 vẫn là cảm hứng sử thi về cuộc kháng chiến chống Mỹ và chiến thắng của dân tộc, nhưng đã có nhiều nét mới từ cảm hứng đến chất liệu và giọng điệu. Có "độ chênh" nhất định giữa cảm hứng ngợi ca và sự khắc nghiệt của hiện thực đời sống sau chiến tranh. Dù thơ và cả nền văn học chống Mỹ không hề xa rời vấn đề đất nước, đời sống xã hội, nhưng quan điểm tiếp cận đã có phần chuyển dịch theo cái nhìn cá nhân. Có thể thấy một sự chuyển dịch trầm lắng, bền bỉ và cả sự "ngập ngừng", phân hoá trong cái tôi sử thi - vốn là âm hưởng chủ đạo của nền thơ chống Mỹ. Sự nở rộ của hàng loạt trường ca do nhu cầu nội tại của thể loại trong những năm 80 của thập kỷ trước, cùng số tác phẩm viết trong chiến tranh được công khai trước bạn đọc với cái nhìn trầm tĩnh có thể thấy yếu tố phi sử thi "đậm đặc trong sự vận động của thơ, trở thành tiếng nói đối thoại với sử thi". Đó chính là dấu hiệu dự báo về sự đổi mới căn bản về cả tư duy và thi pháp thơ, phần nào làm phong phú diện mạo thơ, cái tôi trữ tình nhìn từ số phận con người cá nhân bấy lâu bị "khuất lấp". Có sự "giao thoa xao xuyến" giữa cái nhìn sử thi với các yếu tố thế sự, giữa giọng điệu cao vút với giọng điệu trầm lắng, giữa lý tưởng với hiện thực, giữa không gian công cộng với không gian đời tư, giữa khúc anh hùng ca và sắc màu bi tráng...

Bản chất của thơ trữ tình là sự ý thức về cái tôi, về giá trị bản thân, về quyền sống, quyền làm người. Khát vọng bức thiết của con người là tự do cá nhân và dân chủ xã hội. Sự thức tỉnh nhu cầu xã hội, nhu cầu của con người luôn là một đòi hỏi bức thiết và chính đáng. Song văn học nói chung và thơ chống Mỹ nói riêng đã ưu tiên đặt vấn đề tự do độc lập lên trên hết, vì lợi ích của Tổ quốc, vì nhiệm vụ khác lớn hơn, cái tôi cá nhân tạm thời "nén lại", lặng lẽ lùi lại bình diện sau và vì thế "Cái tình tế cổ hoa tạm thời chưa nghĩ đến" (Chế Lan Viên).

Có thể thấy những dấu hiệu đổi mới này thể hiện trước hết ở lớp nhà thơ đứng ở mũi nhọn cuộc chiến đấu, đối mặt với gian lao thử thách, trực tiếp xáp mặt với kẻ thù. Bên cạnh cái cao cả, anh hùng, vĩ đại được phóng chiếu hết chiếu kích vốn là thể mạnh của sử thi, cái tôi trữ tình tiềm ẩn nhiều trần trụi, dằn vặt của con người trước sự chọn lựa: Sống - chết, được - mất, chiến thắng - hy sinh... Con người được nhìn nhận từ nhiều bình diện, thơ nói nhiều hơn nỗi đau của con người do chiến tranh, buồn vui một đời người trong cuộc sống, những nỗi niềm ẩn chứa bên trong chưa dễ tỏ bày: Thu Bốn đóng góp *Ba-dan khát* (1977), Thanh Thảo cùng *Những người đi tới biển* (1977), Trần Vũ Mai viết *Ở làng Phước Hậu* (1978), Hữu Thịnh sáng tác *Đường tới thành phố* (1979), Nguyễn Đức Mậu chiêm nghiệm về cống hiến, hy sinh của người lính trong *Trường ca sư đoàn* (1980)...

Thêm vào đó, sự "nhặt dần" cái tôi sử thi còn được thể hiện ở số những tác phẩm viết trong những năm 70, 80 của thế kỷ trước, như tập *"Cửa mở"* của Việt Phương, bài thơ *"Viết về số không"* của Phạm Tiến Duật, đặc biệt các tập thơ của Lưu Quang Vũ, như *Mây trắng của đời tôi* (1989), *Bầy ong trong đêm sâu* (1993), *Thơ tình Xuân Quỳnh - Lưu Quang Vũ* (1994), *Lưu Quang Vũ Thơ và Đời* (1997) và gần đây nhất tập thơ *Gió tình yêu thổi trên đất nước tôi* (2010).

Cái tôi phi sử thi biểu hiện tập trung ở sự trần trụi về số phận con người và nỗi đau trong chiến tranh. Vì thế, chưa chờ cuộc chiến tranh chống Mỹ kết thúc, chưa bước ra khỏi vầng hào quang của cái tôi sử thi, tiếng nói tự ý thức về mình với khát vọng chân thực đã xuất hiện trong thơ, tiềm ẩn như mạch nước ngầm.

Thơ kháng chiến chống Mỹ đã đề cập đến "mặt khuất lấp của con người". So với thơ, cách thể hiện của văn xuôi có nhiều ưu thế. Ngay từ giữa những năm chiến tranh chống Mỹ, nhà văn Nguyễn Minh Châu đã nghĩ rằng cuộc chiến đấu cho quyền sống của mỗi con người sẽ còn lâu dài và khó khăn hơn cả cuộc chiến đấu cho quyền sống của dân tộc. Sau khi cuộc chiến tranh kết thúc, truyện ngắn Bức tranh của ông ra đời cùng với thông điệp "phê phán và bác bỏ mạnh mẽ những luận điểm nhân danh cái chung, mượn cơ lợi ích cộng đồng mà bỏ qua, thậm chí chà đạp lên nỗi đau khổ và số phận của mỗi cá nhân". Nói về số phận con người, thơ có cách thể hiện riêng. Nó không trực diện phân tích, mổ xẻ mọi khía cạnh tâm lý con người như văn xuôi. Nhưng thơ có thể mạnh của riêng nó để nói đến tận cùng những "trần trụi", "dằn vặt", "xót đau". Hiện thực chiến tranh với đầy đủ sự khốc liệt thể hiện qua số phận cá nhân và thế giới nội tâm phức tạp. Dấu ấn chiến tranh, ở mỗi trường tiền tuyến hay hậu phương cũng

SỬ THI VÀ TRỮ TÌNH: SỰ CHUYỂN TIẾP TỪ THƠ THỜI CHIẾN

LÊ THỊ BÍCH HỒNG

đều chạm khắc lên số phận con người. Tư duy thơ chống Mỹ vốn quen nói về con người đại diện cho phẩm chất, trí tuệ cộng đồng với lòng dũng cảm, xả thân vì sự nghiệp hơn là những "con người bé bỏng" trong cõi nhân gian; ít nói tới mặt trái, thương đau hơn ngợi ca, cổ vũ. Vượt khỏi khuynh hướng chung của cả nền thơ, một số nhà thơ có cái nhìn khác, chất thơ khác so với các nhà thơ cùng thời trong sự tuyệt đối hoá cái đẹp, cái cao cả thuộc về người anh hùng. Tuy không phải dòng chính, thơ đã tuân những mạch ngầm từ các phụ lưu, chi lưu.

Sự nhặt dần yếu tố sử thi cũng được tiềm ẩn trong chiều sâu khôn cùng của con người. Bên cạnh con người mang phẩm chất anh hùng, xả thân cho sự nghiệp giải phóng dân tộc - vốn là thể mạnh trong cảm hứng sử thi, thi cũng đã xuất hiện (tuy chưa nhiều) sự đa dạng kiểu người.

Trong số những nhà thơ chống Mỹ ấy, Lưu Quang Vũ quả nhạy cảm để cảm nhận, hé mở một cách nhìn khác về chiến tranh từ phía hậu phương. Thơ anh nói nhiều đến sự mất mát, chia lìa - điều không dễ viết trong thời điểm ấy. Đó là bi kịch chiến tranh với "Những đứa bé nằm ngủ trong mố", với người mẹ "bơi gạch vụn tìm con" (*Cầu nguyện*) và bao người chết "vùi thân dưới hố bom", là "Khăn tang trắng xóa" - biểu trưng cho những mất mát khủng khiếp đã được Phạm Tiến Duật thể hiện trong bài thơ *Viết về số không* (nhiều người vẫn quen gọi là *Vòng trắng*). Đất nước hiện lên trong cảnh nghèo nàn "Tết hoà bình đầu tiên-Đất nước nghèo xơ xác" (*Nói với con cuối năm*). Những chi tiết gợi về một thời cả dân tộc thắt lưng buộc bụng chỉ viện cho chiến trường miền Nam, mọi thứ đều thiếu thốn "Chân rách, chiếu manh quần áo lạt" (*Đêm Đông chí uống rượu với bác Lâm và bác Khánh nói về những cuộc chia tay thời loạn*), "Hoà bình đến mong manh-Nhiều tin đồn mà chẳng có gì àn-Người đông, phố chật" (Liên tưởng tháng Hai), "Trời trong veo dưới những vũng nước mưa-Người trên phố xếp hàng dài mua củi" (*Viết lại một bài thơ Hà Nội*), "Thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu nhà... Trẻ con thiếu nơi học hành dạy dỗ" (*Viết lại một bài thơ Hà Nội*); khó khăn vây bủa hiện lên trên từng khuôn mặt "Quần áo và mặt người màu cô héo" (*Viết lại một bài thơ Hà Nội*); nhiều cảnh đồ nát hiện lên "Cổng nhà thờ gạch vỡ" (*Chiều cuối*), "Mưa ướt đầm trên gạch vỡ tan hoang" (*Cầu nguyện*). Đi dọc con đường dân tộc từ thuở hồng hoang cho đến ngày chiến thắng, bài thơ "Đất nước đàn bầu" hiện lên một Tổ quốc đau thương, nhọc nhằn, nghèo khó "Dân tộc tôi bốn ngàn năm áo rách... Dân tộc trải xót xa nhiều nỗi khổ", nhưng thấm đượm giá trị nhân văn "Phải thương nhau mới sống được trên đời".

Nhạy cảm trước mọi biến thái của cuộc sống là phẩm chất người nghệ sĩ. Trong tập *Cửa mở*, nhà thơ Việt Phương đưa vào thơ bao nỗi niềm, tâm sự còn ngổn ngang. Việc nhận ra phần "con" ẩn chứa trong chất "người" không chỉ xuất hiện trong thơ Việt Phương, nhưng điều quan trọng, nhà thơ đã viết và viết được (qua tập thơ từng gây nhiều tranh cãi đầu những năm 70 của thế kỷ trước), lại ở thời điểm không dễ viết "Ta cứ nghĩ đồng chí rồi thì không ai xấu nữa-Trong hàng ngũ ta chỉ có chỗ của yêu thương". Nhà thơ đã đưa vào thơ cặp phạm trù đối lập về phẩm chất người "Cao thượng người xấu xa người là thế-Lời của lòng và câu mê đầu mối" (*Ta nhìn trời đêm nay và ta đọc*). Nhà thơ Việt Phương đã thể hiện một "kiểu người" thiếu chính kiến bản thân, chịu sự chi phối nghiêm ngặt của cách nghĩ chung, nói và "nghĩ mượn" qua câu thơ khá táo bạo:

Ta nhất quyết đồng hồ Liên xô tốt hơn đồng hồ Thụy Sĩ...
Mường tượng rằng trăng Trung Quốc tròn hơn trăng nước Mỹ

Nhà thơ luôn tự vấn lương tâm, thành thực với mình, gia tăng "chất người trong ta" bằng "cộng sản thêm chút nữa" và hơn thế "Trút vỏ thần tượng đi càng lỏng lẻo chất người" (*Cuộc đời yêu như vợ của ta ơi*).

Trong âm hưởng hùng ca, say sưa với hào quang chiến thắng, thơ chống Mỹ thường tránh nói nỗi đau.

Nhưng dù không động chạm nỗi đau, nhưng vết thương cố giấu vẫn âm ỉ, sâu xoáy trong lòng, tự nó tràn trào. Mỗi thế hệ nhà thơ cảm nhận về nỗi đau riêng - chung theo mạch đi riêng. Với nhà thơ lớp trước (Chế Lan Viên, Tố

Hữu...), trước đó ít thấy bộc lộ nỗi đau trong thơ, nhưng những năm cuối chiến tranh, điều khó viết ấy được đề cập một cách trực diện và thấm thía.

Tố Hữu cũng vậy, chưa thời điểm nào ông nói nhiều đến nỗi đau như tập thơ Máu và hoa: "máu thấm trong lòng đất", "Lá cờ này là máu, là da", "đường qua máu chảy", "Hôn nỗi đau tan nát Phù Lai"... Nỗi đau ấy đã "chuyển hoá" một cách vật chất hơn, cụ thể hơn qua những con người bằng xương, bằng thịt, chứ không còn là sự cần răng chịu đựng, thách thức với cái chết của con người ý chí - vốn phổ biến trong sáng tác trước đó của ông. Tố Hữu đã nói được phần nào nỗi đau của dân tộc trong thơ là vậy.

Trong tập *Cửa mở*, nhà thơ Việt Phương dùng chữ "đau" để đa dạng những cung bậc của nó. Có nỗi đau lớn mang hình vũ trụ "Nỗi đau trái đất" và lại có "nỗi đau trong mỗi cuộc đời". Có "nỗi đau qua đi rất nhanh", nhưng cũng lại có "Nỗi đau thấm vào ta rất lâu" trải suốt "những đêm dài nặng trĩu". Có "nỗi đau mổ côi" và có cả những "nỗi đau sinh nở". Có "Nỗi đau người" và nỗi đau chuyển sang vạn vật vô tri...

Cùng thế hệ các nhà thơ trẻ, Thanh Thảo đem đến tiếng thơ đầy ắp trần trụi, những suy ngẫm về các cặp phạm trù đối lập giữa được - mất, sống - chết, chung - riêng, cá nhân - cộng đồng, gia đình - Tổ quốc... Thơ anh nói nhiều chiến thắng, nhưng còn nói nhiều hơn mất mát, hy sinh "Mặt nước trôi quê hương không còn nguyên vẹn". Ý thức về thế hệ, bên cạnh lòng tự hào còn có cả nỗi xót xa thấm thía "Thằng bạn tôi dầm năm-Nhìn một ngôi sao trong hố bom nhoè nước" (*Một người lính nói về thế hệ mình*).

Sự nhặt dần cảm hứng sử thi có thể thấy ở cảm thức cô đơn của cái tôi trữ tình trong thơ Lưu Quang Vũ và không nhiều nhà thơ khác những năm cuối chiến tranh. Lưu Quang Vũ được đồng đạo công chúng mến mộ với tư cách nhà viết kịch và đặc biệt ở lĩnh vực thơ, anh đã có 12 tập thơ "nhuần chín", trong đó nhiều tập đã hoàn chỉnh được nhà thơ đặt tên: *Hương cây*, *Mây trắng của đời tôi*, *Cổ tóc tiên*, *Cuốn sách xếp lấm trang...* và một số tập khác đang sắp xếp dở dang, cần viết bổ sung. Sự cô đơn đậm đặc, triển miên thường trực đã đi cùng Lưu Quang Vũ trong suốt năm tháng không bình yên. Với anh, nỗi cô đơn là một trạng thái buồm vây từ cả hai phía: khách quan do hoàn cảnh bị động và chủ quan do cái tôi nhà thơ chủ động tách mình ra khỏi sự đơn điệu, buồn tẻ, chọn con đường riêng cho mình: "Tôi chán cả bạn bè" vì họ "chẳng nói được câu gì mới"; "Tôi bỏ ra đi" và "họ ngồi ở lại"; cuối cùng chỉ một mình nhà thơ trong "phố vắng ban đêm" (*Có những lúc*). Anh đã cô đơn ngay trên con đường mình chọn "Anh là con ong bay giữa trời lặn đạn-Trời đêm dài chẳng có một ngôi sao" (*Bầy ong trong đêm sâu*). Chọn cô đơn, nghĩa là nhà thơ đã chọn để tái vốn là "cảm ký" trong thời điểm cả dân tộc tập trung sức mạnh cộng đồng. Điều đáng sợ nhất không chỉ bạn bè, tình yêu chối từ "Em sắp của lại rồi, một mình "nhận bao cái tát" (*Mấy đoạn thơ*), mà thơ - nơi anh ký thác nhiều nhất nỗi niềm của mình vẫn nằm yên trong bản thảo, bạn đọc không ai khác là mình "Khi những bài thơ anh viết ra-Chỉ một mình anh đọc" (*Nếu đó là tội lỗi*).

Bên cạnh giọng điệu chung phấn khởi tự hào, cổ động cho đánh giặc chỉ phối bởi tinh thần sử thi, thì những bài thơ, tập thơ này quả có "lạc điệu", khó có chỗ đứng trong lòng bạn đọc vào chính thời điểm nó ra đời.

Thơ chống Mỹ không chỉ đề cập nỗi đau với ý nghĩa nằm ngoài nỗi đau khi tinh thần sử thi vẫn chiếm giữ vị trí chủ đạo, mà còn thể hiện nỗi đau được ý thức như một tổn thất không dễ gì bù đắp của con người vật chất, con người trần thế không chịu áp lực sử thi, trở về với cái tôi nhân bản. Thơ đã góp một thành tựu trong việc thể hiện con người, khát vọng con người từ cái nhìn phi sử thi. Đặt mục đích ưu tiên cho lợi ích cộng đồng, dù cái tôi nhìn từ số phận cá nhân chưa phải là vấn đề cần được quan tâm, song nó đã có chỗ đứng ở ngay trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược.

Khi yếu tố sử thi nhặt dần, mối quan tâm cộng đồng đã nhường chỗ cho số phận cá nhân. Đó chính là cơ sở để thức tỉnh ý thức cá nhân và tinh thần nhân bản sẽ trở thành nền tảng tư tưởng và cảm hứng chủ đạo bao trùm của nền văn học sau năm 1975.■



“NGƯỜI LÍNH GIÀ ĐẦU BẠC...”(*)

(Cảm và luận về tập Bút ký – Tiểu luận *Vui với cuộc đời* của Trần Đình Bá, Nxb Hội Nhà văn 2010)

TRẦN NINH HỒ

M ÒNG như một tập thơ chừng hai trăm trang. Bìa tím với những vi-nhết, chữ cũng mảnh dẻ, nhỏ nhắn như một tập... thơ. Nó khác hẳn về hình khối, vạm vỡ của những tập sách thường dày tới năm, sáu trăm trang của nhà báo này trong ba mươi năm qua. Lại còn cái đầu để xem ra rất nhiều an phận hòa khí. “*Vui với cuộc đời!*”

Chưa hết! Ngay trong đầu tập sách còn có một lời đề từ của nhà báo, nhà văn, thi sĩ lỗi lạc Xô Viết Kónxítantín Ximônốp từ những năm chiến tranh chống Phát xít: “Ta vui với đời, ta chiến đấu!”

Vâng. Chính vì càng yêu cuộc đời, ta càng cần nâng cao tinh thần chiến đấu nhất là trên mặt trận báo chí văn chương. Nhưng trước một đời sống phong phú, náo nức và cũng không ít dử dôi như cuộc đời mới vĩ đại của một đất nước gần trăm triệu dân, với một vị thế Địa - chính - trị, Địa - kinh - tế... hết sức trọng yếu như đất nước chúng ta, một tập sách với những thể loại văn chương, báo chí xõng xáo, đắc dụng như bút ký - bình luận mà chỉ mong manh chừng đó trang, tác giả sẽ nói được gì?

Là một bạn đọc lâu năm của anh, tôi không khỏi lo âu, với cả một chút ngậm ngùi khi cảm trên tay cuốn sách mới này. Ủ, dù sao thì nhà báo cự phách này cũng đã bước qua tuổi lục tuần! “*Lục tuần đại khánh*”, người ta ghép “*đại khánh*” cho tuổi này, có lẽ cái chính là mừng cho cái sự... thọ của đời người, đã qua tròn một “*hoa giáp*” sáu mươi năm. Nhưng có thể vì thế mà sự xõng xáo, tung hoành vạm vỡ cũng đã thắm một khi bước vào tuổi này? Sự mỏng manh của các cuốn sách đã là những dấu hiệu đó chăng?

Chợt nhớ mùa Khô 1973, mặt trận Đông Nam Bộ, tôi từ căn cứ Lộc Ninh tiến ra lộ 13 để đón đoàn nhà báo quân đội vừa vượt hai ngàn cây số Trường Sơn vào bổ sung cho chiến trường sau những tổn thất không nhỏ từ Mậu Thân 1968 và sau bốn năm ác liệt. Họ đều đang vào cái tuổi trên dưới hai mươi lăm, rất lạnh lợi và hoạt bát. Trong danh sách đoàn có ghi tên Trần Đình Bá, một cái tên đã bắt đầu quen thuộc qua các phóng sự mặt trận phía Bắc chống chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ, rồi Vĩnh Linh, Quảng Trị. Phóng sự, bút ký báo chí những ngày ấy rất nhiều, nhưng số dĩ tôi hay tìm đọc tác giả này vì cái chất văn rất rõ trong nhịp điệu, mạch cảm xúc dồi dào rất... văn bên cạnh những con số, sự kiện, con người cụ thể, chính xác của báo chí.

Vậy mà bây giờ anh ta ở đâu? Hai ngàn cây số bom đạn khi phải đi qua cả bốn chiến trường: Bắc Việt Nam, Lào - Camphuchia và Nam Việt Nam mới vào được đến đây. “Đặt ba lô ở đây là đã có thể được kết nạp Đảng! Là đã có thể từ chiến sĩ lên cấp “*úy*”! Đùng là rất đáng như vậy. Nhưng...

- Hẳn không chết được đâu! - Một nhà báo rất trẻ cùng đoàn với Bá nói - Dân Thanh

Chương “*cá gỗ*” hình như rất khó... ngã, dù là qua Trường Sơn. Cách đây hơn nửa tháng, vừa vào tới đất Nam Bộ là hẳn đã xin đi mặt trận Bà Rịa - Long Khánh với đặc công rừng Sát rồi?

Tam giác sắt Củ Chi - Trang Bàng - Suối Ngò giáp ranh Sài Gòn và Bà Rịa - Long Khánh với pháo biển, B52, biệt kích, thâm báo, rắn độc, cá sấu, trực thăng vận, đây là hai vùng chiến sự ác liệt nhất, ai mà không biết. Vậy mà hẳn chỉ là lính mới tò te ở chiến trường này. Mong manh lắm thay!

Thế nhưng những bài báo với nhiều bút danh khác nhau về đặc công rừng Sát của nhà báo trẻ Trần Đình Bá đã nối tiếp nhau xuất hiện trên báo Quân Giải Phóng (B2 - Đông Nam Bộ), Quân đội nhân dân, Đài PTTN Việt Nam, Đài phát thanh Giải Phóng... cộng lại đến hàng trăm trang khổ 13x19 mà sau này nhà Nxb TTVH Thành phố Hồ Chí Minh đã in thành sách năm 1980.

Thế rồi vào Mặt - Trận - Đối - Mới đất nước từ 1986 đến 1990, hàng trăm trang bút ký, phóng sự, bình luận của tập “*Hành trình tới chân lý*” chắt vặt ra đời - năm 1990 với không biết bao nhiêu xung đột, phản biện, ca ngợi, lên án, từ những vấn đề xã hội nóng bỏng xuất hiện, tạo nên những cuộc tranh luận khá gay gắt, song rất cần thiết, ở thời điểm bản lề ấy của đất nước. Tác giả Trần Đình Bá!

1999 lại chừng nằng trăm trang sách “*Một chặng đường làm báo*” xuất hiện. Lại tranh luận, phản biện, chắt vắn trên hàng chục tờ báo về cuốn sách này khiến Trần Đình Bá không ít vinh quang và cũng không ít lao đao.

Bởi ngay từ những ngày đầu Trần Đình Bá đã là một trong những nhà báo quả cảm dám viết những bài chống tham nhũng không kiêng dè khi phải đụng vào những quan chức cao cấp đầy thế lực; từ Dầu khí, Hàng không, Thủy cung Thăng Long, Dự trữ quốc gia, đến cả những sự động trời như “*Bí mật quốc gia bị bán*”... để nhà nước khỏi mất đi hàng trăm triệu đô la, hàng chục vạn mét đất... Anh cũng là nhà báo đầu tiên được trao giải hạng A duy nhất năm 1987 về những “*Bài viết chống tiêu cực có hiệu quả cao*”!

Có tài có tâm, có ngòi bút văn chưa đủ trong cuộc chiến đấu chống tham nhũng, chống những tiêu cực nảy sinh trong chính “*phía ta*”, trong nội bộ, đồng đội... “*Bên cạnh tôi*” (Trần Đình Bá) có 3 (ba) yếu tố cực kỳ quan trọng dẫn đến sự thắng lợi của sự thật. Thứ nhất đó là những bài báo phản ánh đúng tâm tư, nguyện vọng quyền lợi chính đáng của người dân... Bạn đọc (người dân) tuyệt đối ủng hộ tôi trong cuộc lao khổ lặn lội điếu tra tìm sự thật. Thứ hai là nhân cách, thái độ, của một Tổng biên tập dũng cảm, thiếu tướng Trần Công Mẫn. Và Thứ ba là Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh.! Thư của văn phòng Tổng



Bí thư do đồng chí Trần Tinh viết đầy gút gắm tin tưởng: “Nếu đồng chí Tổng biên tập thấy bài viết ấy có nội dung tốt, chính xác, chân thực, có tác dụng xây dựng... thì đồng chí Tổng Biên tập quyết định và báo chịu trách nhiệm trước công luận và bạn đọc”. Trước “*Những việc cần làm ngay*” lúc ấy còn có các đồng chí lãnh đạo như ủy viên Bộ Chính trị Đào Duy Tùng; Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy Ban Kiểm tra Trung Ương Trần Kiên, Bí thư Trung Ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung Ương Trần Quốc Hương... đã giúp tôi chắc tay bút để nói lên sự thật...” (trang 25, 40, 41)

Đùng là mối quan hệ đầy sức mạnh khi “*Chúa sáng, Tôi hiển!*”!

Tất nhiên bây giờ không ai là “*vua chúa*”, không ai là “*bầy tôi*”. Mà giả dụ cái mối quan hệ tối ưu như trong lịch sử thịnh trị ấy có “*tái bản*” thì cũng không thể nào nhiều sức mạnh bằng quan hệ giữa những người đồng chí hôm nay, có lý tưởng sáng ngời vì dân vì nước: “*Sống cũng vì cách mạng anh em ta/ Chết cũng vì cách mạng chẳng phiền hà!*” (Tố Hữu).

Ngoài những điều quan trọng này, nghề làm báo còn cần những gì nữa?

Gần đây có một đồng nghiệp hỏi Trần Đình Bá khi anh đã về hưu đến gần chục năm (trang 24):

- *Bây giờ anh có sợ không? Sợ trả thù của bọn bị anh “đánh” chẳng hạn?*

- *Sống chẳng sợ nữa là chết!* - Trần Đình Bá khẳng khái - *À nhưng mà có sợ! Sợ nhất là mình sai, sợ những người đào mố chôn mình! Đó là lớp nhà báo trẻ. Họ cũng có tài và nhiệt huyết lắm, mà mình thì già rồi!*

- *“Già rồi” thì đã đến lúc “tổng kết chưa?”*

Kể ra ở cái tuổi ngót bảy mươi giá có “*tổng kết*” hay “*sơ kết*... 9 tháng” cho một năm, thì cũng được rồi. Nhưng ở cuốn “*Vui với cuộc đời*” này, dầu chỉ với hơn hai trăm trang, nhưng “*ta vui với cuộc đời, ta chiến đấu!*” thì tình hình lại không đơn giản nữa với “*lão tướng*” báo chí này!

- *“Tội to khéo lo cũng thoát”. Có thật thế không?*

- *“ở nơi sờ đầu sai đấy”. ở đâu vậy?*

- *“Công thổ quốc gia bị bán vô tội vạ”*

Nguy quá! Ai bán, ai mua, bao nhiêu ha. Người dân ở đâu, liệu còn cái gì để sinh nhai, mở nghiệp?...

Một trăm trang mở đầu từ năm 2000 này, cuộc “*tấn công*” mới với những cái “*tì*” bài như trên của ông già hưu xem ra không nhẹ nhõm. Thế này thì còn “*vui*” cái nỗi gì?

Nhưng mà cũng có điều đáng vui đấy! Chỉ với ba bài tiếp theo, với ngót trăm trang cuối của cuốn sách này chính phủ đã hợp, và Thủ tướng đã ra chỉ thị đòi từ cái Tổng - công - ty - tham gia cho dân cho nước tám trăm chín mươi lăm tỷ đồng.

100 trang sách để đời được gần ngàn tỷ đồng! Chiến công của người lính già này quả là văn có cái gì đó thật đáng giá “*với cuộc đời!*”

Ấy vậy mà với ông ta thì vẫn coi như chưa xong!

Hình như biết mình già rồi, không thể đi nhiều tới những các nơi sờ đầu sai đấy, và cũng mang nhiều kỳ vọng vào nhiệt huyết của những thế hệ trẻ kế tiếp ở nhân - dân - muôn - đời, trong đó có các nhà báo, Trần Đình Bá lại cất công suy ngẫm nhiều năm để viết “*bản kiến nghị phòng chống tham nhũng*” với nhiều những luận cứ, giải pháp có giá trị thực tiễn sinh động, hy vọng có đôi chút đóng góp vào “*quốc sách*” để chống “*quốc nạn*”. Khi tham nhũng đã trở thành quốc nạn thì muốn chiến thắng nó phải có quốc sách, chứ cứ mạnh mồm, đánh rắn giữa khúc thì ăn thua gì!

Tinh triệt để, minh bạch đến cùng của tác giả nhà báo chống tiêu cực này và sự đáng hoàng trong ứng xử là rất đáng nể trọng. Một trong nhiều ví dụ: Khi kẻ mắc tội bị các cơ quan thanh tra, điều tra chuẩn bị khởi tố họ đã đánh đòn giáng bằng cách dùng địch danh các vị lãnh đạo cao cấp của nhà nước để hù dọa, thì lập tức anh có thư riêng tới đích danh các vị đó! (trang 139, 140...)

Bản kiến nghị phòng chống tham nhũng mà “*Trần Đình Bá*” kinh trình đã được tác giả xác định như một trong ba điều quan trọng nhất của cuốn sách với cái tên *Phần III – Những lời tâm huyết. Nguyên nhân phát sinh tiêu cực tham nhũng là ở đâu?* Nó ở ngay quy trình, quy chế bổ nhiệm cán bộ! Thật thế ư? Vâng! Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân! Anh so sánh việc này bằng một hình tượng rất thú vị: Nếu quy trình này là một *Hình chóp kín* (kín mít và bất động) thì nguy hiểm vô cùng. Nhưng nếu nó là *Hình chóp hở* và lại liên tục vận động theo qui luật cuộc sống thì ắt sẽ không có chỗ cho bọn nịnh hót, giả bằng cấp, hối lộ bán mua quan chức bằng tiền vơ vét của dân.

Nguyên nhân cản trở và hạn chế cuộc đấu tranh chống tiêu cực tham nhũng là cái gì mà nó có thể triệt tiêu tính Độc lập và trách nhiệm thực thi pháp luật của các cơ quan pháp luật? “*Tôi có hăng há sa số những ví dụ này!*” (trang 189) nhất là ở các lĩnh vực nhà, đất, để đến mục một “*ông*” cháu của một ông lớn đã không hề úp mở khoe lớn: “*Đất của ông tao có ở khắp đất nước này!*” (trang 194)...

Phải tìm nguyên nhân đúng mới tìm ra giải pháp đúng. Và *Những giải pháp cụ thể* chống tham nhũng là thế nào? Có rất nhiều nếu ta quyết tâm và gắn bó với đời sống, sống chết vì hạnh phúc con người. Tác giả đã tự đưa ra năm giải pháp lớn và căn bản: Nhưng tất nhiên không chỉ có thế nếu chúng ta phát động và bảo vệ được niềm tin để *Toàn dân tham gia chống tham nhũng*. Chúng ta đã thắng mọi kẻ thù ngoại xâm bởi đường lối *chiến tranh nhân dân*, lẽ nào chúng ta không dùng sức mạnh mọi thời đại này để chống “*nội xâm*” - Kẻ nội gián, tiếp tay cho mọi cuộc xâm lược? Chúng chính là “*Bọn Việt gian!*”...

Mới đây có một nhà báo trẻ khi đọc xong nhiều lần cuốn sách này, có lẽ vì quý ông bạn đồng nghiệp già, hay có ý động viên đã nói: “*quyển sách này đáng gối đầu giường!*”. Anh ta không ngờ chính tác giả lại “*phản biện*”:

- *Cảm ơn! Nhưng “gối đầu giường” cũng không hẳn đã quan trọng vì nếu câu... mê ngủ hay mê muội gì đó mà nằm tráo đầu đuôi thì “nó” lại thành cái để gác... chân. Điều quan trọng không phải ở trên đầu hay dưới đầu mà là trong cái đầu mình kia.*

Chao ơi! Với cái người mà người ta muốn khen, muốn động viên đôi chút cho *vui với cuộc đời* mà cũng khó thế này, thì còn biết nói gì nữa nhỉ?■

(*) “*Người lính già đầu bạc/ Kể mãi chuyện Nguyên Phong...*” câu thơ cổ thời Trần.

NÓI VÀ VIẾT:

NÊN VÀ CHO NÊN

PHẠM ĐÌNH ÂN

ĐỘNG từ *nên* và tổ hợp động từ *cho nên* có mặt phổ biến trong các văn bản. Thế nhưng sự lẫm lẫm khi sử dụng cũng xảy ra thường xuyên. Từ *nên* thì quá rõ, còn *cho nên* thì hay bị rút gọn thành *nên*. Thật ra *nên* và *cho nên* có giống nhau chút ít, còn sự khác biệt thì lại nhiều.

Trước hết, xin nói về từ *nên*. *Nên* thuộc nhóm động từ *nên*, cần, phải mang ý nghĩa cầu khiến, khuyên nhủ, ra lệnh. Động từ *nên* diễn đạt ý khi thì bắt buộc khi thì không. Thí dụ: Anh *nên* bước ra khỏi nhà tôi ngay! (bắt buộc, ra lệnh) và “*Cậu nên* đi nhanh hơn, trời sắp mưa rồi” (Khuyên nhủ, không bắt buộc). *Nên* cũng có mặt trong những trường hợp như: “*Không thày đồ mày làm nên*”, “*Quyết chí ắt làm nên*”, “*Không nên* cớm cháo gì”.v.v...

Cho nên có tình thái và ý nghĩa tình thái khác *nên*. Giáo sư người Nga Xtan-kê-vích N.V khi nói đến quá trình hình thành chức năng quan hệ của từ *cho nên* (tập chí Ngôn ngữ, số 2-1984) đã cho rằng: Xét về mặt ý nghĩa, *cho nên* là một liên từ chỉ hậu quả, xét về mặt vị trí, nó là một liên từ luôn luôn mở đầu một vế, xét về mặt kết cấu, nó là một tổ hợp gồm hai yếu tố.

Từ lâu, *nên* thường được xem là động từ. *Nên* được dùng với tư cách vị ngữ hay yếu tố thứ hai trong kết cấu động – kết. Khi

làm thành tổ thứ hai, trong kết cấu động – kết, *nên* thường thêm *cho* ở đằng trước như thêm *cho* ở tin *cho* ra, làm *cho* được). Thí dụ: “*Đồng người và xe cộ quá, cho nên* xảy ra chen lấn, xô đẩy”. Giáo sư Xtan-kê-vích N.V nhấn mạnh: “*Quá trình hư hoá của cho nên* đã khiến nó dần dần chuyển sang giai đoạn hoàn toàn trở thành liên từ”.

Như vậy, *nên* là động từ mang ý nghĩa khuyên nhủ, cầu khiến. Ban đầu cả *nên* và *cho nên* đều là thực từ. Trong tiếng Việt hiện đại, tính chất hư từ chỉ mới bắt đầu hình thành và hình thành trước hết ở tổ hợp *cho nên*. Những năm gần đây, nhiều người viết *nên* theo nghĩa *cho nên*, coi *nên* là dạng rút gọn của *cho nên*. Thí dụ: “*Tôi đến muộn nên* không kịp nghe ông A phát biểu mở đầu cuộc hội thảo”. Viết đầy đủ và chính xác phải là: “*Tôi đến muộn, cho nên* không kịp nghe ông A phát biểu mở đầu cuộc hội thảo”.

Xin lưu ý, lâu nay đôi khi người đọc tiếp cận với câu văn có cụm từ *bởi thế / vì vậy cho nên. Bởi thế / vì vậy* cũng có chức năng liên từ, nghĩa lại gần như tương đương với *cho nên*. Chính vì thế, chỉ nên dùng một trong hai từ, đã *cho nên* thì đừng *bởi thế / vì vậy* để tránh trùng lặp.■

NỖI BUỒN SÔNG NƯỚC TRONG NHẠC CHIỀU PHẠM DUY

LÊ HỮU

*Lòng quê dợn dợn với con nước
Không khỏi hoàng hôn cũng nhớ nhà
(Tràng giang, Huy Cận)*

...
Còn đâu em ơi!
Còn đâu mùi cỏ dại
Chút tình thơ ngây không còn trên đôi má...

NGỒI trước máy truyền hình vào lúc ấy-vợ chồng tôi và mấy người bạn đến chơi-đều có chung một cảm giác tương tự, cảm giác man mác, bùi ngùi, và đều như chìm đắm vào khoảng không yên lặng. Dễ chừng lâu lắm rồi chúng tôi mới gặp lại cảm xúc nao nao, buồn buồn quặng lẫn nỗi tiếc nhớ và khát khao mơ hồ về một nơi chốn, một quá khứ nào đó. Cảm xúc ấy có tên gọi là "nỗi nhớ nhà". Có phải vì đời sống tất bật bộn bề này đã có lúc làm chúng tôi quên đi nỗi nhớ nhà ấy, hay là từ lâu chúng tôi đã cố giấu đi, cố quên đi, để mà sống?...

Người hát nhớ nhà, người nghe cũng nhớ nhà. Nỗi nhớ nhà ấy còn có một tên gọi khác: nỗi buồn nhớ quê hương.

Ngày như theo sóng, bóng xế tàn rơi

Không chỉ bài "Hoa rụng ven sông", nhạc sĩ Phạm Duy có những bài hát làm cho người ta mỗi lần nghe là mỗi lần nhớ nhà, nhớ quê hương đến chảy nước mắt. Tôi nhớ, những giọt nước mắt của ca sĩ Thái Thanh khi chị hát đến câu hát cuối bài "Tinh hoài hương" trong lần trình diễn đầu tiên sau ngày đặt chân đến miền đất này. Những giọt nước mắt còn đọng lại rất lâu trong lòng người...

Xa quê hương... yêu quê hương...

Thế còn **Hoa rụng ven sông** thì sao? Vì sao bỗng dưng lại có vụ nhớ nhà ở đây? Vì sao bài hát (phổ từ thơ Lưu Trọng Lư) lại đánh thức trong chúng tôi cảm xúc ấy? Vì những câu hát ấy, hay là vì nhạc điệu ấy? Tôi chắc là... cả hai. Nhạc điệu thì mệnh mang, dịu dặt, lời hát thì man mác, ngậm ngùi, làm dâng lên nỗi buồn với vợ quặng lẫn những tiếc nuối xa xôi...

Già đây trên sông hoa rụng rơi rơi...

Chiều tàn, hoa rụng (không phải rụng "từng cánh, rơi từng cánh" mà "rụng rơi rơi"). Còn cảnh chiều nào buồn hơn!

Còn đâu ánh trắng vàng mơ trên làn tóc rối?

Còn đâu bước chân người mờ trên đường chiều rơi?

Còn đâu đêm sang lá đổ rộn ràng?

"Lá đổ rộn ràng"... Rộn ràng, rộn rã là những tiếng "vui vui" nhưng câu hát lại nghe... buồn buồn.

Còn đâu sương tan trắng nội mơ màng?

Còn đâu em ngoan tóc rối ngón ngang?

"Tóc rối ngón ngang"... Và chữ "ngón ngang" ấy (chữ của Phạm Duy, không có trong bài thơ), nghe mà lòng... "ngón ngang trăm mối".

Còn đâu em đi, còn đâu mùi cỏ dại?...

Ngay đến cái "mùi cỏ dại" ấy cũng là mùi rất riêng của cây cỏ ruộng vườn, của "hương đồng gió nội" ở chốn xa quê nhà.

Hoa rụng ven sông, cái tựa bài hát ấy không có chữ "chiều", vậy mà nghe còn "chiều" hơn cả chiều nữa.

Chiều buông trên dòng sông Cửu Long...

Không phải "chiều xuống" hay "chiều rơi" hay "chiều trôi" mà... "chiều buông", nghe như màn sương chiều lướt thướt, như vạt áo choàng mềm mại của chiều tà phủ trùm lên một vùng sông nước mênh mông.

Như một cơn ước mong, đi chiều...

Cảm khái bài thơ tả tình tả cảnh sông nước của Huy Cận, nhạc sĩ Phạm Duy ngẫu hứng soạn ra **Chiều về trên sông**.

"Chuyến đi về miền Cửu Long Giang này không kích thích sự tò mò của tôi vì ở trong Nam không có nhiều danh lam thắng cảnh như ở các miền ngoài. Nhưng tôi cũng được sống với cảnh vật của quê hương tôi, sống với những nhánh sông của 'chín con rồng' để chiều chiều, giống như thi sĩ Huy Cận, nhìn ra mình là 'củi một cành khô lạc mấy dòng' trôi trên sông 'mênh mông không một chuyến đò ngang'...., để mấy chục năm sau, có bài hát nhan đề **Chiều Về Trên Sông**...

Tràng giang là bài thơ đã từng ám ảnh tôi từ lâu. Nhưng ngồi bên bờ một con sông quê hương, nếu Huy Cận không có một chuyến đò thì tôi lại muốn có một đò ngang, có lẽ bởi tôi là người luôn luôn sợ ngăn cách.

Buồn tôi không vì sao bỗng dưng

theo đò ngang quá giang thương chiều

Câu hát, theo tôi, hay nhất trong bài. Nỗi buồn sông nước những muốn "quá giang" theo đò ngang trôi đi trong chiều.

Hình ảnh con đò lênh đênh trên sông nước là hình ảnh rất quê hương Việt Nam.

Tràng giang gửi gắm nỗi niềm của Huy Cận:

Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả...

Chiều về trên sông ký thác tâm sự của Phạm Duy:

Bể sâu không nhiều nhưng cũng đủ yêu...

Cũng là nỗi buồn sông nước, nhưng hai người hai nỗi niềm tâm sự.

Bởi vì chiều buồn chiều về dòng sông

Bởi vì người buồn người ra ngả dòng sông. Người thả trôi theo dòng nước những phiền muộn âu lo, những hệ lụy của đời sống.

Vui thì lững lờ như nước trôi, mây trôi. Buồn thì dào dạt như mạch suối tuôn tràn.

"Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp", dòng sông thì

mênh mông bát ngát, lòng người thì mênh mang với với như câu thơ Huy Cận. "Sóng gợn", buồn cũng gợn. Chiều trôi, mây trôi, nước trôi... Bóng chiều quạnh quẽ phủ trùm lên một vùng sông nước lặng lẽ.

Cảnh "chiều buông trên dòng sông Cửu Long" có thể gặp ở bất kỳ cảnh trời rộng sông dài nào chứ chẳng phải riêng gì sông Cửu Long. Cảm giác vui lững lờ, buồn dào dạt ấy có thể gặp ở bất kỳ cảnh chiều nào trên bến sông. Nghe những bài hát như thế cần chút tĩnh lặng, cần nhắm mắt lại, để nghe chiều đi lặng lẽ, nghe nỗi buồn trôi đi chậm chậm và nghe...

Chiều buông trên dòng sông cuốn mau...

Biết là bao sầu trên xứ người

Nỗi buồn trôi đi chậm chậm ấy cũng gặp trong những bài nhạc chiều khác của Phạm Duy, như bài **Đường chiều lá rụng**.

Chiều rơi trên đường vắng, / có ta rơi giữa chiều / Hồn ta theo vạt nắng / theo làn gió dịu hiu

Cảm giác nào chơi vơi hơn một người đang "rơi" lặng lẽ trong chiều? Như cánh lá vàng nhẹ xoay trong gió, như chiếc thuyền con lơ lửng, dập dềnh trên sóng nước.

Nhiều người thích **Đường chiều lá rụng** vì những câu hát nghe đẹp như là câu thơ, và đúng là "thơ" thật (ít người biết được rằng bài nhạc được phổ từ một bài thơ của Lê Lan, Đường chiều lá rơi).

Chiều ồm vòng tay / một bó thuyền say / thuyền lơ lửng mãi... / Từng chiếc thuyền hồn lướt trôi / neo đứt một lần cuối thôi / cho cánh bướm lộng gió vơi, gió đầy

Dòng sông như dòng đời, cho *thuyền hồn lướt trôi*.

"Chiếc thuyền hồn" là lối ví von mang tính ẩn dụ của Phạm Duy, người mà cuộc đời ví như con thuyền nổi trôi theo vận nước. Con thuyền lênh đênh ấy được ông hơn một lần đưa vào trong lời nhạc, "Về đây nhé! Cảm xong chiếc thuyền hồn / Ôi thoáng nghe đây lòng tiếc đời..." (Trở về mái nhà xưa, lời Việt bài Come back to Sorriento).

Dòng sông trong lời nhạc Phạm Duy còn gợi lên ý niệm về nỗi cách ngăn, chia lìa. Nước sông còn chia đôi bờ, vì đời còn nhiều ngăn cách, vì lòng người còn lắm nỗi phân ly.

Nước đi là nước không về / chia đôi dòng nước chia lìa dòng sông... / Chiều chiều ra đứng bờ sông / muốn về quê mẹ mà không có đò... (Những dòng sông chia rẽ - Sông Mẹ / Trường ca "Mẹ Việt Nam")

"Dòng sông ly biệt" ấy cũng là định mệnh trái ngang trong tình yêu đôi lứa. Những kẻ yêu nhau không đến được với nhau vì nỗi cách chia "người đầu sông, kẻ cuối sông".

Sông này đây chảy một dòng thời

Mây đầu sông thắm tóc người cuối sông... (Đưa em tìm động hoa vàng, phổ thơ Phạm Thiên Thư)

Yêu nhau nhưng không đi chung được một đường vì "người ở một phương, ta một phương", tìm nhau nhưng không gặp được nhau vì "nước sông ngăn cách đôi dòng".

Một người ngồi bên kia sông im nghe nước chảy về đâu

Một người ngồi đây trông hoa trôi theo nước chảy

phương nào...

Cuộc đời làm cho đôi bên yêu nhau cách một biển sâu...

(Hẹn hò)

"Sông nước sẽ cho gần nhau", đấy là nỗi ước mơ của những đôi tình nhân cách trở và của bao người còn khắc khoải ở đôi bờ thương nhớ vì những khoảng cách không gian và thời gian.

Nhớ quê hương là nhớ biển rộng sông dài, nhớ những con sông hiền hòa xuôi chảy qua những miền đất nước, thấm vào từng mạch đất quê hương...

Tôi yêu những sông trường / Biết ái tình ở dòng sông Hương / Sông no đầy là nhờ Cửu Long / Máu sông Hồng đỏ vì chờ mong... (Tình ca)

Nhớ quê hương là nhớ thành phố cũ, nhớ con sông xưa, nhớ ghe thuyền ngược xuôi trên sông nước, nhớ "tiếng hát xao xuyến ánh trăng vàng"...

Về miền Trung / miền thủy dương bóng dừa ngàn thông / thuyền ngược xuôi suốt một dòng sông dài... / Đêm hôm nao giờ u buồn trên sông vắng / có tiếng hát xao xuyến ánh trăng vàng... (Về miền Trung)

Sông nước mênh mông, mây núi chập chùng, bến nước tiêu điều, những hàng thuyền dương, những bờ lau sậy và không gian chiều tịch lặng để làm gợn lên nỗi buồn viễn xứ.

Chiều nay sương khói lên khơi / Thuyền dương rữ bến tôi bồi... / Thuyền đi, viễn xứ xa xôi / Một lần qua giạt bến lau thưa / Hò ơi! Giọng hát thiên thu / Suối nguồn xa vắng, chiều mưa ngàn về...

Nhạc điệu, tiết tấu dịu dặt, như "nghe" được tiếng sóng dạt dào vỗ mạn thuyền, như "thấy" được con thuyền dập dềnh, lướt lướt trên sông.

Chiều nay gửi tôi quê xưa / biết là bao thương nhớ cho vừa / Trời cao chìm rơi xuống đời / biết là bao sầu trên xứ người...

(Thuyền viễn xứ, phổ thơ Huyền Chi)

Thuyền viễn xứ và **Viễn du** là hai bài hát "tiên tri" về định mệnh lịch sử của đất nước, về nỗi niềm u uẩn của người Việt ly hương, và cả về những chuyến hải trình đầy mạo hiểm vượt qua bao phong ba bão táp để đặt chân lên được những bến bờ tự do.

Ra khơi! Biết mặt trăng dương / biết đời viễn vông / biết ta hải hùng... (Viễn du)

Có lắm bài nhạc chiều rất đẹp rất thơ trong nhạc Việt nhưng lạ một điều, chỉ những cảnh chiều trên sông nước mới gợi cho ta nỗi thương quê nhớ nhà, như câu thơ của Thôi Hiệu trong bài **Hoàng Hạc lâu** - bản dịch của Tản Đà:

"Quê hương khuất bóng hoàng hôn

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai"

Ái cũng mang theo trong lòng mình *hình ảnh một buổi chiều* nào ở quê nhà trong những năm dài biệt lập xa quê. Ái cũng có một dòng sông để luyến tiếc, để nhớ về. Ái cũng muốn được về thăm lại những nhánh sông đời mình, những nhánh sông hiền hòa hay cuộn cuộn sóng. Ái cũng muốn được về ngồi lại bên cầu nhìn nước sông trôi êm đềm để lặng nghe dòng đời từ từ trôi.

Phải yêu lắm những buổi chiều ở quê nhà, phải đau lắm nỗi đau chia lìa của đất nước, phải buồn lắm nỗi buồn nổi trôi của kiếp người, phải nhớ lắm nỗi nhớ mệnh mang một quê hương lia bỏ, mới "ngấm" được những bài nhạc chiều ấy của Phạm Duy.

Chiều trên quê hương tôi khác với chiều ở Mỹ, chiều ở Úc, chiều ở Canada ... Không có buổi chiều nào ở xứ người giống như buổi chiều ở quê nhà. Không có màu "nắng chiều rực rỡ" nào ở xứ người làm mờ phai hình ảnh những buổi chiều vàng trên quê hương trong tâm tưởng người Việt xa quê.

Phạm Duy, ông từng có biết bao chuyến *viễn du* trong đời, những chuyến *phiêu du khắp nẻo đây đó*. Ông từng có biết bao buổi chiều ngấm nhìn cảnh hoàng hôn trên những bãi biển thơ mộng và những cảnh chiều đẹp như tranh vẽ trên những bến sông bến nước. Sau cùng, ông đã bỏ lại, bỏ lại hết những cảnh chiều ở quê người. Ông đi tìm cảnh chiều khác.

Một người bạn tôi nói rằng, "Nghe những bài nhạc quê hương của Phạm Duy sau ngày ông dứt áo ra đi, có một cảm giác khác biệt, không như là trước đây"... Người bạn không nói rõ "khác biệt" là khác thế nào (có lẽ chỉ cảm thấy vậy mà không diễn được ý...). Nói như thế không phải là không đúng, và tôi phải nhận rằng anh bạn khá tinh tế. Cũng bài hát ấy, cũng giọng hát ấy, nhưng nghe có gì... khác biệt. Không chỉ "cảm thấy" như người bạn, tôi cho rằng mỗi người có thể "cảm thấy" khác nhau, tùy vào tâm cảnh thế nào khi nghe bài hát và tùy cả vào tình cảm yêu ghét thế nào dành cho người viết bài hát ấy nữa. Cái khác nhau ấy có thể hiểu được, cũng tựa như cái khác nhau trong cảm xúc và suy nghĩ của những người từng nghe từng hát nhạc Phạm Duy.

Người nhạc sĩ ấy đã về lại nơi ông viết nên những câu hát "Quê hương tôi có con sông đào xinh xắn / nước tuôn trên đồng ruộng vắn...", những câu hát "Chiều buông trên dòng sông Cửu Long / như một cơn ước mong, đi chiều..."

Nhưng những bài hát về những dòng sông lững lờ ở chốn quê nhà, những bài hát về cảnh sông nước mênh mông, cảnh chiều xuống êm đềm, cảnh "hoa rụng ven sông" thỉnh thoảng vẫn nghe thấy cất lên đâu đó trên những làn sóng phát thanh phát hình, trong những chương trình ca nhạc của người Việt xa quê. Và mỗi lần như thế, mỗi lần nghe những bài hát như thế cất lên, người ta lại cảm thấy... nhớ nhà.

Già đây trên sông hoa rụng rơi rơi... ■





ẤN TƯỢNG ĐẤT TỔ HÙNG VƯƠNG

ĐỖ NGỌC DŨNG

Đó là chủ đề của *Trại sáng tác điêu khắc quốc tế lần thứ 2*, tại Khu di tích lịch sử quốc gia Đền Hùng. Từ trên 100 mẫu tác phẩm của hơn 50 nghệ sĩ trong và ngoài nước gửi đến tham gia; qua nhiều vòng xét tuyển, Hội đồng nghệ thuật đã chọn 35 tác phẩm của 32 người (24 mẫu của 21 tác giả trong nước và 11 mẫu của 11 tác giả nước ngoài là Latvia, Israel, Australia, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Đức, Canada, Trung Quốc). Tuy hết sức bận rộn, nhưng do chủ động ngay từ đầu, Ban tổ chức đã xây dựng kế hoạch cụ thể lên lịch tập kết nhân lực, phương tiện thi công, chọn ề kịp thợ chuyên nghiệp của Thành phố Hồ Chí Minh; đá cũng được lựa chọn loại tốt nhất từ Nghệ An, Bình Định, Bình Dương (đá Granit xám, trắng vân và thạch anh) - đặc trưng cho văn hoá dân tộc và phù hợp với nghệ thuật điêu khắc. Địa điểm tổ chức trại được đặt bên Hồ Ngã 5 đến Giếng - Khu di tích lịch sử Đền Hùng - một không gian khá lý tưởng cho sáng tác và trưng bày tác phẩm...

Sau ba tuần lao động nghệ thuật say mê sáng tạo không một ngày nghỉ, trong điều kiện thời tiết lúc giá rét, khi oi nóng không quen đối với các nghệ sĩ và nhóm thợ từ các châu lục khác nhau; cộng với khối bụi của đá, tiếng ồn của máy móc... nhưng tất cả đều với tinh thần trách nhiệm cao nhất để tạo nên giá trị thẩm mỹ của từng tác phẩm. Với nụ cười luôn nở trên môi, họ đã tạo nên một không khí sáng tác, giao lưu trao đổi học hỏi kinh nghiệm bình đẳng giữa các nghệ sĩ; cùng hướng đến những giá trị nhân văn để thổi hồn vào đá, làm cho đá từ một chất liệu thô cứng, vô tri đã sinh động như muốn nói cùng chúng ta nhiều điều, nhắc nhở mọi người về quá khứ, hiện tại và tương lai. Có tác phẩm mang biểu tượng sâu lắng, ý nghĩa về cội nguồn như *Huyền thoại Việt* của Nguyễn Hoàng Ánh (TP. Hồ Chí Minh) - với bút pháp hiện thực, mô tả cuộc gặp gỡ lãng mạn như đang bay lên trong không gian huyền thoại của Lạc Long Quân và Âu Cơ. Hoặc *Không gian huyền thoại* của Trần Ngọc Anh (Thừa Thiên Huế) - lại như muốn nhắc nhở mọi người liên tưởng về tổ tiên giống nòi. Nếu *Đấu ấn thời gian* của họa sĩ Ngô Quang Nam, với khối vuông mô phỏng ấn tín thời đại Hùng Vương, với những nét



Chuyện tình Tiên Dung - Chữ Đổng Tử

Tác giả ĐỖ NGỌC DŨNG

đẹp hoa văn trang trí truyền thống quan niệm của ông cha về vũ trụ là trời tròn đất vuông, thì *Đang hương* của Trần Tuy (Hà Nội), bằng ngôn ngữ điêu khắc hiện đại kết hợp với đường cong nhịp điệu của khối hương, đã gây ấn tượng mạnh cho người xem. Bên cạnh đó còn có các tác phẩm *Trời và Đất* (Hoa Bích Đào), *Tích ông Giông* (Trần Thị Hồng), *Nguồn gốc Hùng Vương* (Lê Thanh), *Nguồn cội* (Lê Minh Sơn), *Hương về cội nguồn* (Đoàn Văn Bằng), *Nhớ về cội* (Trần Văn Mỹ), *Vỡ sĩ Đông Sơn* (Trần Hoàng Cơ, là nhóm những tác phẩm về tâm linh và nguồn cội). Với chủ đề Ấn tượng Đất Tổ Hùng Vương, nhóm tác phẩm khác lại ca ngợi tình yêu, tình mẫu tử, sự sinh tồn... Từ một khía cạnh khác, *Chuyện tình Tiên Dung - Chữ Đổng Tử* của họa sĩ Đỗ Ngọc Dũng (Phú Thọ), lại tái hiện câu chuyện tình này bằng ngôn ngữ phù điêu nghiêng về cổ điển, pho diễn những nét đẹp ở thể tình nữ trong khoảnh khắc ngưng ngừng, lúng túng của công chúa Tiên Dung và sự lo sợ của Đổng Tử - con trai người dân chài nghèo. Hay *Ngây xưa* của Lê Ngọc Hán (Hà Nội), với chất liệu đá granit xanh mô tả hai em bé dưới mưa lạnh, được che chở trong áo tơi và nón

lá - bằng ngôn ngữ điêu khắc hiện đại trong những đường kỳ hà đơn giản. Chủ đề này còn nằm trong một số sáng tác của các tác giả Ngọc Chi, Lưu Thanh Lan, Tạ Quốc Huy, Nguyễn Lưu, Quách Mạnh Hùng... đã có những tìm tòi mới mẻ, tạo nên những xúc cảm thẩm mỹ tinh tế...

Với 11 tác giả (8 nam và 3 nữ) nước ngoài tham dự trại lần này; phần lớn trong số họ là những nhà điêu khắc, giáo sư tiến sĩ tên tuổi đang giảng dạy ở các trường nghệ thuật, từng tham gia nhiều trại sáng tác quốc tế ở nhiều nước. Một điều rất thú vị, cả hai nhà điêu khắc người Mỹ đều là cựu chiến binh đã từng tham chiến tại Việt Nam, đều có tác phẩm với chủ đề *Hoà bình và Sự sống*. Trong nhiều ngày làm việc cùng Joe Brenman, tôi thấy ông lao động nghiêm túc và quên mình, quần áo phủ kín bụi đá và bùn đất, khoan cắt, đục đều luôn tay, lại phải liên tục leo lên leo xuống giàn giáo vì tác phẩm của ông có lẽ cao nhất trại... Còn Joel David với *Kim Tự tháp hoà bình*, lại muốn mô tả nó như đại diện cho cấu trúc của sức mạnh vĩ đại, trong nền văn hoá xuyên lịch sử, được ví như thời đại các Vua Hùng đã tạo ra một nhà nước ổn định, thống

nhất từ mấy ngàn năm trước... Nữ tác giả Tanya Preminger (Israel), *Giữ lấy bầu trời* - là một trong số những tác phẩm đẹp nhất trại - đã chia sẻ: "Bầu trời là nơi ở của đấng sáng tạo, là nơi tinh thần chúng ta cư ngụ, tảng đá tôi làm tác phẩm có khi lên tới 2 tỷ năm tuổi. Nhưng chúng ta chỉ sống 80 - 90 năm, vì thế tôi phải cho nó cơ hội thể hiện sự vĩnh cửu khi đá chạm vào linh hồn người nghệ sỹ và ngược lại. Đó là mối giao hoà giữa thực thể hữu hạn và sự vĩnh hằng trong thiên nhiên. Bầu trời sẽ nuôi dưỡng trái đất...", Mitsunori Koike (Nhật Bản), với *Hình thái của tình yêu*, đã diễn đạt trạng thái bên trong của đối tượng, biểu đạt hai hình người ôm chặt lấy nhau, tận hưởng niềm vui bất tận. Nữ điêu khắc trẻ Trung Quốc Zhang Yaxi, luôn trong bộ bảo hộ lao động, vóc người khô thanh tỷ xinh đẹp; ngỡ tưởng là chân yếu tay mềm, nhưng cầm máy mài, máy cắt rất chuyên nghiệp. Đây là lần thứ ba Zhang Yaxi tham dự trại tại Việt Nam. Chị sử dụng tới hơn 10 một khối đá trắng, tạo nên một tác phẩm trừu tượng, hấp dẫn và rất bắt mắt ngay bên mép hồ nước. Các tác phẩm *Người ước mơ* (Yun Si Kwon - Hàn Quốc), *Sự bắt đầu* (Birgit Grpentin - Australia); *Thiên đường* (Ojars Arvids Feldbergs - Latvia), *Thiên* (Wilfried Behre - Đức) đều gửi gắm những ý tưởng về cuộc sống, ước mơ về tình yêu con người và thiên nhiên... Đặc biệt, *Neo thuyền* (Riccardo Finizia - Canada), đã mô tả một con thuyền trước phong ba, bão táp, đầy ẻo le nguy hiểm. Tác phẩm như một lời cảnh báo tới loài người về sự tàn phá rừng, ô nhiễm môi trường sống thì hậu quả sẽ rất khó lường... Nhà điêu khắc Ấn Độ Janak Jhankar Narzay, lại có *Đài tưởng niệm nền Văn hoá vĩnh hằng*, khẳng định văn hoá được chứa đựng trong nhiều tầng bậc của hành vi con người - cả tính xây dựng và tàn phá. Thông qua tác phẩm được tạo nên từ hàng ngàn khối lập phương vững chắc tượng trưng cho sức mạnh của nền văn hoá mỗi dân tộc; tiến triển theo thời gian vô tận, từ thế hệ này qua thế hệ khác, mang tính vĩnh hằng trong tồn tại, giao lưu, phát triển của nghệ thuật; mà bất cứ cuộc chiến tranh thù địch nào, cũng không thể nào phá vỡ nổi...

Kể từ khi bế mạc trại đến nay, sau một thời gian khẩn trương thi công khuôn viên và trồng cây bản địa, đã tạo nên một vườn tượng đẹp với những tác phẩm điêu khắc hiện đại, phục vụ đồng bào và du khách thập phương về Đền Hùng qua mỗi mùa lễ hội. Trại sáng tác điêu khắc Quốc tế "Ấn tượng Đất Tổ Hùng Vương" đặt tại chân núi Nghĩa Lĩnh, Khu di tích lịch sử đặc biệt quốc gia Đền Hùng - nơi tâm linh cội nguồn của dân tộc Việt Nam - thực sự là một minh chứng cho việc hội nhập, giao lưu phát triển văn hoá, trong dòng chảy nghệ thuật của thế giới.■

ĐIỂN ảnh nói chung và phim truyền hình nói riêng, là một tổng thể từ kịch bản, đạo diễn, quay phim, âm nhạc, mỹ thuật... và diễn xuất của diễn viên - trong đó có nghệ thuật lồng tiếng - một lĩnh vực lâu nay còn khá nhiều điều bất cập. Nhưng bài viết này chỉ thuần túy nói đến việc lồng tiếng cho các nhân vật sau khi đã quay xong hình ảnh (phim truyền hình Việt Nam), chứ không nói đến việc lồng tiếng trong phim nước ngoài...

Như chúng ta đã biết, từ lâu nay, do những khó khăn, hạn chế về điều kiện kỹ thuật mà phim truyền hình của ta đã không thể thu trực tiếp tiếng nói của diễn viên - nhân vật; mà buộc phải lồng tiếng lại sau. *Giò qua miến tối sáng* thu trực tiếp tiếng diễn viên đóng trong khi quay, là trường hợp hy hữu. Tất nhiên, có thể sử dụng tiếng nói của diễn viên đóng phim lồng lại. Cũng có thể mời người khác đảm đương việc này. Phổ biến hơn là cách làm thứ hai: người A diễn xuất hiện trên màn ảnh, nhưng giọng nói lại của người B. Rất ít khi diễn viên được tự lồng tiếng. Lý do dẫn tới việc "bất đắc dĩ" này, có thể do diễn viên có khả năng diễn xuất nhưng giọng nói không đạt yêu cầu về đài từ, âm sắc, chất giọng, khả năng biểu cảm qua giọng nói. Cũng có thể do lý do "tế nhị" khác: việc lồng tiếng đã có ề-kíp riêng. "chuyên" rồi, nên diễn viên đóng phim không phải bận tâm nữa. Cách làm phổ biến hiện nay có mặt tốt là "chuyên nghiệp hóa", khắc phục được tình trạng nhiều diễn viên diễn xuất được nhưng giọng nói không đạt yêu cầu như đã nói, song, lại để lộ nhiều hạn chế, thậm chí là phản nghệ thuật... Đó là khán giả nhận ra nhiều giọng nói quen thuộc, "tuần chay nào cũng có nước mắt", lồng cho đủ các loại nhân vật già, trẻ, chính diện, phản diện, tích cực, tiêu cực... Nhiều khi người xem bắt gặp không ít chuyện khôi hài: vừa ở kênh A, giọng diễn viên X vào vai một nhân vật chính diện, đáng kính; thì ngay sau đó ở kênh B (hoặc cùng một lúc, do

NGHỆ THUẬT LỒNG TIẾNG...

KIỀU THẨM

người xem đối kênh), cũng giọng ấy lại lồng cho một vai phản diện, đều cáng hoặc một tên lưu manh, bặm trợn. Do số lượng diễn viên lồng tiếng thạo "nghề" có hạn - dường như quanh đi quẩn lại ước chừng chỉ vài chục người cả nam lẫn nữ - mà họ phải lồng cho rất nhiều nhân vật, ở rất nhiều phim. Người ta nói rằng những diễn viên chuyên lồng tiếng này thu nhập có khi còn hơn hẳn diễn viên đóng phim. Vì không có thời gian nghiên cứu kỹ tính cách, tâm lý nhân vật để lựa chọn giọng nói cho phù hợp, lại chỉ bó hẹp trong số lượng người lồng tiếng ít ỏi nên tình trạng "đấu Ngô minh Sở" ắt phải xảy ra. Giọng nói mảnh mai, hơi hợt, thiếu chiều sâu, nghe rất tầm thường đã được lồng cho nhân vật có nội tâm sâu sắc, trí tuệ, thông thái; và ngược lại, giọng nói ồm ồm, truyền cảm có khi phải lồng cho nhân vật tầm phào, nông cạn. Có khi nhân vật đã trên 70 tuổi, nhưng lại được lồng bởi giọng của người trẻ tuổi và ngược lại, nghe rất phản cảm. Có khi tính cách nhân vật rất tinh cảm, có chiều sâu nội tâm, có tính cách đa dạng, phong phú; nhưng giọng nói của người lồng tiếng thì khô khốc, hơi hợt, đơn giản. Với những diễn viên không có được giọng nói tốt, chuẩn thì việc sử dụng giọng người khác lồng là cần thiết đã đành. Ngay cả những diễn viên có giọng nói hay, ai cũng công nhận, rất phù hợp với nhân vật; cũng không được lồng tiếng cho mình, mà vẫn bị người khác có giọng nói không hiệu quả thay thế. Trường hợp phim *Vĩ tuyến 17 ngày và đêm* là một ví dụ. Ông là diễn viên kịch nổi tiếng ai cũng biết, và có nghệ

thuật xử lý giọng nói vào hạng siêu cũng không ai xa lạ. Với bất cứ loại nhân vật có tính cách như thế nào, ông cũng tìm được cách nói rất phù hợp, hiệu quả. Vậy mà người ta đã để người khác - một diễn viên vô danh, bất tài lồng tiếng thay ông - đến nỗi sau đó Đào Mộng Long phải lên tiếng: "Nếu biết người khác lồng tiếng thay, mình đã không nhận lời đóng vai này". Nhiều diễn viên nổi tiếng, vừa diễn xuất giỏi, vừa có giọng nói tốt đã buộc phải chấp chận việc người khác lồng tiếng cho vai diễn của mình. Cũng chỉ là chuyện "tế nhị" muôn thuở, xưa như...trái đất! Cứ tưởng cung cách lồng tiếng như hiện nay là "chuyên nghiệp" nhưng thực chất lại rất tùy tiện, đại khái, "nghiep dư" vì đã làm giảm sút giá trị nghệ thuật của phim. Không ít diễn viên tên tuổi sẽ chẳng bao giờ được công chúng biết giọng nói của mình nếu không lên truyền hình giao lưu hoặc trả lời phỏng vấn. Lại cũng không ít nghệ sĩ bị "oan" với lời nhận xét của người xem: "Ồi! Nghệ sĩ tài ba thế mà có đài từ chán quá, nghe mất cảm tình". Nhưng tiếc thay, người xem nào có biết chuyện lồng tiếng!

Rõ ràng, lồng tiếng là một nghệ thuật, không thể coi thường để dẫn đến tình trạng làm mất giá trị của cả bộ phim khi đã ra mắt công chúng. Và như thế, các nghệ sĩ sáng tạo hãy làm cho việc lồng tiếng ngày càng hiệu quả và hợp lý hơn, hấp dẫn và thuyết phục hơn; để nâng cao tính chuyên nghiệp của điện ảnh Việt Nam trong quá trình giao lưu, hội nhập với châu lục và thế giới!■

ĐOAN thong thả khoác bộ gió thể thao, xô đôi giày Fila êm ái, gọi với ra vườn, "Cháu ra cầu Gon bà nhá!" rồi rảo bước ra ngõ. Đường làng nghèo, lở lổm bởi những hòn đá nhẵn thín vết chân người, trâu, xe cộ mài mòn vài thế kỷ. Đá lát đường đều là loại đá xanh lấy từ núi Đọ bên kia làng Kèo. Đoàn đi đi mũi giày lên hòn đá giống mặt khỉ giữa đường, tự hỏi đã biết bao kiếp người mài chân lên đây. Và anh, liệu có giữ nổi con đường lát đá cổ này không, khi mà những con đường bê tông phẳng lì vô tình đã hõm hĩnh bỏ giữa làng rồi?

Chiếc điện thoại cựa quậy trong túi quần, Đoàn rút nó ra. Gương mặt Chi sáng rỡ màn hình.

- Lồ lồ, anh đây. Em ngoan đấy chứ? Chi ra giọng đùa, nhưng nội dung lại chẳng hài hước tẹo nào:

- Em ngoan, nhưng "nó" hư. Nó giữ chặt anh trong đó. Thử đoạn thể đấy. Chắc nó sợ mất anh chàng?

Đoàn sượng lại giữa đường:

- Này em, làm thế quái nào có được?! Những thời điểm nguy hiểm là anh ... téch ra đấy chứ?

- Đúng rồi, em xác nhận anh có làm thế thật. Chi già võ tỉnh bơ - nhưng người tính chẳng bằng giới tính.

- Bối khỉ! - Đoàn loay hoay đá tung một hòn gạch vỡ xuống ao bèo. - Chi à, anh không muốn phải là một thằng khốn nạn, nhưng anh hy vọng em nhớ những quan điểm của anh...

- Thì anh cứ xem đây như một loại thông tin...

- Ít nhất trong một vài năm nữa, anh sẽ chỉ gắn với cầu Gon. Sau đó anh còn chưa biết. Anh chỉ có thể tự tay chăm sóc em, và... nếu em chịu về làng.

Chi ngắt lời Đoàn:

- Em hiểu. Nhưng em còn chưa quyết định có giữ nó không. Em phải đi làm đã, sẽ gọi lại anh sau.

Cô cúp máy.

Hình như giọng cô ảm ức!

Đoàn dựa hân lưng vào gốc sung cổ thụ nghiêng nghiêng bên ao bèo, rút thuốc châm lửa. Làm lãnh đạo công ty hơn chục năm, anh đã quá quen với các sự cố, thậm chí tự xây cho mình một loại kỹ năng xử lý sự cố siêu việt. Nhưng kiểu "sự cố" này thì... nó chắc chắn không phải là thứ mà anh muốn xây một kỹ năng xử lý.

Đoàn chậm chậm bước về phía cầu Gon. Anh cố dẹp sự rối trí bằng hình dung sẽ chia não mình ra làm nhiều ngăn. Cái sự cố "Chi và nó" sẽ bỏ riêng vào một ngăn rồi đóng chặt lại. Tâm trí anh sẽ chỉ tập trung vào cầu Gon mà thôi, anh phải duy tu cầu Gon thành công.

Giữa cầu là bức tượng ông kỹ sư Lang sa bằng đá đen kim sa do phụ xây dựng và dân làng dựng lên để tưởng nhớ ông sau khi cầu khánh thành. Hình như ông nháy nháy mắt với Đoàn khích lệ. Đoàn ngắm ông một lát, vỗ vỗ vào vai ông và mỉm cười.

- "C'est la vie!"(*)

Hình như ông kỹ sư thoáng yên ulla trong hơi gió. Đoàn chạm tay lên những miếng vữa trên thành cầu, vết lõm trên mặt cầu... Phải làm sạch những vết thương trước khi vá.

- Chào người hùng! Một giọng đàn ông hồ hởi vang lên.

Đoàn ngừng phát lên, thấy ông Liêm. Phó chủ tịch xã Vọng Lạc đứng sừng sững trước mặt anh.

- Ô, chào chú Liêm. Chú đừng làm cháu tốn thọ chứ. Chú vi hành buổi sớm đây à?

- Vì veo quái gì! Tao lên đây chơi với ông kỹ sư. Ông Liêm hást hàm về phía bức tượng giữa cầu. Mày có thuốc cho tao xin điếu.

Rút một hơi thuốc thật sâu, ông Liêm nheo nheo mắt bảo Đoàn:

- Chú mày anh hùng thật đấy chứ! Thời buổi làm ăn như gió cuốn này, khó có chuyện một người tự nguyện bỏ việc riêng lo việc chung như chú mày. Nói trộm vía ông kỹ sư Lang sa, chú mày hạng cháu chất nhưng về đạo nghề có thể sánh với ông ấy.

- Loanh quanh tranh giành nhau vì đồng tiền đến lúc thấy oái ả, thấy mình cứ nghèo đi. - Đoàn cũng tự châm một điếu thuốc. - Cháu yêu quý nghề xây dựng, mà không sống chết vì nó thì phí đời

quá. Minh phải dành bản thân mình ra, không vội vàng, để làm một cái gì đó, có ý nghĩa. Rồi cháu quyết định, sẽ bảo vệ cầu Gon này, bằng cả lẽ sống của mình.

- Động vào cầu không dễ, mày nên cẩn thận. Sinh nghề tử nghiệp. Cầu Gon nó sống, nó có tâm sự riêng, có quá khứ, mày phải hiểu quá khứ của nó thì mới mong tạo tương lai cho nó. Mà này, tao đã đọc kỹ công trình nghiên cứu về vật liệu xây cầu Gon của mày. Tao vẫn đặt câu hỏi về những loại vật liệu ấy...

- Trúng tui, máu bò thiến... chứ gì? Đoàn cười hỏi.

Ông Liêm trầm ngâm:

- Tao nghĩ mãi về cái cách ông kỹ sư xây cầu. Đó là hành vi tôn giáo, chứ không chỉ là xây dựng. Mà thôi, vật liệu kỳ quái thế nào là việc chuyên môn của mày, miễn sao không phải dùng đến thi

- Cái biết của chú mày là kiểu sách sử. Còn cái sử truyền miệng của dân Gôm, Kèo nó tinh quái lắm. Thế tao hỏi mày: Tại sao trên dòng Gon có tất cả nằm cây cầu, thì ba cây cầu qua các trận lũ bị cuốn trôi mất tằm, chưa xây lại được; còn một cây cầu kiên cố lắm, xây sau cầu Gon tới nửa thế kỷ mà bảy năm trước đã bị phá đi để xây cầu mới to hơn, hiện đại hơn; nhưng riêng cầu Gon sẽ trường tồn mãi mãi? Là sao?

- Do ông kỹ sư? Đoàn bùng mắt lên. Đập bộp vào vai Đoàn, ông Liêm cười ha hả:

- Giỏi! Mày biết không, mấy gã "trí ngữ" làng Gôm sau bữa rượu thịt, gục gặc phán thế này: người tây làm gì cũng tính toán ghê lắm, kể cả cái chết của họ. Rồi nên ông kỹ sư rơi vào máy xay trộn vật liệu mà chết ư? Tưởng vậy mà không

CẦU GON

Truyện ngắn của KIỀU BÍCH HẬU

(Tiếp theo kỳ trước)



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

thể mày. Ha ha...

- Thì chất liệu gần mái ngói ở Hội An cũng có mặt đấy thôi. Chú hãy đợi kết quả!

- Được, mày cứ thí điểm, nếu kết quả tốt, tao sẽ hô hào dân hai làng Kèo, Gôm góp trứng sống cho mày, khỏe re! À, mà này, Ông Liêm vung tay chỉ bức tượng giữa cầu, mày biết những gì về nhân thân ông quan cầu?

Đoàn rít một hơi thuốc dài, gì chứ kể về chủ đề này anh rất sững:

- Thân phụ ông ấy là một kiến trúc sư vĩ đại, xây những nhà thờ và ngân hàng danh tiếng ở Pháp. Ông ấy học nghề không ở trường lớp mà trong chính công xưởng của cha. Có lẽ vì thế mà dù sau này đã làm công việc của kiến trúc sư, nhưng người ta vẫn chỉ gọi ông ấy là kỹ sư thôi (?) Khi lập nghiệp, ông ấy không xây nhà thờ hay ngân hàng nào, mà chỉ chọn xây cầu theo cách riêng của ông ấy, với những vật liệu cổ, chi phí cực tốn kém. Ông nói: "Xây để kết nối". Ông ấy có vẻ không nhận được nhiều công trình lắm, chỉ có ít đơn hàng đặc biệt. Trong công việc, ông ấy là người tỉ mỉ, kỹ tính đến bệnh hoạn. Hối xây cầu Gon, ông ấy kiểm tra độ sạch của đá bằng cách dùng vạt áo trắng ông mặc xoa lên đá, áo vẫn trắng tinh mới hài lòng...

Ông Liêm cắt ngang:

phải vậy. Ai rồi cũng chết cả thôi, nhưng khi ta có thể sử dụng cái chết để làm gì đó theo ý ta, thì tại sao không? Đó là cái chết chống lại thần chết!

- Để nổi tiếng và lưu danh ư? Như thế chẳng quân tử tí nào. - Đoàn nhàu mày.

Ông Liêm lắc đầu:

- Chú mày chưa thăm hết đâu. Hòm nào bỏ ra mâm rượu thịt, với mấy gã "trí ngữ" làng tới nó hót mày hay.

Dần dần quần đi trong dãy phố chìm trong ánh đèn xanh ma quái. Ngay cả gương mặt chàng cũng có màu xanh kỳ dị, với hai hốc mắt trũng hoáy vì mong nhớ. Chàng cứ loay hoay giữa đường phố hẹp, với mỗi khung cửa đều treo một ngọn đèn xanh tỏa sáng qua lớp lụa bọc đèn mỏng, làm ánh sáng nhũn ra. Lối đi lát đá lồi lõm, phố dốc như trèo lên đồi, và luôn thỉnh thoảng có một cái nhà chặn trước mắt như muốn ta đập đầu vào nếu không chú ý nhìn đường, rẽ trái, ngoặt phải không biết bao lần, nó cứ dốc lên, như muốn kéo ngược bàn chân lên trên khiến người ta lộn tùng phèo. Anh mắt Dẫn không bỏ qua bất cứ bóng nào lướt qua, dù nó mờ mịt nhất. Chàng cứ nhìn thẳng vào mặt, xem có phải là Hòe không. Lẽ ra nàng phải đến với chàng lâu rồi. Lúc này chàng lại thấy chộn rộn không yên, phải chăng Hòe đã quyết

tâm đến với chàng?

- Đi đâu? Một trong hai gã gác cổng lên cầu, tay cầm móc thép, mặt mắt dạng trong cái áo mũ trùm đầu lạnh lùng ngăn chàng lại.

- Lên trên cầu Gon. - Chàng nói.

- Nhớ mang theo xuống đây một mạng khi trở về. Nếu không thì cứ ở luôn trên ấy. Gã gác cổng nói, tiếng thoát ra như một làn gió mạnh lạnh lẽo không mùi vị.

Cánh cửa đá mở ra không một tiếng động. Dẫn lặng lẽ đi qua, những bậc đá dẫn lên cầu Gon cứ ảm ảm theo mỗi bước chân chàng. Lên đến cầu, chàng đứng dựa vào thành cầu, im lìm như gỗ đá, chỉ có cánh mũi chàng khẽ động đây. Cứ như hàng thế kỷ đã trôi qua lòng cầu này, trong ánh đèn vàng vọt tỏa ra từ đầu cầu, trong cái bóng đen kịt của chàng giữa cầu. "Hòe ơi!" Chàng cất tiếng. Nó tan vào gió, vì vút hút qua cầu. Chàng vẫn đợi, đợi mãi, đêm sẽ không đi qua nổi nếu Hòe không đến, và chàng thì sẽ không thể về thế giới bên kia được nữa. Mối hận tình giằng kéo chàng lại với thế giới bên này.

Kia rồi, tiếng động cơ xe máy ồa đến cùng lúc với mùi da thịt phụ nữ. Một cô gái trẻ phóng xe máy qua cầu Gon. Đêm rung rinh trên cầu. Cô gái ngửa mặt hưởng gió. Đến giữa cầu Gon, xe xích xích vài tiếng rồi rạc rồi chột cậm lạng. Cô gạt cần đạp nổ, nó cứng đờ làm chân cô trượt ra. Cô vã mồ hôi lạnh. Dẫn nhẹ bước tới, để nghị giúp cô. Cô nhìn chàng e ngại, từ chối và tự mình đẩy xe qua cầu. Cái xe thì nặng như núi đá, mà cầu thì cứ dài ra mãi, cô không sao đẩy xe tới đầu cầu làng Kèo được. Cô đẩy xe mãi, phì phò thở, hơi bốc trắng lòng cầu, vẫn chẳng thấy đầu cầu đâu, kỳ quặc.

Chàng lại xuất hiện bên cô, ngỏ ý giúp. Chàng chỉ cho cô một lối rẽ ngang cầu, ở đó có dốc đi xuống, và có tiệm sửa xe. Cô mệt đến nỗi không còn kịp nhìn rõ mặt chàng. Cô đồng ý. Chàng chạm tay vào yên xe, chiếc xe nhẹ bỗng, trôi đi. Họ cùng rẽ xuống sông Gon.

Trăng nhợt nhạt buông xuống sân vườn. Đoàn vừa hút thuốc vừa đi loanh quanh trong sân. Ngày hôm nay anh đã trộn nguyên liệu và cho công nhân vá thử những vết thương nhỏ trên thành cầu và mặt cầu. Anh cho thợ nghỉ chín ngày, để chờ đợi kết quả thí nghiệm. Cả ngày làm việc hào hứng, anh không hề nghĩ đến Chi một phút nào. Đêm về, anh chợt nghĩ sao có không gọi điện. Phải chăng có còn chưa quyết định về "nó".

Sương xuống lạnh lạnh. Đoàn trở vào nhà. Bà họ anh đã lên giường từ lúc nào rồi. Thời điểm này trong làng bớt dùng điện, nên dòng điện mạnh hơn, đèn sáng choang. Đoàn chợt muốn ngắm bức ảnh cũ của gia đình trong ánh sáng mạnh hơn này. Anh tiến gần bức ảnh và chợt sững lại. Nó là hoặc, như bị thay đổi một cái gì. Anh giụi mắt nhìn thật kỹ. Không có ông trẻ Dẫn trong bức ảnh. Đoàn nhìn đi nhìn lại, anh đưa tay sờ lên khoảng trống chỗ lẽ ra có mặt ông Dẫn, mặt kính lạnh lẽo. Đoàn rút tay lại, Vô lý hết sức. Anh định gọi bà họ đây để hỏi bà, bảo bà xem lại bức ảnh cùng anh, nhưng có thể bà sẽ sợ và nói năng lảm nhảm. Anh lại thôi. Chợt nghĩ ra, anh rút điện thoại di động, chụp lại bức ảnh ba lần. Sau đó, anh xem lại ảnh chụp trong điện thoại di động. Vẫn không có mặt ông trẻ Dẫn trong tấm hình. Anh bản khoăn đứng giữa bức ảnh treo trên tường và cái điện thoại di động. Điều này có thể giải thích như thế nào đây?

Thôi mặc kệ, để đến mai đã. Anh tắt điện thoại và lên giường. Lúc giắt màn, anh lẩn thần nghĩ, nhớ đầu Chi gọi điện cho anh ban đêm. Nhưng anh quyết định không bật điện thoại di động lên nữa, và nhắm mắt.

Cả ngày mệt mỏi với việc kiểm tra vật liệu, kỹ thuật và lại cầu, Đoàn dễ dàng bị giấc ngủ kéo đi. Nhưng chẳng bao lâu, anh thấy mình vật lộn với hơi thở. Có cảm giác phổi anh bị bó chặt lại, cứng như đá, không khí không thể vào được, anh cố hết sức để hít vào nhưng không nổi. Anh bừng tỉnh và phát hiện ra lỗ mũi trái bị tắc hoàn toàn, anh bị lạnh, hắt hơi mấy cái. Đèn vẫn sáng choang.

- Đi ngủ rồi thì tắt điện đi cháu! Tiếng

bà họ lợt lạt từ góc nhà phía đối diện vọng sang.

Đoan với tay về phía công tắc đèn treo lủng lẳng ở đầu dây sắt bên tường, tắt đèn. Anh cố không nhìn về phía bức ảnh treo tường. Để đến mai đã. Anh vớ cái chân đơn mỏng ở cuối giường, quần kín từ đầu đến chân, ngủ tiếp.

Hôm sau Đoan dậy muộn. Lúc mở mắt, anh đã thấy nắng vàng rực rỡ ngoài hiên nhà. Một chùm nắng còn xiên thẳng lên tấm chân đơn màu gụ anh quần quanh người. Đoan ngáp, thò tay quệt nước mắt ứa ra sau cái ngáp dài, định thần nhớ lại. Anh ngồi nhồm đậy, nhìn bức ảnh treo tường, bức ảnh trông bình thường, không có gì thay đổi. Anh bước ra khỏi giường, lại gần bức ảnh. Gương mặt ông trẻ Dẫn trong bức ảnh trông vẫn ma mị với đôi mắt sâu hoắm, ánh tia nhìn tinh quái. Anh chớp mắt nhìn lại, vẫn thế. Đoan quay nhanh lại giường, tìm điện thoại di động. Anh ấn nút khởi động mở máy, xem lại những bức ảnh chụp hôm qua. Trong ba bức ảnh chụp lại đêm qua, vẫn hiện rõ mặt ông trẻ Dẫn. "Chắc mình bị quáng!". Đoan trầm nghĩ. Anh quyết định không nói lại chuyện này với bà họ. Anh nhìn đồng hồ, đã gần chín giờ sáng. "Nhưng đêm qua, ông trẻ Dẫn đã không ở trong bức ảnh. Ông đã đi đâu???" Đoan cố xóa câu hỏi lớn vồn này trong đầu.

Anh lững thững đi bộ ra cầu Gon định kiểm tra những vết vá hôm qua. Chưa đến bờ sông, anh đã thấy người làng Gồm xôn xao kéo về phía cầu. Bọn trẻ con thậm chí còn chạy.

- Có chuyện gì vậy bác?! Đoan vừa hỏi vừa rảo bước lên kịp một người đàn ông lùn tịt, mặt quân phục cũ, cũng đang nhao người về phía cầu Gon.

- Ma ông Dẫn lại với gái làng Kèo xuống sông. Tôi vừa nghe lão nháo thế, đang chạy ra đây xem thế nào.

Ông vừa đi, vừa liếc nhìn Đoan từ đầu tới chân, giọng nói vừa có vẻ sợ hãi, lại vừa háo hức theo cái kiểu hóng tai họa của người khác.

Đoan chột da chứng lại "Không xong rồi". Dầu sao anh cũng phải chạy ngay ra cầu cái đã.

Cây cầu đông nghẹt người, họ xéo cả lên về và non của đội công nhân đo Đoan phụ trách thử nghiệm hôm qua. Lân dây chắn cảnh báo vết vá cũng bị xô đổ, dẫm lên. Dân hai làng xô lại từ hai đầu cầu, bao vây chiếc xe máy Wave Thái dựng nghiêng trên lòng cầu. Thế là rõ, nạn nhân mới của ma ông Dẫn là cô Thanh, đêm qua đi xe máy từ thị xã về làng... Oái oăm thay, cô Thanh lại là cháu gọi ông Liêm, Phó Chủ tịch xã Vọng Lạc, là cậu ruột. Ông Liêm lúc này cũng đang đứng gần chiếc xe máy, chỉ đạo thuyền dân quân tìm xác cô Thanh dọc sông Gon. Thấy Đoan, ông nhìn xoáy vào anh, như muốn bảo: "Gay thật chú mày ă! Thế quái nào lại rơi vào cháu tao. Cả họ sẽ banh xác tao ra".

- Không đụng được vào cầu Gon đâu!
- Cũng bái thế nào không biết!
- Đụng chạm gì đến thần sông rồi, ngài phạt đấy!
- Chỉ tại cái dòng giống nhà ấy. Tai họa!
- Cấm tiệt nó đi, không sửa sang gì hết!

Những tiếng xôn xao của người làng bủa vây Đoan. Những ánh mắt xa lạ thiếu sót. Tiếng khóc ai oán rai xuống mặt sông. Dưới sông, thuyền to thuyền nhỏ hối hả kiếm tìm sục sạo, nước sông vẫn sục lên, tuyệt không thấy xác cô Thanh. Tìm thì cứ tìm cho phải phép, chứ dân hai làng chẳng hy vọng thấy xác cô. Họ quá hiểu việc bị ma ông Dẫn bắt là thế nào. Ai đó tuyệt vọng đã mang đến đoan thân chuối tươi, đốt nậm nhang cắm lên đó, đặt bên thành cầu Gon. Khói nhang lan theo gió sông, tăng thêm vẻ bi ai cho khung cảnh dòng sông trưa hôm ấy. Dù rất vô lý, nhưng Đoan thấy như mình là thủ phạm gián tiếp trong vụ này. Cảm giác tội lỗi, sự ưu tư, những băn khoăn đè nặng lòng anh.

Đoan trầm ngâm đứng trước bức ảnh gia đình cụ tổ anh, cảm giác bất an. Đã một tháng chín ngày trôi qua, kể từ hôm cô Thanh bị sông Gon nuốt chửng, Đoan chưa thể tiếp tục công việc của anh với cầu Gon. Dầu vẫn tự biết, rằng thành công chỉ đến với những ai biết chờ đợi,

TRẦN ANH THÁI

Bên hồ

Ta bước xuống bến bờ yên lặng
Bầu trời không vì sao.

Bầu trời đi qua
Hoa mơ người hái đã tàn.

Sáng mai trong trẻo nắng ngàn
Ai còn khóc một màu hoa cũ.

Gió trái mùa rơi đầy đồng cỏ
Ta gom về thấp lửa sưởi ngày không.

Hai người

Những số phận không sắc màu trang sức
Biển trùng thâm thẳm về đâu
Kỷ ức dăm dế biển thức
Hai người sông lặng đêm

Giấc mơ dịu êm
Ai se sẽ lời ru xa vắng
Sương se se in lặng
Ấu thơ nhàu bụi nhân gian

Hàng dương xanh giấc mơ xanh
Trăng chơi với cánh đồng biển biếc
Hai người giữa dòng gió xiết
Nước xanh nức nở hai bờ

Trời đầu ánh mơ hồ
Sông tan âm thầm trong cát
Rượu tràn ai rót
Sao trời ngất ngưỡng lung linh

Ngày sang mặt trời vỡ sau lưng
Cơn khát cháy chiều hun hút
Hai người sông hiu hiu
Cuối trời sương khô xiêu xiêu.

nhưng Đoan bắt đầu đếm từng ngày chờ đợi của mình, và suy tính những phương án khác nhau để xử lý. Đấu trí với côi tâm linh cần những năng lực khác với côi người. Đoan có thể không có năng lực đó, nhưng anh hoàn toàn có thể thuê. Nghĩ đến đó, anh buột thở ra nhẹ nhõm.

- Này cháu, bà họ đứng sau lưng Đoan tự bao giờ, chợt lên tiếng, cháu nghe bà đi, treo lại bức ảnh tại ương này vào chỗ cũ trong buồng các cụ. Cháu để nó ở đây, bà khó ngủ lắm.

- Vâng, cháu theo ý bà vậy. Đoan đáp.

- Cứ thuận theo ý trời là hơn cháu ạ. Đoan mở cửa buồng các cụ, đem bức ảnh treo lại chỗ cũ. Anh chỉnh ảnh trên tường cho cân đối. Mắt anh và phải mắt của ông trẻ Dẫn, anh bỗng mím chặt môi, tay tóm chặt khung cảnh. Phải đến nửa phút mắt đối mắt như thế, người Đoan nóng phùng lên, rồi dần dịu lại, anh buông bức ảnh, bước ra ngoài. Gió len len mang đến mùi nhang bà họ anh thấp lên ban thờ gian giữa, phía đầu hồi, những nụ cau rơi thậm thọt, ngoài sân, gió vun đám lá nhãn héo thắm về một góc chận bể nước đầy rêu hanh vàng. Đoan bỗng nhớ Chi quay quắt. Anh rút điện thoại, nhắn tin cho cô: "Em yêu, về quê với anh?" Sao anh không dám gọi điện mà lại nhắn tin? Năm phút sau không thấy cô nhắn lại, anh thấy trống rỗng, buồn bã bèn đi bộ ra cầu Gon. Nắng trưa chắt trên đầu, trên vai anh những vệt vàng trốn đuổi nhau dưới tán lá trên đường.

"... Cặp môi ẩm sục của Đoan đã phủ kín miệng Chi, thuận lưỡi dài tham lam của anh không ngần ngại càn quét khắp miệng cô làm cô hết thở. Nhưng có

Ngày về

Ngày về
Sương rơi nhòa mắt
Em thả tóc bên hồ
Hoa rụng suốt mùa đông

Đâu đây bóng dáng con thuyền
Èm đềm miễn kỷ ức
Nắng đã nhạt mây tàn cuối dốc
Đêm rơi trong gió lạnh im

Ta sợ hoa ngàn không nở nữa
Nắng ngày xa lạ sớm mai
Ai ngồi úp mặt trong sương lạnh
Ai đi chờ với một bên trời.

Trắng xa

Cuối thu hoa giấy về trời
Có một người khóc thầm sau góc phố
Một người buồn rầu bứt bông hoa nhỏ
Trời vun lá rụng đầy sông

Mây chiều lướt thướt vào đông
Ai còn đứng nép sau hè vắng
Trăng chưa kịp sáng
Mưa ngày rớt lạnh sau lưng

Đường xa nắng vỡ nửa chừng
Đến hoang trời còn bỏ ngõ
Chim đại ngủ vùi trong gió
Đâu xa trăng qua.



không quan tâm việc thổ nữa, vì ở phía dưới, những ngón dài, cứng rắn của Đoan cứ xoáy những vòng ngày một gấp gáp khiến hồng cô run nảy lên từng chập, một cơn rung mình sâu thẳm vụt đến khi ngón giữa của anh day mạnh lên cái chộp nhỏ mềm mại ấm nồng. Cô không chịu đựng thêm được nữa, nảy cao hồng nở toang thềm khát và rên lên đôi hồi "Đoan ơi!" Cô bấu lấy anh, ấn anh thật sâu vào mình, co quắp nhưng vẫn không đủ. Tại sao thế, cô mở mắt ra, thấy phía trên mình không phải là Đoan, mà là ông kỹ sư Lang sa. Cô rú lên và cơn cuồng khát tắt lặng."

Chi ngẩng đầu lên khỏi mặt bàn làm việc, trước mặt cô là màn hình vi tính ở chế độ chờ. Từ ô làm việc bên cạnh, cậu đồng nghiệp đang nhìn sang cô với ánh nhìn ranh mãnh. Bối khí! Thì ra cô vừa tranh thủ chợp mắt sau bữa trưa ở lại cơ quan. Một giấc mơ trưa hoan lạc. Liệu có phải vì cô đã có gì đó trong mình? Trước đây với Đoan, cô chưa bao giờ có được cảm giác mạnh đến thế. Anh chưa bao giờ cho cô đạt tới đó. Hay là trong anh có ông kỹ sư Lang sa kia? Hoặc ngược lại? Hình như cô đã vô tình động chạm tới điều gì đó. Một điều lơ lửng, chưa rõ. Cô nhớ hôm ấy, khi lần đầu về làng, Đoan đã dùng xe chân cầu và họ đã đứng khá lâu bên bức tượng ông kỹ sư. Đoan chỉ đứng và ngắm thật kỹ, còn cô đã đưa tay lên vuốt ve tử cổ, xuống vai ông kỹ sư, đá trơn và mát.

"Cấm sờ hiện vật" Đoan bảo thế.

"Này lộn ngốc, em nghĩ ông kỹ sư này chết ở tám tuổi anh. Những người xây cầu thường ra đi ở tuổi bốn mươi, vất vả đấy!"

"Đừng dọa anh. Mà cũng chớ gọi anh là lộn ngốc nữa!" Đoan chau mày.

"Cầu với chả cống gì thế này! Nhưng

mình thêm gã lộn ngốc thật sự. Mình không cần chơi đùa ấy." Lúc này Chi nghĩ. Cô với điện thoại cầm tay và nhìn thấy tin nhắn của anh, mở ra. Cô bấm máy gọi anh ngay.

- A gì nò mô tô, cuối cùng thì nàng ếch đã để mắt tới kẻ hèn nhà quê này! Em nhớ anh quá rồi chứ gì - Giọng Đoan hồ hởi từ cầu Gon.

- Làm gì phải xoắn lên thế? Anh đang... nằm ở đâu? - Chi nhanh chân đi ra khỏi văn phòng, áp điện thoại vào tai.

- Anh đây chỉ nằm ở nào... có Chi thôi. Nào, nói đi, tại sao bao lần anh gọi em không thèm nghe máy?

- Vì không cần thiết! Chi bướng bỉnh nói.

- Á, em bỏ việc về đây ngay, anh đang có chuyện với cầu Gon...

- Này, quên cái cầu kiết của anh đi. Em đang muốn kể với anh chuyện... nó. - Chi thì thào.

- Có vẻ chẳng liên quan. - Đoan giở giọng thờ ơ trên chọc người yêu.

- Lộn ngốc ơi, liên quan chứ. Này nhé, hai chục năm nữa, hết mặn mà trai gái rồi, thì điều gì gắn kết em lại với anh? Chi hỏi.

- Gắn kết, gắn kết... - Đoan lăm lăm - Cầu Gon gắn kết dân hai làng. Không phải. Anh ngốc thật Chi à. Cái chết của ông kỹ sư, anh hiểu ra rồi. Em từng nhắc anh ông ấy chết tám tuổi bốn mươi...

- Ông ta làm gì có tuổi, con người tình ma ấy. - Chi cười - Em cho rằng anh nên bỏ ra dăm năm nữa hoặc hơn để xây một đền thờ ông ta bên cầu, anh nghĩ sao?

- Anh ư? Đoan bỗng bỏ lửng cuộc thoại.

"Điều gì kết nối ta lại cuộc sống này,

(Xem tiếp trang 23)

THĂM KHÔNG GIAN XƯA

GS. HOÀNG CHƯƠNG

KHÔNG gian xưa, cái tên mới lạ, thật khó hình dung khi mới nghe nên ai cũng tò mò muốn biết.

Vào những ngày cuối năm 2010, tôi được giám đốc trẻ Lê Bá Huy, chủ nhân công ty Máy miền Nam, đồng thời cũng là chủ nhân của *Không gian xưa* ở Đà Nẵng mới tới xem và góp ý kiến công trình văn hoá của anh đang trong giai đoạn sắp hoàn thành. Nói sắp hoàn thành có nghĩa là còn ngổn ngang những phần việc cuối cùng, vì vậy mà đến đây, phải chịu đựng tiếng ồn và khói bụi từ những chiếc cưa đá khổng lồ bay ra mù mịt. Hàng chục công nhân đang hối hả xây lắp các hạng mục công trình còn lại. Nhưng cái ruột của *Không gian xưa* thì gần như đã hoàn thiện trong một không gian rộng lớn hàng ngàn mét vuông nằm trên đường phố Điện Biên Phủ gần Trung tâm thành phố Đà Nẵng. Một địa chỉ lý tưởng, ở đó là một rừng cây nhân tạo đủ loại quý hiếm hầu hết đều có tuổi đời hàng trăm năm, được thu thập về từ mọi miền đất nước, trong đó có những cây "bất tử" như: cây Tùng, cây Bách. Giám đốc Lê Bá Huy tỏ ra rất tâm đắc hai câu tưởng nổi tiếng của Danh nhân Đào Tấn mà tôi tặng cho anh:

"Lao xao sóng vỗ ngọn Tùng
Gian nan là nợ anh hùng phải vay"

Đề người được tặng hiểu hết ý nghĩa và giá trị của câu tưởng, tôi phải giải thích: Cây Tùng, cây Bách là loại cây cắm rễ rất sâu, quanh năm xanh lá khi có bão tố thì lá lao xao uốn lượn như những đợt sóng tràn mà gốc vẫn đứng yên trên mặt đất, biểu trưng cho sức chịu đựng của con người có ý chí, của người anh hùng. Đã là người anh hùng thì phải vượt qua gian nan thử thách, phải vượt qua bão tố cuộc đời để đi tới thành công thì mới là anh hùng đích thực. Nữ tướng Kỳ Lan Anh (trong vở tuồng Hộ Sanh Đàn) đang bung mang dạ chứa, nhưng khi được tin chồng là Tiết Cương bị giặc Võ Tam Tư bao vây, liền cầm thương lên ngựa ra chiến trường giải vây cho chồng. Tiết Cương bị thương nặng, không vượt qua nổi núi, đèo, Lan Anh đã động viên chồng bằng hai câu hát nam:

"Lao xao sóng vỗ ngọn Tùng
Gian nan là nợ anh hùng phải vay"

Như một sức mạnh tinh thần giúp Tiết Cương vượt qua được hiểm nghèo thoát được vòng vây của giặc cùng vợ trở về doanh trại để bàn cách phục thù. Giám đốc trẻ Lê Bá Huy rất tâm đắc câu tưởng này, vì đã bao phen thất bại trong sự nghiệp kinh



Không gian xưa

Ảnh: TRẦN TUẤN

doanh, kể cả làm nghệ thuật, nhưng nhờ có nghị lực mà vượt qua được, để hôm nay thành công và thành danh. Anh xây dựng Công ty Máy miền Nam từ vốn liếng còn con, sau mười năm lao động sáng tạo nay đã trở thành một thương hiệu lớn - nơi cung cấp cho thị trường miền Nam những máy móc nông nghiệp hiện đại, ngoài ra còn sản xuất cả xe máy chạy ga, xe lăn cho người khuyết tật và xe đạp kiểu mới xuất khẩu. Vợ anh là Tú Oanh một cử nhân ngoại ngữ thông minh, xinh đẹp, giỏi giang có kinh nghiệm về đối ngoại, đang góp phần thành công cho sự nghiệp của chồng. Giám đốc Lê Bá Huy tâm tự: "Người ta lập công ty làm giàu thì mua vàng tích lũy, còn tôi lấy tiền lãi đem đầu tư cho văn hoá, cụ thể là xây dựng toà lâu đài 5 tầng và *Khu không gian xưa*. Toà lâu đài này với kiến trúc đặc biệt muốn được giành cho lãnh đạo TP. Đà Nẵng tiếp khách sang trọng trong nước và quốc tế còn *Không gian xưa* là một điểm nhấn văn hoá của thành phố trẻ Đà Nẵng để thu hút khách tham quan. Vì vậy mà Lê Bá Huy đã nhiều lần mời chủ tịch thành phố Trần Văn Minh đến xem và góp ý kiến.

Mới đây, hôm mừng 4 tháng 3, tôi lại được mời đến thăm *Không gian xưa* nhân Hội thảo "Những ý tưởng phát triển Đà Nẵng ngang tầm với các Thành phố phát triển trong Khu vực Asean và Châu Á". Trước ngày Hội thảo, giám đốc Lê Bá Huy đang cai chiều đãi tiệc đoàn đại biểu dự Hội thảo

tại *Không gian xưa*. Sau một giờ tham quan *Không gian xưa* và nghe giám đốc Huy chào mừng bằng những lời tâm huyết cùng với bài thơ dài khá hay anh mới sáng tác. Đại biểu, đa số là những nhà kinh tế, kiến trúc, xây dựng...tên tuổi của cả nước đã thể hiện sự cảm mến một con người tuổi còn trẻ nhưng mang một ý chí lớn, dám nghĩ dám làm và làm những điều mà chắc những người giàu có khác không bao giờ làm vì không lợi nhuận và không làm nổi vì quá tốn kém. Ví như, anh đi sưu tầm mua lại những vật liệu văn hoá cổ xưa ở Huế và nhiều tỉnh thành khác như nhà rường, nhà cổ của quan gia, địa chủ, tư sản ngày xưa ngày xưa, thậm chí anh mua cả những bức tường nhà cổ trên đất cổ đô Huế lấy gạch mang về cạo rửa rồi xây lên thành những bức tường mới hết sức công phu và có giá trị vĩnh hằng. Vào nội thất *Không gian xưa*, người xem hôm nay còn được nhìn thấy những cánh cửa, những cây cột, cây kèo, những xà nhà cổ xưa với lối chạm khắc vô cùng tinh vi trên những thanh gỗ quý hiếm. Người xem còn thấy được sự bài trí những phòng ngủ của người giàu có ngày xưa - Ông chủ nhà nằm trên cái "giường thùng" bằng gỗ quý có nắp dưới lưng để giữ cửa giống như nhân vật Trùm Sò trong tuồng Nghêu - Sò - ốc - Hến. Trong thùng để cửa cái quý, kê gian không đột nhập được. Bên cạnh là chiếc phản gỗ nhỏ giành cho người con trai trưởng nằm trông nom cha, vừa canh gác người lạ và kẻ gian.

ở góc bên phải là một cái giường cũng bằng gỗ giành cho bà chủ cho thấy ngày xưa vợ chồng không ngủ chung giường với nhau... Trong *Không gian xưa* còn có khu trưng bày những cảnh hợp chợ ngày xưa và có cả gian ẩm thực ba miền Bắc, Trung, Nam. Ở khu trung tâm *Không gian xưa* là một sân khấu nhỏ giống như trong dinh thự của các quan viên trong những thế kỷ trước. Ở đó ban đêm thường có những cuộc biểu diễn của các nghệ nhân dân gian như Hát Bội, Hát Bài Chòi, Hát Xẩm, Hát dân ca ba miền...Lần tiếp khách đặc biệt này giám đốc Lê Bá Huy mời các nghệ sĩ quan họ và Hát xẩm...từ miền Bắc vào phối hợp với câu lạc bộ nghệ thuật dân tộc ở Đà Nẵng cùng biểu diễn những tiết mục đặc sắc và cả nhạc tân cổ giao duyên. Có lẽ để hợp "gu" những vị khách quý mà chủ nhân đã chiêu đãi họ một bữa tiệc lớn bằng món ăn Braxin và uống rượu vang Pháp như một giao duyên văn hoá ẩm thực giữa xưa và nay, giữa truyền thống và hiện đại. Nhưng có lẽ đây mới là bước thử nghiệm trong quá trình tư duy và sáng tạo của một con người đầy tâm huyết với văn hoá dân tộc, với động cơ là góp phần cho thành phố quê hương của mình có thêm những nét văn hoá độc đáo để thu hút khách muốn phương.

Qua những lần tiếp xúc, tôi hiểu giám đốc Lê Bá Huy có năng khiếu nghệ thuật, đặc biệt có tâm lòng yêu say mê văn hoá dân tộc và luôn luôn có một ham muốn sáng tạo nghệ thuật. Chính anh tự thiết kế toà lâu đài được xây dựng hoàn toàn bằng gỗ quý và được trang trí hết sức công phu. Cũng chính tự tay anh thiết kế và trực tiếp chỉ đạo xây dựng *Không gian xưa* với chất liệu bằng đá Cẩm Thạch và gạch nung cổ xưa. Những hoa văn, hoa tiết, những nét chạm khắc gỗ, những đồ khảm xa cừ, tinh vi từ những thế kỷ trước đã sưu tập và trang trí mang tính thẩm mỹ cao, tạo nên được một *Không gian xưa* thật phong phú và hoành tráng, đặc biệt là vườn cây cảnh cũng được sưu tập sắp đặt và trang trí mang tính thẩm mỹ cao, tạo nên một *Không gian* thơ mộng, một bức tranh thiên nhiên kỳ vĩ có một không hai trên đất nước này.

Cảm hứng trước cảnh đẹp này, một nghệ sĩ hát xẩm đã ngân lên tiếng lòng lưu luyến với không gian xưa:

Đến đây muốn ở lại đây
Bao giờ bến rẽ xanh cây mới về
Còn tôi thì không bao giờ quên câu ca
dao xưa nói về lòng người xứ Quảng.
Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm
Ruột hồng đã chưa nhắm đã say
Em về nằm ngủ gác tay
Hồi nơi mỏ dn trọng nghĩa đây bằng đây...
Đà Nẵng - Hà Nội 8/3/ 2011

SỔ TAY THƠ



MẸ ĐI MÁY BAY

Cuống vé như cánh đồng được mùa
mẹ cất kỹ trong túi áo nâu cài kim băng kín miệng
sợ mất đi là mất cả mùa màng.

Mẹ đi máy bay

trầu cau ầm một khoang ngồi

mùi thơm rạ lót trong kê tay còn phảng phất
lòng mang đầy ca dao.

Mẹ bay lên trời cao

xác lập một vẻ đối với nền văn minh nhập khẩu

đám mây lác

lời ru thấm càng đầy

mây bay đổ miếng trầu chưa kịp dập.

Nơi mẹ đến vừa có tiếng trẻ khóc nức đêm

con trai làm ăn xa

thêm một quê hương của bé ra đời.

Không để quê nhà rụng rời

mẹ lên máy bay cả cánh đồng nghiêng nghiêng phía dưới
khứ hồi một giấc mơ...

TRẦN QUANG ĐẠO

Lời bình của VŨ BÌNH LỤC

Có lẽ không mấy người cầm bút làm thơ, mà không có đôi bài, đôi câu thơ về mẹ. Thơ viết về mẹ, có nhiều bài hay, nhiều kiểu hay. Sở dĩ thơ viết về những người mẹ có nhiều bài hay, trước hết, bởi đó là những tấm chân tình, bởi người mẹ bao giờ cũng là cội nguồn tình cảm của con người ở mọi thời đại.

Trần Quang Đạo, một nhà thơ gốc quê Quảng Bình giới

hào cát trắng, cũng có mấy bài viết về mẹ, khá hay. Riêng bài "Mẹ đi máy bay" viết cuối năm 2006, có giọng điệu mới mẻ, khai thác đề tài cũ ở một góc nhìn của thời hiện đại.

"Cuống vé như cánh đồng được mùa
mẹ cất kỹ trong túi áo nâu cài kim băng kín miệng
sợ mất đi là mất cả mùa màng".

Đó là khổ thơ mở đầu bài "Mẹ đi máy bay". Đã thấy hiện lên hình bóng khái quát về một bà mẹ nông dân, cả đời cặm cuội chất chiu vui buồn cùng hạt lúa, lần đầu tiên trong đời được lên máy bay ra thành thị, thăm con thăm cháu. Tác giả đã chọn được một chi tiết khá đắt, khởi lập tứ thơ. Hình ảnh bà mẹ cất kỹ tấm cuống vé máy bay vào trong túi áo nâu, rồi "cài kim băng kín miệng", vì "sợ mất đi là mất cả mùa màng", là một hình ảnh chân thực và cảm động. Người mẹ quê nghèo, suốt đời lam lũ với hạt lúa củ khoai, thì cái cuống vé kia có giá trị như cả "cánh đồng được mùa" là phải. Nên chi, thảo nào mà mẹ chả lo giữ gìn cẩn thận! Quả là một so sánh hợp lý hợp tình.

Mẹ lên máy bay "trầu cau ầm một khoang ngồi/ mùi thơm rạ lót trong kê tay còn phảng phất/ lòng mang đầy ca dao"... Và khi máy bay cất cánh, "mẹ bay lên trời cao/ xác lập một vẻ đối với nền văn minh nhập khẩu". Rồi thì "đám mây lác/ lời ru thấm càng đầy/ mây bay đổ, miếng trầu chưa kịp dập".

Vẫn là miếng trầu với mùi thơm rạ chân quê của người mẹ nghèo, không mới, nhưng ở đây lại mới trong bối cảnh hiện đại. Chữ "lót", trong câu "mùi thơm rạ lót trong kê tay" là một chữ tinh tế. Theo tác giả, hình ảnh mẹ như là "một vẻ đối với nền văn minh nhập khẩu". Nhưng "đám mây lác" mà "lời ru thấm càng đầy" thì cái chân quê mộc mạc đã được không gian văn minh hiện đại bao bọc, nâng đỡ và dường như lại còn có cơ hội thăng hoa. Chắc là mẹ vui, sung sướng, và cả tự hào, bởi "lòng mang đầy ca dao" và "lời ru thấm càng đầy", đang dồn nén, rạo rực ngân nga trong lòng mẹ! Chính sự đối lập đáng yêu này đã tạo tứ cho thơ, hay cái tồn tại hiện hữu,

đã làm nên vẻ đẹp của thơ!

Chiếc máy bay đã đưa mẹ từ quê hương còn nghèo nàn lạc hậu, đến nơi đô hội phồn hoa, xa ngải, mà lạ lùng thay, "máy bay đổ miếng trầu chưa kịp dập". Nơi ấy là nơi con trai mẹ đang "làm ăn", lại "vừa có tiếng trẻ khóc nức đêm". Và thêm một quê hương của bé mới ra đời...Thế là niềm vui lại cộng với niềm vui, hạnh phúc càng tràn đầy. Chữ "nứt" trong câu "vừa có tiếng trẻ khóc nức đêm" là một chữ hay. Nó động từ hoá cả câu thơ, khiến người đọc hình dung như thế cả vũ trụ đang "nứt" ra, đang vỡ ra, đang chuyển động cùng âm thanh của tiếng trẻ cất tiếng khóc chào đời. Một từ thông dụng mà đặt vào đúng chỗ, khiến nó cháy hết nội lực, làm sáng cả câu thơ, đó chính là chỗ hơn thua, là tài năng của người cầm bút.

Nhưng rồi mẹ cũng không thể ở mãi với con với cháu nơi phố phường xa lạ, không thể "vào khu tập thể gặp ai cũng chào" như bà mẹ trong thơ Lê Đình Cánh. Mẹ nhớ quê, nhớ ruộng đồng, lại không muốn "để quê nhà rụng rời", nên mẹ lại về. "Mẹ lên máy bay cả cánh đồng nghiêng nghiêng phía dưới/ khứ hồi một giấc mơ".

Đó là một hình ảnh đẹp, khép lại bài thơ cảm động về người mẹ nông dân Việt Nam đích thực. Tác giả rất thành công trong việc chuyển tải những hình ảnh và ngôn ngữ dân gian truyền thống vào trong một bài thơ hiện đại. Tứ thơ xoay quanh một chuyến bay khứ hồi, mà hồn cốt nhân vật trữ tình hiện lên sống động.

Trần Quang Đạo là một nhà thơ đang tích cực đổi mới thơ. Thơ Trần Quang Đạo đã thấy có giọng điệu riêng, mới về hình thức, nhưng không rơi vào bí hiểm lạ lẫm. Đó là một sự cách tân tư duy thơ, hướng tới khơi gợi những xúc cảm thẩm mỹ ở thời hiện đại, của con người hiện đại. Tôi cho rằng, mọi sự cách tân, nếu bám sâu vào mạch nguồn dân tộc và đặc sắc phương Đông, mới có hy vọng tác phẩm sẽ ở lâu với người Việt vốn ưa *nhắm nháp* thơ, hơn là *xem thơ bằng mắt*!

CẦU GON

(Tiếp theo trang 21)

sau khi ta chết đi?" Trong anh phùng phùng lên câu hỏi.

Anh đi bộ thẳng tới ủy ban xã Vọng Lạc.

Văn phòng ủy ban vắng vẻ vắng ngắt, ông Liêm ngồi sau cái bàn đầy ngồn những tờ báo tính cả cũ lẫn mới và giấy tờ, bao thư, file nhựa phủ bụi. Bộ salon gu lên nước bóng nhoáng, trên mặt bàn chỉ chít vệt nước chè loãng lổ...

- Chè hay cà phê? Ông hất hàm phía Đoàn.

- Chè thôi chú ạ. Món cà phê uống ở thành phố hợp hơn.

Cái ấm sứt vôi làm nước cứ xóc ra mặt bàn, ông Liêm rót được một tý thì vôi tắc, ông ghé miệng thổi phèo vào đầu vôi, rồi nghiêng ấm rót tiếp.

- Chú mày sốt ruột rồi phỏng? Ông Liêm hớp ngụm chè, lé mắt nhìn Đoàn. ở quê này mà ăn không ngồi rồi thì chán bỏ mẹ!

- Vàng, cháu vẫn biết là phải chờ đợi. Đoàn chậm rãi nói.

- Tao cũng xót con Thanh quá, gái hơ hớ hai chục tuổi đầu, cả chưa biết mùi giai. Với lại dân làng kéo lên xã phản đối ghê quá, có cả thư gửi Chủ tịch kia kia! Ông Liêm vung tay chỉ đồng hồ trên bàn mình.

- Cháu không định giục chú đâu. Đoàn phân trần.

- Chú mày giục thế đểch nào được tao. Ông Liêm nheo mắt. Cái chính là tao đang nghĩ, chuyện cái Thanh ấy. Chú mày giải thích làm sao?

- Cháu không nghĩ đó là chuyện ngẫu nhiên. Ông Dẫn dẫu hẳn vẫn còn một mối hận ở cõi này. Nếu không tìm được bà Hòe cho ông, thì ông vẫn không nguôi đi được.

- Thì "hình nhân thế mạng" thôi chứ gì, cách ấy đau khổ. Ông Liêm ủ chén trà nóng trong lòng bàn tay, hai đầu gối rung rung.

- Vàng. Thỉnh ý chú, còn các bác bên ủy ban, còn dân hai làng thì sao? Đoàn nhìn ông Liêm hy vọng.

- Các ông xã thì cứ thế này là xong - ông Liêm xoe xoe hai ngón cái, ngón trỏ vào nhau, mắt nháy nháy. - Còn dân hai làng, chú mày tổ chức mời một thầy cúng có thương hiệu về làng, lu loa lên một lễ cúng thật ưnh oàng, mới cổ cả hai làng, tốn kém tý. Chè no rượu say là họ ừ tất.

- Tốn kém thì cháu không ngại mấy. Đoàn trầm tư nói - Nhưng chú có thấy yên tâm thật không?

- Yên tâm thế đểch nào được - Ông Liêm bắt cười, gãi mái đầu muối tiêu sồn sột - Còn sống thì còn phải chiến đấu, kể cả với ma quỷ. Làm thì cứ làm thôi, chú mày ạ. Tao cũng muốn thử xem lần này thì ma ông Dẫn với thần sông Gon sẽ làm thế nào.

- Chú mày chiến thật, cháu phục chú! Đoàn rạng ngời nét mặt.

- Đàn ông đàn ang thì phải thế chứ! Phải "sống không sợ hãi". Tao làm đến vị trí này ở xã không dễ đâu. Tao nghiệm ra là đểch bao giờ sống yên ổn được, nên tao cứ gậy kho kho trên dư luận. Chỉ bao giờ mặc áo sáu tấm thì chấp nhận yên ổn.

Đoàn mừng quá, như gặp tri kỷ. Anh không nói được gì, bước ngang qua bàn, ôm chầm lấy ông Liêm.

Phải mất hơn tháng trời nữa trời qua, Đoàn mới chuẩn bị xong ngày lễ sông Gon, 9 bò cái, 49 lợn cái, 99 gà mái tơ đẹp nồn được sắm về tế lễ. Chân cầu đều được dán bùa hồng, thành cầu trang trí cờ giấy vàng rực rỡ. Hoa chuối non dựng dọc hai bên lòng cầu. Giữa cầu là hình cô Hòe bằng giấy bồi, mặt hoa da phấn. Dưới sông neo một bè thân chuối cắm hương khói bốc nghi ngút, đánh dấu thủy mộ chung cho những người bỏ mạng tại khúc sông này. Khói nhang mặt sông bay lên, khói nhang trên cầu lan tỏa, hòa cùng sương mây cuối đông mờ mịt khiến cầu Gon như chiếc thuyền bay trong làn mây. Gã thấy cùng trùm bộ áo lễ vàng nghệ viền tay áo, vạt áo màu đỏ, một tay dựng ngang ngực, một tay vung

vẩy nắm hương lúc chia lên trời, lúc chúc xuống sông. Lát sau, gã dốc chậu tiết hòa chung dòng máu của ba loài vật xuống dòng Gon. Vàng mã, hình nhân được hóa ngay giữa cầu. Gã thấy cùng mở chai rượu trắng, vẩy vào đồng tro than vừa hóa, rồi cẩn thận bốc một nắm tro, vung xuống lòng sông.

Đoàn mặc bộ đồ đen, đứng gần đồng tro tàn, hai tay chấp lại thành kính. Hai mắt nhắm lại, cố tập trung vào ý nghĩ cầu cho những oan hồn được siêu thoát nơi đây. Nhưng lát sau, ý nghĩ của anh đã trôi về phía Chi. Kể từ buổi nói chuyện với anh qua điện thoại, cô lại lằng phắc. Chỉ vì mãi quan tâm đến sửa cầu và phát hiện mới về ông kỹ sư, mà anh bỏ lửng câu chuyện, không kịp hỏi kỹ về "nó". "Cổ đã làm gì với "nó"? Ở, mà vì lý gì anh lại bàn khoản việc ấy, anh bắt đầu xa rời quan điểm của chính mình chẳng?

- Đoàn này - ông Liêm đập bộp vào vai Đoàn - Chú mày thấp thêm tuần nhang nữa cho ông kỹ sư rồi ta kết thúc buổi lễ.

Đoàn mở bừng mắt. Những người dân chen chúc nhau xem lễ đang tàn dần về làng. Họ hướng về những mâm cỗ ú ụ thức ăn nóng sốt, ngập ngụa thịt thà đang chờ đợi những cái miệng tham lam nghiêng ngấu, và rượu quốc lủi sẽ ngập tràn, ngập tràn núi sông. Dân hai làng sẽ chìm trong một cơn say rượu thịt chưa từng có, phút chốc cho qua mọi cứu hận, oan trái, tai ương và những lo lắng thiếu thốn bất tận.

Cây cầu khẽ rung rinh theo những bước chân rầm rập thịt rượu cuốn về hai đầu cầu. Họ trả giá cho bữa thịt rượu bằng những cái gạt đầu. Dưới những tấm bạt dã chiến ghép vào nhau che kín sân nhà văn hóa làng, trong ánh đèn điện đỏ yếu đùng đục, những mâm cỗ tú hú hút những mái đầu đen cùng bạc, từ đó bốc lên mùi canh bí nấu xương, mùi lòng mùi thịt luộc, mùi xào đậm đặc quện với mùi rượu ngang rót tràn chén chủ chén anh, những tiếng nói to tiếng cười hết cỡ, tiếng chén cùng cách cách tạo nên không khí tự hội ẩm nh quen thuộc đặc trưng làng quê. Rộn rắt là mâm cỗ đậm trí thức làng. Những bữa rượu thịt là phê như thế này giống như một thứ hội nghị chính trị mi ni của làng. Rượu thịt như cái bơm, đẩy bật ứ khí, giúp người ta vô tư toang toác những ngấm ngại, suy đoán thế sự làng. Ai đánh thuê những tuyên ngôn dấm hơi men? Nói, nói, nội tuốt, nói tướng lên, khoái cực khoái!

- Tôi cả với ông, thằng Đoàn là truyền nhân của ông kỹ sư Lang sa. Còn ông còn tôi, thằng đó sẽ tu tình được cầu Gon cho xem.

- Chết chữa, bố thằng Hĩm lại còn chơi chữ! Thì cứ huych toẹt ra, đấy chẳng qua là sự thống trị tư tưởng xây dựng có tinh di truyền đi.

- Tâm thế ấy làm nên chuyện đấy, không cần cá. Nhưng tôi đồ ông, ma ông Dẫn có lên nữa không?

- Lên tốt! Mỗi lần lên lại bắt được gái trẻ xuống chơi, tội gì không lên. Phải tôi thì tôi còn lên nhiều hơn ông ấy chứ. Hahaha...

Dẫu sao, Đoàn sẽ được phép tiếp tục sửa cầu. Anh bước chậm rãi theo dân làng, chú ý nhìn những vết vá đầu tiên trên cầu Gon, chúng lồi lõm do những vết chân, vết xe ẩu đã nghiêng lên, nhưng chúng bám chặt vào thân thể cầu, như máu thịt. Đoàn khẽ mỉm cười, lòng lâng lâng. Anh hít sâu để tận hưởng cảm giác hạnh phúc bay bổng khó có này. Anh dừng lại trước bức tượng ông kỹ sư người Pháp, hai tay đặt lên vai ông, nhắm mắt lại. Anh chỉ có thể sẽ chia hạnh phúc này với ông mà thôi. Cả hai cùng mỉm cười. Cầu Gon sẽ tiếp tục sống, mạnh mẽ. ■

2011-KBH

(*) Đời là thế đấy!

BẠN ĐỌC VỚI VĂN NGHỆ

SUY NGHĨ THÊM VỀ BÀI BÁO ĐỘNG ĐẤT VÀ ĐỘNG LÒNG

ĐỌC bài báo "Động đất và Động lòng" của nhà thơ Nguyễn Hữu Quý đăng ở báo Văn nghệ số 14 ngày 02/4/2011, tôi rất tâm đắc, suy ngẫm và nhớ câu nói bất hủ của người xưa: "Làm thầy thuốc mà làm thì giết hại một người, làm chính trị mà làm thì giết hại một nước, làm văn hoá, đạo đức mà làm thì giết hại muôn đời".

Lịch sử thế giới đã có nhiều tin tội phạm buôn bán chính trị, bằng mọi giá để đạt những tham vọng đen tối, xấu xa, coi thường kỷ cương phép nước, làm mất lòng tin của dân mà không biết xấu hổ.

Những vụ tham nhũng, lừa đảo, làm những điều sai trái trong thương trường, môi trường, nhà trường, làm trường và chôn quan trường ở nước ta cần phải được trừng trị nghiêm khắc. "Vũ khí phê bình không thể thay thế cho việc phê bình bằng vũ khí".

Việc trị quốc không chỉ có làm giàu, mà còn phải làm cho "Cuộc sống bớt dần những mưu mô thâm hiểm, những đảo lữa lường gạt, những gianh tranh cầu xé những bớt xết vô lương" (Nguyễn Hữu Quý).

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương trong sáng về lẽ sống và đạo làm người, là niềm tin lớn đối với nhân dân, mọi người hãy học tập điều gì đó của Người để làm cho mình tốt đẹp hơn.

Rất cảm ơn nhà thơ Nguyễn Hữu Quý đã làm cho tôi có đôi điều suy nghĩ thêm về sự đời ngồn ngang trần trở mà thiết kế lại cuộc sống ở cái tuổi tám mươi ba này.

Còn với các bài viết *Đề bất lo âu* của nhà thơ Đào Vĩnh, bài *Tham nhũng và nhận diện tham nhũng* của tác giả Nguyễn Duy Nghĩa và bài *Tệ mua quan bán chức* của Nguyễn Gia Nùng trên Văn nghệ số 15 ra tiếp sau đó, buộc tôi phải có suy nghĩ, rằng đã đến lúc quá khứ phải bật dậy, thông qua bài viết ngắn sau đây:

QUÁ KHỨ PHẢI BẬT DẬY

Những sự kiện nóng bỏng trên thế giới và ở Việt Nam trong mấy tháng nay đòi hỏi quá khứ phải bật dậy để nhắc nhở những

người có trách nhiệm hiểu rằng "giữ được thiên hạ không phải là dễ". Sự đồng thuận xã hội càng cao thì không có thành quách nào không hạ được. Không được mù loà về lịch sử - văn hoá của dân tộc mình.

Cuộc Cách mạng tháng Tám thành công ở Việt Nam chính là cổ sức mạnh to lớn của nhân dân và có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI (12/1986) đã làm thay đổi bộ mặt đất nước là do những sai lầm về đường lối, chính sách được phê phán khắc phục.

Từ cổ chí kim, những người được nhân dân tin yêu quý trọng đều đã làm được điều mình nói: "Trước hết cốt lấy lòng dân, thứ hai mới cốt lấy thành trì của địch", "Không sợ gì giặc giã hết, khoan thư sức dân, trên dưới đồng lòng, vua tôi hoà thuận thì không kẻ thù nào lấn át được"...

Được như thế thì ba quân thấy vậy cờ là theo mà khắp thiên hạ nghe trống cũng theo về.

Vị hoàng đế, viên tướng Na-pô-lê-ông Bô-na pác một thời của nước Pháp khi thừa thắng đã ngạo nghễ nói "Nhà nước là ta" rồi sau cùng phải nói: "Nhà nước chẳng là cái gì cả, nếu không có dư luận". Khi bị bắt làm tù binh đã than thở: "Than ôi! Nếu ta biết trong chiến tranh sức mạnh vật chất chỉ bằng một phần ba sức mạnh tinh thần thì đâu phải rơi vào tình cảnh ô nhục này".

Một tấm gương sáng thì ai cũng muốn soi để sửa mình, một suy nghĩ tốt đẹp một việc làm tốt đẹp là một thứ mà nhờ nó có được nhiều thứ tốt đẹp khác.

Những người có chức quyền này, nọ mà "không hoàn thành nhiệm vụ, không có đạo đức, thì không bằng một người quét rác chăm chỉ" (Hồ Chí Minh). ■

NGUYỄN VĂN BÔI

Nguyên Thứ trưởng Bộ Vật tư

26/135/73/3 Đội Cấn - HN

CHỈ DÙNG 4 HỘP THUỐC, TÔI ĐÃ ĐI LẠI ĐƯỢC BÌNH THƯỜNG

NGỌC HÀ

Không cần những biện pháp chữa trị quá hiện đại, đắt tiền, bác Lâm Thị Kim Chi (sinh năm 1937, trú tại 16 Tầng Bạt Hồ - Quy Nhơn-Bình Định) đã vượt qua căn bệnh thoái hóa khớp gối nhiều năm của mình bằng phương thuốc hết sức đơn giản và hiệu quả.

BÁC Chi chia sẻ, khi tuổi già ghé thăm cũng là lúc căn bệnh xương khớp bộc lộ rõ nhất. Bác cũng không ngoài quy luật đó, có điều, bác đã sớm chọn được phương pháp hiệu quả đẩy lùi căn bệnh của mình.

"Chân bên phải của tôi thường xuyên trong tình trạng đau nhức cả ngày lẫn đêm, càng vận động thì càng đau, vận động ít thì đỡ hơn, khiến tôi vô cùng khó chịu, gần như không đi lại được. Nhiều lúc phải bỏ, không làm được việc gì" - bác Chi nhớ lại. Đi khám nhiều nơi, ở đâu cũng nói là bác bị thoái hóa khớp. Uống thuốc tây, chích 3 mũi thuốc nhưng chỉ đỡ được ít hôm lại tái

phát. Bác chuyển qua dùng thuốc bắc, bệnh tình không giảm bao nhiêu. Là người ham tìm hiểu, một lần đọc báo, thấy nhiều người sử dụng cồn thuốc đắp ngoài Cốt Thống Linh hiệu quả, bác liền ra hiệu thuốc mua một hộp về dùng.

Đó là năm 2009. "Thật kỳ lạ, tôi đắp miếng Cốt Thống Linh đầu tiên đã thấy đỡ đau hẳn. Cồn thuốc có dặn là dán 30 phút có thể sẽ bị nóng. Tôi thấy "y si" như thế luôn. Nhiều lần đắp thuốc thấy dễ chịu quá nên mặc dù đắp được 30 phút như hướng dẫn rồi nhưng tôi vẫn chưa bóc miếng đắp ra. Thời tiết nóng nên chỗ đắp bị nóng đỏ và hơi ngứa - bác Chi hóm hỉnh kể lại với chúng tôi, khuôn mặt vui vẻ như cơn đau vừa mới biến mất mới đây thôi. Bác cũng cho biết, trong năm 2009, bác chỉ cần dùng hết 2 hộp Cốt Thống Linh, tổng cộng là 20 lần đắp thì cơn đau khớp đã hết, đi lại bình thường. Mãi tới năm 2010, bác mới thấy hơi nhức khớp trở lại. Kinh nghiệm từ lần điều trị trước, bác mua tiếp 2 hộp Cốt Thống Linh về đắp, và cũng chỉ cần như vậy là từ đó đến nay, bác không thấy đau nhức chân nữa.

Đang chuẩn bị chia tay bác Chi thì chúng tôi nán lại vì người em dâu của bác Chi là bác Liễu Thị Ngọc Thủy cũng hào hứng kể rằng: "Tôi đã hết những cơn đau lưng dai dẳng sau khi đắp Cốt Thống Linh để điều trị thoái hóa cột sống thắt lưng, tôi rất tin tưởng vào tác dụng của sản phẩm này và đã giới thiệu cho rất nhiều người sử dụng". Niềm vui của bác Chi và bác Thủy khiến chúng tôi cảm thấy vui lây và hy vọng nhiều người bệnh khác cũng sớm tìm được niềm vui như hai bác. ■



Ảnh minh họa

THÔNG BÁO

CUỘC THI TRUYỆN NGẮN 2011 - 2012

CỦA TUẦN BÁO VĂN NGHỆ -

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

TRONG không khí giới văn nghệ sĩ cả nước sôi nổi chuẩn bị triển khai, thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI về văn học nghệ thuật, nhằm góp phần nâng cao chất lượng truyện ngắn Việt Nam nói riêng, đời sống văn học nước nhà nói chung, phản ánh sâu sắc con người và xã hội Việt Nam đương đại; phát hiện và cổ vũ kịp thời những tài năng văn học mới. Tuần báo **Văn nghệ** tổ chức phát động Cuộc thi truyện ngắn trong 2 năm 2011-2012. Đăng tải trên **Văn nghệ** và **Văn nghệ Trẻ**. Cuộc thi hoan nghênh mọi tìm tòi, khám phá cả nội dung lẫn hình thức; quan tâm đặc biệt những tác phẩm đề cao các giá trị nhân văn, góp phần

hoàn thiện xã hội và con người trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Đối tượng dự thi:

- Tất cả các nhà văn, các cây bút chuyên và không chuyên trong và ngoài nước.

Bài dự thi gửi: BAN VĂN, TUẦN BÁO VĂN NGHỆ 17 TRẦN QUỐC TOẢN, HÀ NỘI hoặc địa chỉ email: **banvanvn@gmail.com**

Quy định:

Tác phẩm hợp lệ trước tiên phải là truyện ngắn với số lượng không quá 5000 từ. Truyện chưa in trong sách hoặc trên các báo và tạp chí Trung ương. Bản thảo vi tính trên một mặt giấy, sạch và rõ. Trong thời gian cuộc thi, tác phẩm dự thi không được gửi in sách, báo hay tạp chí nào khác.

Thời hạn:

Nhận bài từ 1-2-2011. Kết thúc ngày 1-2-2013. Lễ tổng kết và trao giải vào tháng 5 năm 2013.

Giải thưởng:

Giải Nhất: 30.000.000 đồng, giải Nhì: 20.000.000 đồng, giải Ba: 10.000.000 đồng.

Ban giám khảo:

Ban Sơ khảo là Ban Văn (mở rộng) của báo **Văn nghệ**, Ban Chung khảo gồm các nhà văn uy tín do BBT Tuần báo **Văn nghệ** mời.

Tuần báo **Văn nghệ** mong được sự hưởng ứng nhiệt tình của các bạn viết trong và ngoài nước.

BAN BIÊN TẬP
TUẦN BÁO VĂN NGHỆ



THƠ CHÂM

Hiển kế đi!

Giá cứ leo thang tiến chẳng để
Hàng tràn thiết giả đạo đời suy
Về hưu chồng lớn lương ba cọc
Đường chức xênh xang... lộc tử bề
May chẳng đa mang bố với nợp
Không thì ôm gọn khốn cùng nguy
Thị trường "mưa nắng" kiểm sao nhỉ?
Đâu kẻ hiển tài hiển kế đi!!!

NGUYỄN KỶ ANH

Nghèo vì...

Giá chợ tăng - chưa là bao
Giá Nhà nước lại tăng cao lạ thường
Tăng nhiều thứ chẳng có thương
Tăng xăng, tăng sữa, tăng đường, tăng tem
Tăng giá sách, tăng báo xem
Tăng điện, tăng nước, vé thêm tăng rồi...

Bà con lo đứng lo ngồi
Chi nhiều, thu ít - chết thôi, còn gì
Sao giá cứ tăng tùy nghi
Ông giàu, bà sướng... Suy vì dân nghèo

Bao giờ hết loại "ăn theo"
Cho dân không bị giá leo ngấp đầu?...

NGUYỄN TIẾN BÌNH

CHUYỆN VUI

TỶ LỆ TƯƠNG XỨNG

Cô vợ trèo lên bàn cân, anh chồng nhân mặt:
- Em có biết, em phải cao chừng nào để tương xứng với trọng lượng không?
- Chừng nào?
- Năm mét rưỡi!

ĐỪNG TIÊU HOANG PHI

Đôi vợ chồng chuyển sang ở ngôi nhà mới.
- Anh này - Cô vợ nói - phải mua ngay một tấm rèm cửa sổ, nếu không khi em thay quần áo, hàng xóm nhìn thấy hết.
- Chi tiêu phí phạm làm gì? - Anh chồng đáp - Anh dám cá rằng khi nhìn thấy em như vậy, thì họ sẽ phải tự trang bị rèm cho cửa sổ nhà mình thôi.

XÓA SẠCH

Hai lập trình viên có vợ đang ngồi nói chuyện với nhau về cuộc sống. Bỗng một người nói: "Cậu biết không, tớ muốn chết trước vợ mình".
- Tại sao? - người kia hỏi - Cậu yêu vợ tới mức không muốn sống một ngày mà không có vợ cậu bên cạnh sao?
- Không. Mà vì nếu cô ta lên thiên đường trước, cô ta sẽ bếp xép đủ chuyện về tớ. Tớ phải lên đó trước và tìm cách xóa sạch các dữ liệu về mình.

THÉT LẠC GIỌNG

Hai ông nghiện thuốc lá nói chuyện với nhau:
- Hút thuốc nhiều hổng hết cả giọng.
- Đúng vậy! Giá mà ông nghe tiếng thét của vợ tôi, mỗi khi tôi làm rơi tàn thuốc xuống thảm.

HOÀNG MAI sf



Tranh của CHU ĐỨC TIẾN